

ĐẠI ĐẠO TAM KỶ PHỔ ĐỘ  
TÒA THÁNH TÂY NINH

# ĐẠI ĐẠO SỬ CƯƠNG

QUYỂN I

- THỜI KHAI PHÁP (1920-1926)
- THỜI ĐẠO PHÁP (1926-1929)

SOẠN GIẢ

HIỀN TÀI TRẦN VĂN RẠNG

ĐẠI ĐẠO NĂM THỨ 45  
1970

---

Ebook được làm theo ẤN-BẢN phổ biến trên Website của **DAOCAODAI.INFO**. Mọi góp ý, đề nghị bổ túc, sửa đổi những sơ sót, có thể có, xin vui lòng gửi điện thư vào địa chỉ: *tamnguyen351@live.com*

Thành thật tri ơn **HT. TRẦN VĂN RẠNG, BAN PHỤ TRÁCH PHỔ BIẾN KINH SÁCH WEBSITE DAOCAODAI.INFO** đã bỏ nhiều tâm-huyết và công sức trong việc sưu tập, biên khảo, đánh máy, in ấn hay phổ biến trên Website ngõ hầu **GIÁO-LÝ ĐẠI-ĐẠO** được phổ truyền rộng rãi, lưu lại di-sản tinh-thần vô-giá cho thế-hệ hiện tại và nhiều thế-hệ tiếp nối mai sau.

California, 03/11/2012

Tâm Nguyên

---

# ĐẠI ĐẠO SỬ CƯỜNG

QUYỂN I

THỜI KHAI PHÁP (1920-1926)

THỜI ĐẠO PHÁP (1926-1929)

SOẠN GIẢ: HT. TRẦN VĂN RẠNG

Cao Học Sử

Kiểm duyệt kinh sách Đạo số 02-KD/TT ngày 23-11-1970

---

---

# Mục Lục

<b>LỜI GIỚI THIỆU</b> .....	<b>11</b>
<b>LỜI TỰA</b> .....	<b>13</b>
<b>PHẦN PHÁT ĐOAN</b> .....	<b>15</b>
<b>CHƯƠNG I</b>	
<b>KHÁI QUÁT VỀ XÃ HỘI MIỀN NAM</b>	
<b>KHI CAO ĐÀI GIÁO XUẤT HIỆN</b> .....	<b>15</b>
1. Miền Nam là đất thuộc địa Pháp: .....	15
2. Các tầng lớp xã hội: .....	16
3. Văn hoá thời Pháp thuộc: .....	18
<b>CHƯƠNG II</b>	
<b>CÁC LỜI TIÊN TRI CAO ĐÀI GIÁO XUẤT</b>	
<b>HIỆN</b> .....	<b>20</b>
1. Kinh sấm truyền báo trước Cao Đài giáo xuất hiện: .....	20
2. Hoàn cảnh xã hội Việt Nam chung đúc cho nền Tân Tôn giáo: .....	25
3. Đấng Chí Tôn dành ân sủng cho dân tộc Việt Nam: .....	26
4. Tổng tắt: .....	27
<b>CHƯƠNG III</b>	
<b>KHÁI LUẬN VỀ THÁNH ĐỊA CAO ĐÀI VÀ</b>	
<b>TÔN GIÁO CAO ĐÀI</b> .....	<b>28</b>
1. Vị trí và diện tích: .....	28

2. Quản trị:.....	29
3. Tôn giáo Cao Đài:.....	31
4- Sinh hoạt:.....	34

**PHẦN THỨ NHẤT**  
**THỜI KHAI PHÁP (1920-1926) ..... 37**

**CHƯƠNG I**

ẤN CHỨNG THIÊN LIÊNG .....	37
1. Người đệ tử Cao Đài đầu tiên:.....	37
2. Thiên Nhân hiển hiện lần đầu tiên:.....	39

**CHƯƠNG II**

CƠ PHONG THÁNH .....	41
1. Đấng A, Ǻ, Ǻ giáo đạo: .....	41
2. Hội Yến Diêu Trì Cung: .....	46
3. Lập đàn cầu đạo:.....	53
4. Các vị tông đồ đầu tiên và Cơ phổ hoá: .....	59
5. Thiên phong đầu tiên: .....	71
6. Các đàn lễ và lễ nhập môn:.....	77
7. Việc tạo quả Càn khôn thờ Đức Chí Tôn: .....	79
8. Số đồ đệ của kỳ ba tam chuyển:.....	80
9. Khai đạo với chánh phủ Pháp:.....	81
10. Thầy giao quyền cho Đức Lý Thái Bạch: .....	85

**PHẦN THỨ HAI**  
**THỜI ĐẠO PHÁP (1926-1929)..... 87**

**CHƯƠNG I**

ĐẶT NỀN TẢNG ĐẠI ĐẠO.....	87
1. Đức Chí Tôn định ngày khai Đạo 14-10-Bính Dần: .....	87
2. Cuộc thử thách đầu tiên trong nền Đạo:.....	92
3. Thầy khai Đạo Tịch Nữ Phái, Nam Phái: .....	94

---

4. Thành lập Pháp Chánh Truyền và Hội Thánh	
Cửu Trưng Đài: .....	98
5. Ban hành Tân Luật: .....	102
6. Thành lập Hội Thánh Hiệp Thiên Đài: .....	103
7. Cất Toà Thánh tạm: .....	107
8. Ngưng cơ Phổ Độ: .....	110
9. Thống hiệp Ngũ chi Đại Đạo: .....	111
10. Thầy phong Thánh lần chót: .....	114
11. Một vì Thời Quân liễu đạo đầu tiên: .....	115
12. Điểm báo trước phân chia chi phái: .....	115

## CHƯƠNG II

NHỮNG GIÁO ĐIỀU CĂN BẢN: .....	117
1. Việc thờ Thượng Đế: .....	117
2. Lễ phục và số văn: .....	118
3. Cúng tứ thời: .....	120
4. Lễ Phật Mẫu: .....	121
5. Kinh tận độ: .....	123
6. Lập đàn cầu bịnh: .....	123
7. Cầu hồn khi hấp hối: .....	124
8. Cầu người đã chết: .....	124
9. Cầu hồn và cầu siêu cho người ngoài: .....	126
10. Thuyết Bát Nhã: .....	126
11. Lễ nhạc và kinh kệ: .....	127
12. Quan niệm về Vũ trụ và Con người: .....	129
13. Đăng cấp người theo Đạo: .....	130
14. Luật luân hồi: .....	131
15. Ngũ giới cấm: .....	132
16. Tứ đại điều qui: .....	135
17. Đức Cao Thượng Phẩm về Thảo Xá Hiền Cung: .....	136

---

18. Đức Cao Thượng Phẩm đăng tiên:.....	137
19. Việc xây tháp các Cao đồ:.....	138
<b>SƠ KẾT</b>	
<b>VIỆC PHỔ ĐỘ BUỒI ĐẦU .....</b>	<b>141</b>
<b>PHỤ CHÚ</b>	
<b>NỘI DUNG TỜ KHAI ĐẠO.....</b>	<b>147</b>
<b>NIÊN ĐẠI ĐẠO SỬ (1921-1929).....</b>	<b>151</b>





**TÒA-THÁNH TÂY-NINH**



---

## LỜI GIỚI THIỆU

**Của Ngài Hiến Pháp Hiệp Thiên Đài  
Chưởng Quản Bộ Pháp Chánh  
kiêm Trưởng Ban Đạo Sử.**

Tôi lấy làm hân hạnh xin chân thành giới thiệu cùng bạn đọc bốn phương cuốn ĐẠI ĐẠO SỬ CƯƠNG này do tác giả TRẦN VĂN RẠNG, Hiệu trưởng trường Trung Học Phú Khương, Hiền Tài Trưởng Nhiệm Văn Hoá Ban Thế Đạo biên soạn rất công phu.

Cuốn ĐẠI ĐẠO SỬ CƯƠNG này ghi tóm tắt lịch trình thời tiền sử của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ nhưng cũng đủ làm tài liệu cho các nhà khảo cứu Sử Đạo.

Việc sắp đặt đúng theo thứ tự, có trước có sau, khiến cho dễ thấy và dễ hiểu những điều cần muốn biết.

Điều đáng chú ý và đáng khen tặng là tác giả nhìn thấy được tâm sự của giới trí thức, nhất là tâm sự của các nhà chí sĩ thời tiền sử Đạo đã vì ôm mối hận nước nhà bị đô hộ mà hết sức cố gắng tìm lối thoát cho dân tộc. Vì vậy mà có sự hoạt động chống chế độ thực dân không ngừng. Những bậc tiền bối sáng lập Đạo Cao Đài cũng thuộc trong nhóm chí sĩ này.

Khi họ phảng được bất cứ một mối dây nào khả dĩ đem đến một cơ hội giải thoát thì họ nắm chắc lấy liền.

Cái cơ Đạo Cao Đài xuất hiện không mấy ngày mà thấu hút được một số tín đồ khá lớn cũng vì đó. Vì lúc đầu các Đấng Thiêng Liêng xây chuyển làm rung động tâm hồn của tất cả mọi người. Thêm vào đó lại còn có nhiều

## LỜI GIỚI THIỆU

---

huyền diệu thiêng liêng khác nữa.

Nay tác giả cho cuốn Đại Đạo Sử Cương ra đời tôi nhận thấy rất hợp thời và hữu ích, nên xin kính cần lưu ý giới thiệu quý vị độc giả.

Nay kính.

*Toà Thánh, ngày 16- 6 Canh Tuất*

*(DL 13-7-1970)*

Hiến Pháp Hiệp Thiên Đài

TRƯƠNG HỮU ĐỨC

*(ấn ký)*

---

## LỜI TỰA

Nhân hướng dẫn nhiều đoàn thể và các nhân vật ngoại giáo đến viếng Toà Thánh (Tây Ninh), sau khi xem qua đền đài và cách sắp xếp, khách nhân xin chỉ dẫn các sách để tìm hiểu về căn cội Đạo Cao Đài. Đến Lễ Viện loay hoay tìm kiếm một quyển sách khả dĩ giúp họ hiểu được đại cương sự diễn tiến của nền Tân Tôn Giáo theo ý thức của một người ngoại đạo, thì khó thấy. Phần lớn các sách đã xuất bản nặng về giáo lý dành cho những người đã nhập môn. Chính vì lẽ đó, không nệ sự hiểu biết nông cạn mà viết quyển “Đại Đạo Sử Cương” này, trước là tập tu học sau giúp nhân sanh một biểu đồ đơn giản của Cao Đài từ ngày lập giáo.

Việc xây dựng lại lịch sử là một việc khó. Đối với Cao Đài giáo lại càng khó vì thiếu tài liệu. Phương pháp sử là rõ ràng khúc chiết và có cách thể ghi chép phải theo. Tuy nhiên, những nhà làm sử được quan niệm riêng và lối phân tách chọn lựa theo cảm quan của mình, cố gắng được khách quan, chân thực càng nhiều càng hay.

Dựa vào những lẽ đó, tôi chia lịch sử Cao Đài giáo thành nhiều thời kỳ.

1- THỜI KHAI PHÁP (1920-1926): Sở dĩ chọn niên đại này vì đến ngày 18-11-1926 (14-10-Bính Dần) thì Khai Đạo tại Gò Kén. Và dùng 2 chữ khai pháp là khai chánh pháp, Đức Chí Tôn thân nhận những tông đồ đầu tiên để lập cơ phổ độ.

2- THỜI ĐẠO PHÁP (1926-1929): tức là bắt đầu từ ngày Khai đạo đến cuối đời Đức Cao Thượng Phẩm.

Gọi “Thời Đạo Pháp” là vì thời này đặt cơ sở nền tảng của Đạo: Tân luật, Pháp Chánh Truyền. Theo Thánh ngôn, Đấng Chí Tôn ra lệnh cuối tháng 6-1927 thì bề cơ, có nghĩa là không được cầu tự do như trước. Thời kỳ này coi như chi Đạo quản pháp.

3- THỜI CHÁNH PHÁP (1929-1956) là thời kỳ do Đức Quyền Giáo Tông và Đức Phạm Hộ Pháp chương quản, chấn chỉnh các cơ cấu đạo đúng Pháp Chánh Truyền cho ra thiết tướng.

4- THỜI THẾ PHÁP (1957-1971) do Đức Thượng Sanh chương quản. Từ 1926-1971 là 45 năm (số lạc thư).

5- THỜI HIẾN PHÁP (1971-1975) do Ngài Hiến Pháp Trương Hữu Đức cai quản, cơ Đạo nghiêng dần vào thời kỳ Thiếu Âm.

Kính thỉnh chư chức sắc Thiên phong và quý đồng bào chỉ giáo cho những sự sơ lầm.

Tam Tê Anh vào hạ 1970

Hiên Tài Trần Văn Rạng.

## PHẦN PHÁT ĐOAN

- KHÁI QUÁT VỀ XÃ HỘI MIỀN NAM
- CÁC LỜI TIÊN TRI CAO ĐÀI GIÁO XUẤT HIỆN
- KHÁI LUẬN VỀ THÁNH ĐỊA CAO ĐÀI VÀ TÔN GIÁO CAO ĐÀI

*ĐẠI ĐẠO khai hành, giáo lý siêu tâm kim nghiệm cổ  
SỬ CUƠNG biên soạn, chơn kinh tàng trữ bốn truy nguyên*

### CHƯƠNG I KHÁI QUÁT VỀ XÃ HỘI MIỀN NAM KHI CAO ĐÀI GIÁO XUẤT HIỆN

#### 1. MIỀN NAM LÀ ĐẤT THUỘC ĐỊA PHÁP:

Muốn hiểu rõ Đạo Cao Đài, ta hãy đặt nền Tân tôn giáo này vào hoàn cảnh đất nước khi đạo khai. Theo hoà ước Patenôtre 1884 thì người Pháp không có quyền can thiệp vào việc nội trị của nước Việt Nam, nhưng Đại diện Pháp luôn luôn tìm cách lấn quyền Triều đình Huế. Sau Đạo Dụ năm 1925 thì Vua Việt Nam không còn một chút thực quyền, chỉ còn giữ việc tế tự trời đất và lăng miếu. Trong nước mọi việc đều do người Pháp quyết định. Viên Toàn quyền là chúa tể nắm tất cả quyền hành.

Toàn quyền do sắc lệnh của Tổng thống Pháp bổ nhậm đóng ở Hà Nội điều khiển guồng máy chính trị, xã hội, tài chánh, kinh tế cả Liên bang Đông Dương. Phụ việc có Tổng thư ký hay Phó toàn quyền, Tổng giám đốc các Nha chuyên môn, Tổng tư lệnh và Tư lệnh Hải quan.

Bắc Kỳ và Trung Kỳ là hai xứ bảo hộ, riêng Nam Kỳ là đất thuộc địa do Pháp trực tiếp cai trị. Từ năm 1862 đến 1879 võ quan phụ trách nền hành chính. Sau năm 1879, văn quan thay thế. Phủ Thống đốc Nam Kỳ đặt tại Saigon, do Viên Thống đốc cầm đầu, phụ việc có Phó thống đốc, Giám đốc các sở chuyên môn.

Hai Hội Đồng Tư Vấn là Hội Đồng Tư Mật và Hội Đồng Quản Hạt như ông Lê Văn Trung là Nghị viên Hội đồng này. Nam Kỳ được chia làm 20 tỉnh trừ đô thành Saigon, Chợ lớn: Đứng đầu mỗi tỉnh là viên Tham Biện Pháp và Phó Tham biện, chủ sự các phòng chuyên môn và công chức Việt Pháp.

Tỉnh chia ra quận do một Quận trưởng người Pháp cai trị, một ít quận do Đốc phủ Việt Nam phụ trách như quận Phú Quốc do Quan phủ Ngô Văn Chiêu trông coi. Tổng thì có Cai tổng, làng có ban Hội tế, đứng đầu là Hương cả đến Hương chủ, Hương trưởng. (\*1)

---

(\*1) NGUYỄN THẾ ANH, Việt Nam dưới thời Pháp đô hộ - Saigon 1970

## 2. CÁC TĂNG LỚP XÃ HỘI:

Với chính sách chia để trị này, những vị vua yêu nước đều bị truất phế hoặc bị đày ra khỏi đất nước như vua Hàm Nghi, Thành Thái, Duy Tân. Giai cấp xã hội cũng bị đảo lộn, trật tự mới được sắp xếp.

*a) Giới trí thức:* thì gồm có nhóm chống Pháp thành lập các Mặt trận hoặc đảng như Đảng Lập Hiến hoạt động mạnh trong vụ bầu cử Hội đồng thuộc địa (Conseil colonial) thành lập năm 1925 do Bùi Quang Chiêu, Nguyễn



Phan Long (một tín hữu Cao Đài) lãnh đạo. Đảng thanh niên xuất hiện ở Saigon vào tháng 3 năm 1926 phản đối việc Pháp bắt giam Nguyễn An Ninh và dự đám tang cụ Phan Chu Trinh. Đảng Phục Việt ra đời ngày 14-7-1925 xin ân xá cho cụ Phan Bội Châu. Việt Nam Quốc Dân Đảng thành lập năm 1926 do Nguyễn Thống và Nguyễn Thái Học gây cuộc khởi nghĩa ở Yên Bái - Năm 1925 Nguyễn Ái Quốc lập Thanh Niên Cách Mạng Đồng Chí Hội chống Pháp. Chính những cuộc nổi dậy này ảnh hưởng nhiều đến việc thành lập quân đội Cao Đài và Việt Nam Phục Quốc Hội.

*Nhóm thỏa hiệp* do Pháp đào tạo từ các trường thuộc địa, phải lắng nghe lời họ để được vinh thân phì da, họ sống cách biệt với dân chúng như Hoàng Cao Khải, Trần Bá Lộc. Trong Đạo Cao Đài thì có quan phủ Vương Quan Kỳ, quan phủ Ngô Văn Chiêu, hai ông này rất mến Đạo, thương dân, nhưng vẫn sợ Pháp dòm ngó.

**b) Giới trường giả và điền chủ:** toàn là đại phú gia, họ có ruộng cò bay thẳng cánh, thường sống ở tỉnh, lâu lâu mới về làng trâu lúa thóc. Có kẻ ác nhưng cũng có người hiền như Bà Lâm Ngọc Thanh là đại diện điền chủ ở Vũng Liêm, đã giúp phần lớn trong việc tạo tác các Thánh thất.

**c) Giới trung lưu** gồm có trung nông, tiểu thương, công tư chức. Các thành phần này theo Đạo Cao Đài đông nhất và cũng là những đệ tử đầu tiên của nền Tân tôn giáo. Họ làm việc cho Chính phủ bảo hộ làm công chức như quý ông Phạm Công Tắc, Cao Quỳnh Cư, Lê Văn Trung, v.v... và làm việc cho các xí nghiệp tư như Cao Quỳnh Diêu. Tuy họ làm việc với người Pháp, nhưng đa số đều bất mãn vì hoàn cảnh nước nhà bị đô hộ. Ngày

tháng chỉ còn biết làm bạn với cây cỏ hoặc người khuất mặt, hoặc tham gia cách mạng. Nhờ vậy mà việc xây bàn (table tournante) được thịnh hành trong thời đó.

*d) Giới cần lao* gồm có thợ thuyền và nông dân, đời sống của họ thật cơ cực, sống trong các túp lều xiêu vẹo. Con cái họ thiếu ăn, thiếu mặc và lẽ đương nhiên là thất học. Kịp khi Đạo Cao Đài khai mở là nguồn cứu tinh của họ nên xin nhập môn rất đông. Bởi thế ta không lấy làm lạ, tận trong thôn quê sẵn đã đều có Thánh thất.

### 3. VĂN HOÁ THỜI PHÁP THUỘC:

*a) Ảnh hưởng văn học Tây phương* bỏ Hán học, chính quyền Pháp mở trường Pháp Việt. Số người theo Tây học tăng nhanh vì thấy chữ quốc ngữ vừa dễ học, vừa đủ khả năng diễn đạt tư tưởng. Chính ông Trương Văn Tràng (sau là Tiếp Pháp Chơn Quân), thuở nhỏ theo học chữ Hán sau bỏ vào trường Việt Pháp.

Tuy vậy, quốc văn còn trong thời kỳ phôi thai. Nhóm Đông Dương tạp chí, Nam Phong tạp chí cố gắng làm cho được trơn tru, nhưng đến thời Tự lực Văn Đoàn mới được như ngày nay. Chính vì thế mà lời văn, từ ngữ trong Thánh ngôn, Kinh sách đạo thời Khai đạo cũng chịu ảnh hưởng đó.

*b) Thơ cổ vẫn được duy trì*, điều này là một sự hiển nhiên trong các văn phẩm Đại Đạo. Nhóm thơ mới như Thế Lữ, Lưu Trọng Lư không trấn áp được thơ cổ của Tản Đà, Á Nam, Đông Hồ. Thuần Đức (Bảo Pháp Chơn Quân) là một thi sĩ đương thời chuyên về thơ luật.

*c) Âm nhạc cổ vẫn còn địa vị*, tuy bị âm nhạc cải

cách của giới trẻ lẫn át. Hát bội, cải lương, hát chèo, chầu văn cúng tế vẫn được lưu hành. Tuy cổ nhạc Việt Nam bị hạn hẹp trong nhịp, điệu, thể thức trình bày phức tạp, nhưng Cao Đài giáo dùng làm âm nhạc chánh. Chèo thuyền là hình thức hát bội pha hát chèo rất hợp với quan cảm của người Việt Nam. Ông Cao Quỳnh Diêu (sau là Bảo văn Pháp quân) rất rành về cổ bản, đã chỉ vẽ cho các nhạc công Bộ Lễ.

*d) Kiến trúc* ảnh hưởng nhiều Tây phương. Năm 1924 chính quyền Pháp cho mở trường Cao Đẳng Mỹ thuật truyền bá bộ môn hội họa, điêu khắc,<sup>(\*)</sup> Toà Thánh Tây Ninh là một sự tổng hợp mỹ thuật Đông phương và Tây phương. Một công trình vĩ đại tiêu biểu cho nghệ thuật Việt Nam trong buổi giao thời.

*e) Phong tục thay đổi*, những giá trị cổ hữu của dân tộc Việt Nam bị các tư tưởng mới như tự do cá nhân, nam nữ bình quyền đàn áp. Quyền của cha mẹ bị suy giảm, Thanh niên nam nữ tìm cách thoát ly gia đình. Cách phục sức từ thành đến tỉnh cũng thay đổi. Đàn ông cắt tóc, phụ nữ ăn vận theo lối mới. Các lễ nghi hôn nhân, tế tự được tiết giảm.

Các tôn giáo Phật, Lão, Nho độc tôn từ các triều Lê, Lý, Trần đến triều Gia Long thêm Đạo Thiên chúa bành trướng mau lẹ, dù bị tàn sát và cấm theo đạo. Có lẽ dựa vào đó, nhà văn hoá Hồ Hữu Tường, trong loạt bài trầm tư đã nghĩ rằng mảnh đất duy nhứt có thể thực hiện được nền văn hoá tổng hợp chính là Việt Nam. Nền văn hoá truyền thống của ta khác biệt với mọi nền văn hoá trên thế giới, tinh thần Tam giáo trở thành ý thức hệ cho dân tộc, thêm vào ý thức hệ văn minh khoa học của Thiên

Chúa giáo. Do đó người ta hy vọng nền văn hoá Việt Nam là một nền móng cho thời kỳ Phục Hưng Tôn Giáo của toàn thế giới. Muốn được điều đó, Việt Nam phải là một quốc gia độc lập, thống nhất để có đủ thời gian phục hưng cơ sở văn hoá, mà hiện nay ba điều kiện để thành công, thiên thời, địa lợi, nhân hoà chưa có đủ, chỉ có thiên thời là Đấng Thượng Đế đã cho khai mở một nền Tân Tôn giáo năm 1926 qui Tam giáo, hiệp ngũ chi.

---

(\*1) LÊ THÀNH KHÔI, le Việt Nam, Histoire et civilisation, Paris Les Editions du Mimut 1955

## CHƯƠNG II

### CÁC LỜI TIÊN TRI CAO ĐÀI GIÁO XUẤT HIỆN

#### 1. KINH SẮM TRUYỀN BÁO TRƯỚC CAO ĐÀI GIÁO XUẤT HIỆN:

Trong càn khôn vũ trụ, theo Pasteur không có định luật ngẫu nhiên, mọi sự việc đều có do lai riêng của nó. Cao Đài giáo trước khi xuất hiện cũng đã có nhiều kinh sấm truyền báo trước.

*a) Lời tiên tri trong sách Phật tông nguyên lý:* Đức Thế Tôn Văn phật đã huấn dụ: “Sau Ngài sẽ có một Đức Phật lớn hơn Ngài ra đời”.

*b) Lời tiên tri trong quyển Thanh tịnh Kinh:* “Thanh tịnh Kinh hữu di tích. Công viên quả mãn chỉ thọ đơn thơ Thiên mạng phương khả truyền đạo Tam Kỳ Phổ Độ”. Kinh Thanh Tịnh có dấu tích để lại rằng: công đầy quả đủ sẽ được lãnh thọ đơn thơ. Người có mạng Trời khá nên truyền đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

*c) Lời tiên tri trong quyển Vạn Pháp qui tông:* “Cao

Đài tiên bút thi văn tự”. Trong Đạo Cao Đài mai sau này sẽ có thơ văn của chư Tiên do thần diệu cơ bút viết ra.

**d) Chúa Jésus Christ** đã phán trong Thánh kinh (Thesalonians I<sub>5</sub>: 2): “Ngày Chúa sẽ đến như kẻ trộm trong ban đêm vậy”.

**e) Sự tiên tri trong Đạo Tam Thanh**, Vào thế kỷ XV bên Trung Hoa có vị đạo sỹ tên Ngô Chi Hạc lập phái Tam Thanh, thờ giáo chủ 3 đạo lớn: Đức Lão Tử, Đức Khổng Tử, Đức Thích Ca. Đạo này là bước đầu tiên của nền Đại Đạo.

**f) Lời tiên tri của Chi Minh Sư**. Khi nhà Thanh (Trung Hoa) chiếm ngôi nhà Minh, một số vong thần chạy sang Việt Nam và một nhóm lên núi lập ra Chi Minh sư, Minh Đường (hai chi trong ngũ chi của Đại Đạo sau này). Ngoài bìa sách kinh của các chi ấy có 2 câu thơ:

**Cao như Bắc khuyết nhân chiêm ngưỡng,  
Đài tại Nam phương đạo thống truyền.**

Đã tiên đoán cho việc khai đạo Cao Đài tại phương Nam nước Tàu tức Việt Nam.

**g) Lời tiên tri trong «Minh Thánh Kinh linh sám»:** “Mạng hữu Cao Đài minh nguyệt chiếu”. Danh của Đức Cao Đài sáng tỏ như trăng sáng.

**h) Lời tiên tri trong sách «Ấu học tâm nguyên»:** “Đầu Thượng viết Cao Đài” trên đầu mọi người gọi là Cao Đài.

**i) Lời tiên tri của Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm:** Trong quyển “Bạch Vân Am thi tập” có ghi:

*Con mừng búng tít con quay,*

*Vù vù chong chóng gió lay trên đài.  
Nhà cha cửa đóng then cài,  
Âm âm súng dậy, hỏi người đông lân.*

Hai câu đầu ám chỉ chữ “Vạn” trên nóc các Thánh Thất đạo năm 1939-1945, cũng gọi là đài. Biểu hiện này trùng với hiệu đảng Đức quốc xã nên người Pháp ra lệnh đóng cửa các Thánh thất, hợp ý với 2 câu sau. Rồi sau nhờ Nhật đảo chánh (1945) các Thánh thất được mở cửa lại tức “âm âm súng dậy hỏi người đông lân”.

***j) Lời tiên tri trong quyển “Giác mê ca”:***

*Hữu duyên mới gặp Tam kỳ phổ độ,  
Muôn đời còn Tử phủ nên danh.*

***k) Lời tiên tri trong quyển “Kinh Tinh thể ngộ chơn”:***

*Đại thiên tiên hoá hoàng chơn đạo,  
Trợ quốc cứu dân tích thiện luân.  
Nam Hải Từ Hàng chân vận tế,  
Tây Phương tiếp dẫn, Phật Đông Lâm.*

Trước khi có cuộc thay đổi lớn sẽ có một nền đạo chân chánh xuất hiện giúp nước cứu dân, làm điều thiện đáng khen. Biển Nam có Phật Từ Hàng đi khắp nơi để độ rỗi. Phương Tây có Phật Tiếp Dẫn đưa người đến Đông độ.

***l) Lời tiên tri trong quyển “Kinh Vạn diệu thiên thư cổ bốn”:***

*Tam giáo kim tàng cổ hoá sanh,  
Tiên thiên phương hữu thi Tam Thanh.  
Phật pháp Nho hệ quy nhứt bốn,  
Tự nhiên tả đạo thống trưng tranh.*

*Vạn ức sơn hà giai hữu thủ,  
Tổng quy nhất phái đắc an thành.  
Xà vĩ, mã đầu khai đại hội,  
Tam Kỳ hậu thế hiển phương danh.*

**m) Lời tiên tri tại Trung phần trước năm 1926:**

*Canh dân, Mậu dân niên,  
Kỷ mao, Canh thìn tiên.  
Tự nhiên Thiên phú tánh,  
Cao đài tận chân truyền.*

Lời tiên tri trong kinh các tu sĩ tại Trung phần theo phái Minh Sư có câu:

*Con cầu Phật tổ Như Lai,  
Con cầu cho thấu Cao Đài Tiên Ông.*

**n) Lời tiên tri của cụ Thủ Khoa Huân:** Vào ngày 3 tháng 1 năm 1913 tại Cao Lãnh (Kiến phong) các kỳ hào hợp tại nhà ông Lê Quang Hiến, nhạc phụ của ông Diệp Văn Kỳ để thỉnh tiên. Chơn linh cụ Thủ Khoa Huân có cho 2 bài thơ sau:

*Dung tất Cao Đài nhiệm khuất thân,  
Tứ triêm đào lý nhứt môn xuân.  
Cánh tân bôi bức giang sang cựu,  
Trừ cựu thời thiêm tuế nguyệt thân.  
Cửu thập thiếu quang sơ bán lục,  
Nhất luân minh nguyệt vị tam phân.  
Thừa nhàn hạc giá không trung vụ,  
Mục đồ Cao Đài tráng chí thân.*

Cụ lại thích nôm luôn:

*Cơ dĩi Cao Đài khổ tẩm thân,*

*Đạo xem đào lý đượm mùa Xuân.  
Giang san chẳng khác ngàn năm cũ,  
Ngày tháng chờ thay một chữ tân.  
Chín chục thiếu quang vừa nửa sáu,  
Một vùng trắng rạng chứa ba phân.  
Thừa nhân cõi hạc không trung ruổi,  
Chạm mắt Cao Đài khoẻ tám thân. (\*1)*

Chữ Cao Đài được nhắc đi nhắc lại 4 lần, nhưng mãi đến năm 1927, chức sắc đi truyền đạo tại Cao Lãnh, ông Hiến đem 2 bài thơ trên ra mới rõ lẽ mầu nhiệm của nền Tân tôn giáo.

**o) Lời tiên tri của Tào Quốc Cự ở Miếu Nổi:** Tại Miếu Nổi (Gò Vấp) đêm 17-6-Quý Hợi (dl 30-7-1923) Tào Quốc Cự giảng cơ dạy:

*«Chư nhu có phúc có duyên nên mới gặp Đạo ở kỳ này là kỳ thứ ba. Thiết chư nhu có đại căn mới gặp trước thiên hạ đó. Hữu duyên đắc ngộ Tam Kỳ độ.*

*Trên Thánh điều lâm phạm mà độ kẻ nguyên nhân»*  
(\*2)

**p) Lời tiên tri của Huê Quang tại chùa Ngọc Hoàng (ĐaKao):** Vào đêm 22-7-Quý Hợi (2-9-1923), Huê Quang Đại Đế giảng đàn tại chùa Ngọc Hoàng ở Đất Hộ cho bài thi quán thủ như vậy:

*HUÊ phát Tam Kỳ Đạo dĩ khai,  
QUANG minh tứ hướng thương tam tài.  
ĐẠI phúc kêu đau thân đắc ngộ,  
ĐẾ Quân giáng hạ, nhữ vô tai. (\*3)*

Câu hai tiên tri bốn phương đều kéo cờ ba màu vàng



xanh đỏ (tứ hướng thượng tam tài).

---

(\*1) TRẦN VĂN QUẾ, Cao Đài giáo sơ giải Saigon Thanh Hương 1963

(\*2) và (\*3) Nguyễn Trung Hậu, Đại Đạo Căn Nguyên, Saigon 1930 tr.9

## 2. HOÀN CẢNH XÃ HỘI VIỆT NAM CHUNG ĐỨC CHO NỀN TÂM TÔN GIÁO:

Đời nhà Lý, nhà Trần, Phật giáo cực thịnh, được xem như là quốc đạo. Trong gần 1.000 năm, từ thế kỷ X, đến cuối thế kỷ thứ XIX, các triều Ngô, Đinh, Tiền Lê, Lý Trần, Hậu Lê và Nguyễn đã dùng chữ Nho trong các công văn, trong sự học hành, các khoa thi, và hành chánh. Trong triều nhà Trần mở khoa thi Tam giáo (Nho, Thích, Lão) được gọi là Tam giáo đồng nguyên và được tôn sùng ngang hàng. Tinh thần Tam giáo chẳng những biểu lộ trong văn chương từ cú mà còn là những gì linh động được thể hiện qua mọi lễ lối sinh hoạt của dân tộc. Tinh thần Tam giáo đã trở thành một ý thức hệ đơn thuần trong xã hội Việt Nam, tạo cho dân tộc một tinh thần bất khuất biết lý hoà đồng để làm cơ giới tranh đấu. Đó là một thần trí đặc thù mà người Việt Nam lấy làm hãnh diện. Đã bao nhiêu lần Bắc thuộc, kể đến Pháp thuộc mà phong tục dân tộc vẫn không mất bản sắc, bất khả đồng hoá, chính là nhờ cái thể Tam giáo đồng nguyên Thích, Nho, Lão.

Nền văn hoá Việt Nam lại phải đương đầu với sự du nhập văn minh vật chất Tây phương, kèm ý thức hệ tâm linh Thiên Chúa giáo. Sóng gió đạo lý đã nổi loạn, nền luân lý cổ truyền Khổng Mạnh bị lung lay, nhưng

rối với thời gian đầu vào đây, bước đến chỗ hoà đồng tôn giáo. Dù đông hay tây, cổ kính hay tân thời đã kết tinh lại tạo thành một ý thức hệ tổng hợp, dung hoà mọi bất đồng tiểu dị trên mảnh đất nhỏ bé bất hạnh nhưng nhiều diễm phúc và hồng ân Thiêng Liêng này. Do đó, người ta hy vọng rằng Việt Nam sẽ là nơi *Đại phục hưng Tôn giáo trên toàn thế giới*.

### 3. ĐĂNG CHÍ TÔN DÀNH AN SÙNG CHO DÂN TỘC VIỆT NAM:

Đàn đêm 24-4-1926 Đăng Chí Tôn đã dạy:

*«Vốn từ trước thấy đã lập ra Ngũ chi Đại Đạo là: Nhơn đạo, Thân đạo, Thánh đạo, Tiên đạo, Phật đạo. Tùy theo phong hóa của nhân loại mà gây Chánh Giáo, là vì khi trước Càn vô đắc khán, Khôn vô đắc duyệt, thì nơn loại duy có hành đạo nội tư phương mình mà thôi.*

*Còn nay thì nơn loại đã hiệp đồng, Càn Khôn dĩ tận thức, thì lại bị phân nhiều Đạo ấy mà nơn loại nghịch lẫn nhau; nên Thấy mới nhứt định qui nguyên phục nhứt. Lại nữa, trước Thấy lại giao Chánh Giáo cho tay phạm, càng ngày lại càng xa Thánh Giáo mà làm ra Phạm Giáo. Thấy lấy làm đau đớn, hằng thấy gần trót mười ngàn năm, nhân loại phải sa vào nơi tội lỗi, mặt kiếp chốn A Tỳ.*

*Thấy nhứt định đến chính mình Thấy độ rồi các con, chẳng chịu giao Chánh Giáo cho tay phạm nữa. Nhưng mà buộc phải lập Chánh Thể, có lớn nhỏ dạng dễ thể cho các con dều dắt lẫn nhau, anh trước em sau mà đến nơi Bồng Đảo.*

*.... Chẳng một ai dưới thế này còn dặng phép nói rằng thế quyền cho Thấy mà trị phân hỗn của nơn loại. Ai có đức hạnh lớn thì mới ngồi dặng địa vị của Thấy ban thường.*

*Còn cả môn đệ, ai cũng như ai, không đặng gây phe, lập đảng; nhược kẻ nào phạm tội, thì Thầy trực xuất ra ngoài, cho khỏi điều rối loạn».*

(TNHT Q1/10)(\*)

Đức Lý Giáo Tông chủ trì về hôn toàn đạo cũng giảng đàn đêm 13 tháng 1 năm 1927 như sau:

*«Hiện nay nhân loại đang trải qua một thời kỳ khủng hoảng trầm trọng, trật tự và thanh bình thuở xưa không còn nữa. Luân lý sụp đổ, nhân tâm sa đoạ. Đối với những kẻ hoài nghi, Thượng Đế chỉ còn là một tiếng suông. Họ không biết rằng trên Cao Đài kia ngự trị của Đấng Chí Tôn, Chúa tể cả vũ trụ và cả số phận loài người».*

---

(\*) THÁNH NGÔN HIỆP TUYẾN (quyển I) Tây Ninh 1964.

#### 4. TỔNG TẮT:

Xem như thế, việc xuất hiện Cao Đài giáo là Thiên thư dĩ định, mở Kỳ Ba tam chuyển này để độ 92 ức nguyên nhân và truyền đạo đến thất ức niên.

Bởi lẽ, đạo Cao Đài hợp với mọi thời đại vì “Tân luật trong một thời gian nữa sẽ phải thay đổi cho phù hợp với dân trí”. (Pháp Chánh Truyền chú giải, Paris Gasnier 1952, tr.25), sinh động với mọi thời đại, với mọi cuộc sống và mọi xứ sở.

“Ngày kia, Đạo sẽ xuất dương ra ngoại quốc thì sẽ có nhiều dân tộc chẳng có thể thờ phượng như Việt Nam” (PCT, Sđd, trang 52) thì sẽ thể hiện một đạo Cao Đài kiểu Pháp, kiểu Mỹ, nhưng có cùng chung một giáo lý là nhìn nhận chỉ một Đấng Cha Chung, một cộng đồng huynh

đệ cùng nguồn gốc.

## **CHƯƠNG III**

### **KHÁI LUẬN VỀ THÁNH ĐỊA CAO ĐÀI VÀ TÔN GIÁO CAO ĐÀI**

#### **1. VỊ TRÍ VÀ DIỆN TÍCH:**

Thánh địa Cao Đài nằm về phía Đông tỉnh lỵ Tây Ninh, Toà Thánh cách Tỉnh lỵ 5 cây số và cách Saigon 99 cây số về phía Tây: Bắc giáp núi Bà Đen, Đông giáp quận Khiêm Hanh, Nam giáp Vàm Cỏ Đông và Tây giáp ranh tỉnh lỵ. Toà Thánh nằm thiên về phía Tây gần cửa số 2 quen gọi cửa Hoà Viện.

Diện tích 20.383 mẫu. Khởi tiên, khai phá khu bàu Cà Na và sân bay. Lúc đó (1926) còn là rừng già, âm u chướng khí. Nước hết sức độc. Thú dữ như cọp, gấu, beo, v.v... nhiều vô kể. Loài người và loài thú tranh nhau thế đất. Những địa danh như Bàu Cóp, Trảng Dài,... nghe qua đã rợn người.

Khu khai phá đầu tiên này trong vùng Cây Ba Nhánh gồm 96 mẫu của Hội Cựu Chiến Sĩ Pháp. Vị trí như sau: Bắc giáp lộ Liên tỉnh 13, Đông giáp sân bay chiến lược của Pháp (chưa sử dụng), Nam giáp Ao Hồ, Tây giáp đường Mít Một (đường giấy thép cũng gọi là đường trên (route haute) là đường Tây Ninh đi Saigon theo ngã Trương Mít, đối với đường đi Saigon bây giờ ngã Giang Tân gọi là đường dưới (route basse). Dọc theo đường trên buổi trước có trồng trụ giấy thép sở Bưu Chánh nên gọi là đường giấy thép.

Số tín đồ ngày càng đông, Hội Thánh phải mượn thêm phía Đông Bắc 70 mẫu, tức khu Nghĩa địa giáp ngã

ba Suối Đá. Đến năm 1927 tăng thêm 11 mẫu, 1932 tăng thêm 70 mẫu. Vào 8-9-1966 Hội Thánh Cao Đài được Chính phủ đệ nhị Cộng Hoà hợp thức hoá sử hữu chủ 3.355 mẫu. Trên thực tế, vùng Thánh địa rộng đến 20.383 mẫu, có đạo hữu quần tụ.

Khung cảnh rừng rậm núi non đượm vẻ màu nhiệm. Đại Nam Thống Nhất Chí ghi về núi Linh Sơn: *“Ở phía Bắc huyện Tây Ninh 20 dặm, hình núi cao ngất làm trần sơn cho tỉnh hạt; Tây Nam giáp ranh giới Cao Miên, lưng chừng núi có Chùa Đá ít ai đi đến”*. Sách Gia Định Thông Chí chép: *«Núi Bà Đỉnh đá mọc lờm chờm, cây cối xanh rậm, nước ngọt rất tốt, trên có chùa Linh Sơn, dưới có hồ nước, rừng khe u bao la, cảnh trí nhàn nhã, có thôn lạc, người đồng quê và người Mọi ở. Nhân dân nhờ lợi trong núi, có đồ kim thạch cổ quý, người ta đôi khi lượm được. Tương truyền ở trong hồ có thấy cái chiêng vàng cũng như việc tử tân phù khánh giang thủy đặc chung (\*1), nhưng lại gần không thấy nữa. Đêm nào trời trong tạnh thấy thuyền rồng bơi lượn múa hát du dương, lại còn có rùa vàng khi nổi, khi lặn, dài một trượng dư, đó là linh khí chung tụ, không phải là việc quái đản. Núi này còn có một tên nữa là núi Điện Bà Sơn. Năm Tự Đức thứ ba đổi tên Linh Sơn có dạng vào tự điển»* (điển lễ tế tự).

(\*1) Khánh đá nổi lên ở bến Tứ và được chuông trong sông.

## 2. QUẢN TRỊ:

Toà Thánh và Thánh Địa do Hội Thánh Cao Đài quản trị.

1)- *Hội Thánh Cửu Trùng Đài*: còn gọi là Hành

chánh Đạo dưới có Cửu Viện trông coi mọi việc. **Phái Thái** (vàng) chưởng sự các viện: *Hộ Viện, Lương Viện, Công Viện*. **Phái Thượng** (xanh): *Học Viện, Y Viện, Nông Viện*. **Phái Ngọc** (đỏ): *Hoà Viện, Lại Viện, Lễ Viện*.

Cửu Trùng Đài do Giáo Tông chưởng quản, dưới có: Chưởng Pháp, Đầu Sư, Phối Sư, Giáo Sư, Giáo Hữu, Lễ Sanh, tín đồ.

**2)- Hội Thánh Hiệp Thiên Đài:** là cơ quan lập pháp và tư pháp của Tòa Thánh, thông công cùng các Đấng, phụ thuộc có ba chi: Chi Pháp, Chi Đạo, Chi Thế.

Hiệp Thiên Đài do Hộ Pháp chưởng quản, tả có Thượng Sanh chưởng quản chi Thế, hữu có Thượng Phẩm chưởng quản chi Đạo.

Dưới có Thập Nhị Thời Quân cũng chia làm 3 chi. Ngoài ra có Thập Nhị Bảo Quân và Ban Thế Đạo, Chức sắc Hiệp Thiên Đài và Chức sắc Ban Thế Đạo.

**3)- Hội Thánh Phước Thiện:** là cơ quan lo về việc xã hội, cứu khổ (Corps de charité). Trước là một chi của Hiệp Thiên Đài, nay thành Hội Thánh nhưng vẫn dưới quyền thống quản của Hiệp Thiên Đài.

Chức sắc Phước Thiện gồm 12 phẩm gọi là Thập Nhị Đẳng Cấp Thiêng Liêng, cao nhất là Phật Tử, thấp nhất là Minh Đức (đạo hữu).

Đó là 3 Hội Thánh chính gọi chung là Hội Thánh Cao Đài chủ sự mọi việc từ trung ương đến địa phương.

### 3. TÔN GIÁO CAO ĐÀI:

Tôn Giáo Cao Đài thoát thai do việc cầu cơ thỉnh tiên ở Phú Quốc năm 1920 và ở Saigon năm 1925. Một tôn giáo mặc khải toàn diện do huyền diệu Thiêng Liêng. Trong giai đoạn khai pháp vì mới nên cách tế tự, hành sự, từ ngữ giống Phật giáo chấn hưng (Bouddhisme rénové). Về sau dần dần đủ đúng đường hướng một tôn giáo hoàn cầu: thống Tam giáo, hiệp Ngũ chi. Trong tài liệu tham khảo của Đại Học Đường Mississipi Bác sĩ Quinter Lyon dịch là The GREAT RELIGION (Đại Đạo).

Tôn giáo Cao Đài thành chánh pháp tại Toà Thánh Tây Ninh sau lần lần chia ra 12 phái đạo, rồi nhiều Thánh Thất tự trị. Theo thống kê 1954, Toà Thánh Tây Ninh và các Thánh Thất phụ thuộc các tỉnh: Nam, Trung, Bắc Tông Đạo là 2 triệu rưỡi, nếu kể các chi phái lên gần 4 triệu. Việc truyền giáo hải ngoại bị ngưng trệ vì ảnh hưởng tình trạng chiến tranh của xứ sở.

1)- **Tam Kỳ Phổ Độ:** Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ tức là Đại ân xá kỳ ba (Troisième Amnistie). Từ khi có loài người Đức Chí Tôn cho mở 3 kỳ ân xá.

a) **Nhất kỳ phổ độ:** Tức Nhứt Thiết Long Hoa Thiên Khai Tỷ Hội, các hàng giáo chủ sau đây ra đời cứu thế:

- **Phật đạo:** Nhiên Đăng Cổ Phật
- **Tiên Đạo:** Thái Thượng Lão Tổ
- **Thánh Đạo:** Văn Tuyên Đế Quân

b) **Nhị kỳ phổ độ:** tức Nhị Thiết Long Hoa Thiên Khai Sứ Hội, các vị sau đây lần lượt ra đời:

- **Phật đạo:** Thích Ca

- **Tiên đạo:** Lão Tử
- **Thánh đạo:** Khổng Tử

c) **Tam Kỳ phổ độ:** tức Tam Thiết Long Hoa Thiên Khai Huỳnh Đạo hay Dân Hội do Đức Thượng Đế giáng điển quang lập Đạo qui hiệp các tôn giáo lại làm một và không giao chánh giáo cho tay người phàm.

Đức Chí Tôn chọn ba vị sau đây thay mặt cho Tam giáo là Tam Trấn Oai Nghiêm: Lý Thái Bạch (Tiên); Quan Thế Âm (Phật) và Quan Thánh Đế Quân (Thánh).

2)- **Tam giáo qui nguyên:** Trong danh hiệu “Cao Đài Tiên ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát” đã hàm ý sự qui nguyên.

- **Cao Đài:** thuộc đạo Nho vì sách Nho có câu: Đầu thượng viết Cao Đài.
- **Tiên ông:** thuộc Đạo Tiên (phẩm chót của Tiên gia).
- **Đại Bồ Tát Ma Ha Tát:** chỉ về Phật giáo.

a) **Về hình thức:** Cao Đài giáo nhận các phần sau đây:

- **Phật giáo:** chuông trống, lễ cầu siêu, trai giới.
- **Lão giáo:** Lễ dâng Tam Bửu; bông, rượu, trà (tinh, khí, thần). Trên Thiên bàn có Thái Cực đấng tượng trưng ngôi Thái Cực.
- **Nho giáo:** Lễ nhạc, sự thờ phụng tổ tiên và các lễ quan, hôn, tang, tế cùng đạo ngũ thường.
- **Ki-Tô-Giáo:** cách lấy dấu 3 ngôi, đổi lại là Phật, Pháp, Tăng. Hình thức tắm thánh, giải oan. Các Thánh thất tương tự như nhà thờ.



*b) Về phương diện triết lý:* hay hình nhi thượng học, Cao Đài Giáo nhìn nhận những nguyên tắc này của các Tôn giáo:

- **Phật giáo:** Luật nhân quả tức nghiệp báo và luân hồi, Bát Chánh Đạo để thoát vòng luân hồi, từ bi, bác ái, tam qui ngũ giới và minh tâm kiến tánh, tham thiền nhập định.
- **Lão giáo:** thuyết Tam Bửu, Ngũ Hành, và phương tu luyện tâm lý, sinh lý để thoát trần, tu tâm luyện tánh, vũ trụ quan và phép tu tiên (đơn).
- **Nho giáo:** Nhân, Trí, Dũng; tu thân, tề gia, trị quốc và bình thiên hạ, thuyết trung thứ (dung), ngũ luân, ngũ thường, tồn tâm dưỡng tánh, sinh động nhập thế.
- **Ki Tô Giáo:** Lòng bác ái, khoan dung, đức tin tuyệt đối để đạt Đạo.

**3)- Phần chuyên biệt của Cao Đài giáo:**

– Việc thờ Thiên nhân trên Thiên bàn có tính cách tượng trưng. Đức Chí Tôn giáng cơ: Nếu không có Hư vô chi khí thì không có Thầy. Nếu không Thầy thì không có chi trong Càn khôn vũ trụ. Còn chư Phật, chư Tiên, Thầy hỏi ai tạo ra các đấng ấy, đó là Đạo.

– Tân Luật và Pháp Chánh Truyền ấn định sự tổ chức Hội Thánh, việc dùng Thiên phục ba màu (tam thanh): vàng, xanh, đỏ và những điều luật người theo Đạo phải noi giữ.

– Chuông thì gọi là Bạch Ngọc Chung và trống

thì gọi là Lôi Âm Cổ. Khi có Đại Đàn thì đánh Ngọc Hoàng Sấm.

– Việc dâng lễ phẩm chỉ có bông, rượu, trà và 5 cây nhang, tuyệt đối không dùng các món nấu và không đốt vàng mã.

– Kinh cúng nơi Thánh Thất gọi là kinh Tứ Thời hay kinh Thiên Đạo; kinh cúng vong linh người chết thì gọi là kinh Thế Đạo, gọi chung là Tàn Kinh hay Kinh lễ.

– Hai Đại Lễ chánh là Vía Đức Chí Tôn vào mồng 9 tháng Giêng âm lịch và vía Đức Phật Mẫu vào ngày 15 tháng 8 âm lịch. Trong những ngày lễ Mẹ, tất cả tín đồ đều bình đẳng, không có áo mào phân cấp bậc. Hai lễ này, tất cả chức sắc hành đạo địa phương phải về châu Lễ nơi Toà Thánh.

– **Ba Hội lập quyền Vạn Linh** là: **Hội nhơn sanh** do các đại biểu tín đồ nhóm họp; **Hội Thánh** do các Chức Sắc họp tại Nội Điện Toà Thánh; **Thượng Hội** gồm chức sắc Đại Thiên Phong; bên Cửu Trùng Đài thì Giáo Tông và ba vị Chưởng Pháp; ba vị Đầu Sư; bên Hiệp Thiên Đài thì Hộ Pháp Thượng Phẩm, Thượng Sanh.

– Toà Thánh và Thánh Thất cất phải gồm đủ ba đài: Bát Quái Đài, Hiệp Thiên Đài, Cửu Trùng Đài.

Trên đây chỉ là những nét cương yếu chuyên biệt, đi sâu và còn nhiều tiểu tiết phức tạp.

#### 4- SINH HOẠT:

Dân vùng Thánh Địa có 185.000 tín hữu (năm 1960) (toàn quận Phú Khương trừ xã Thái Hiệp Thạnh là tỉnh lỵ Tây Ninh) được mệnh danh là “dân tứ xứ”. Vì các tín

hữu Cao Đài do nhiều nơi trên toàn quốc qui tụ về Tây Ninh, bắt đầu từ năm 1926, sức mạnh Tôn giáo giúp toàn đạo dẫn gỡ, phá rừng, làn sóng di dân mạnh nhất vào khoảng năm 1947-1950, tức là sau lúc Đức Hộ Pháp được trả tự do. Kể đến là khoảng 1953-1954, chiến tranh Việt Pháp đến hồi quyết liệt. Họ chạy về Thánh Địa sống dưới bóng Đạo Kỳ tránh bị thiêu thân vào các trận tuyến. Vào năm 1966-1967 mặt trận miền Trung sôi động, các tỉnh Bình Định, Quảng Ngãi, dân Đạo dời gia đình về Toà Thánh lập nghiệp vùng trên Vườn Điều (xã Ninh Thạnh).

Dù là dân tứ xứ họ không ở theo tỉnh. Lúc đầu chưa quen phong thổ thì tá túc nhà người cùng xứ quen thuộc. Sau một thời gian họ tìm đất sống cho hợp với công việc làm ăn. Nên khó mà tìm được một vùng thuần nhất dân của một tỉnh, mà các gia đình mất hút trong nghiệp Đạo, lòng tin về Thượng Đế. Chỉ còn Tổ Đình là Toà Thánh, bên cạnh niềm an ủi tổ tông là *nhà thờ họ*, không có địa phương

Chín mươi phần trăm (90%) theo Đạo Cao Đài là giai cấp nông dân hoặc làm nghề lao động. Hiện có khuynh hướng đi vào thành phố và phát triển trong giới trí thức.

Y Phục các tín đồ thường nhật giống mọi người dân Việt Nam khác. Người lao động vận quần áo ngắn, ở nơi tỉnh thành dùng màu trắng, ở thôn quê dùng màu đen. Dự các buổi tế tự thì mặc quần áo bà ba ngoài choàng áo dài trắng. Chúc sắc thì mặc trang y theo sắc phái. Những người thuộc hàng trí thức, công chức, sinh viên thì vận âu phục, nhưng khi đánh lễ Đức Chí Tôn đều mặc toàn trắng theo lễ phục Đạo.

Người phụ nữ có nhiều đức tánh tốt, ảnh hưởng Nho

giáo và truyền thống đạo đức, họ lo buôn bán tảo tần, cày cấy, chịu cực hy sinh cho chồng con. Các người con gái gần chợ búa thì ăn vận theo lối mới, làm nghề mới: lập tiệm may, bán hàng, công chức, v.v... Họ giàu trực giác, ham điều đạo đức, ưa chuộng kinh sách Đạo và tôn trọng các vị lãnh đạo tinh thần.

Phái nam thì đã trưởng thành hoặc đã sống trong chiến tranh nên có tinh thần quật khởi, có lý luận chính trị thường xuyên. Họ là thành phần nòng cốt xây dựng Đạo và bảo vệ Đạo. Họ có thể liều chết vì Đạo để bảo vệ danh dự Cao Đài được tròn vẹn, quá trình đã chứng tỏ điều đó. Họ chịu khó cạnh tranh, họ tôn sùng thần tượng và các «tướng Trời», nhưng khó bị lợi dụng. Thà chết với tấm lòng trong sạch, chớ không quỳ lạy để hưởng bổng lộc mà nô lệ kẻ khác.

## PHẦN THỨ NHỨT THỜI KHAI PHÁP (1920-1926)

### CHƯƠNG I ẤN CHỨNG THIÊNG LIÊNG

#### 1. NGƯỜI ĐỆ TỬ CAO ĐÀI ĐẦU TIÊN:

Người Việt Nam đầu tiên được diễm phúc làm đệ tử Cao Đài là ông Phủ Ngô Văn Chiêu, người Chợ Lớn. Vào ngày 1 tháng 3 năm 1920, ông phủ Ngô Văn Chiêu được đổi ra Hà Tiên, một tỉnh thuộc miền duyên hải Tây Nam Sài Gòn. Hà Tiên từ thuở xưa vẫn được nổi tiếng là có thắng cảnh thu hút nhiều du khách. Trên đất liền thì có các núi như núi Lăng trông thẳng ra biển sẽ thấy mộ phần Mạc Cửu, thân sinh Mạc Thiên Tích, nổi tiếng nhờ 10 bài “Hà Tiên Thập Vịnh Cảnh”, một cự thạch nhà Minh, rồi núi Thạch Động, núi Đá dựng. Phía trước châu thành Hà Tiên có núi Tô Châu gồm có Đại Tô Châu và Tiểu Tô Châu, ngó thẳng ra Đông Hồ, xa hơn nữa thì có Mũi Nay, Hòn Phụ Tử, v.v... Các núi này toàn đá vôi nên lắm động, nhiều hang tạo thành khung cảnh huyền bí, thần tiên. Nhờ non sông chung đúc dần chúng ở đây sớm biết cách phò cơ thỉnh tiên.

Vốn là người mộ đạo, ông phủ Ngô Văn Chiêu thường lên núi Thạch động để phò cơ thỉnh tiên nhờ hai đồng tử. Một vị tiên cô xưng là Ngô Kim Liên giảng cho ông thi:

#### I.

*Văng vẳng nhạc kêu bạn giữa thu,*

*Rằng Trời cùng đất vẫn xa mù.  
Non Tây ngảnh lại đường gai gổc,  
Gắng chí cho thành bức trượng phu.*

II.

*Ngần ngần trắng tỏ giữa trời thu,  
Cái cảnh Tây phương vẫn mịt mù.  
Mắt mẹ nào ai trông thấy đấy,  
Lắm công trình mới đứng công phu.*

Ngô tiên cô khuyên tu nhưng ông phủ Ngô Văn Chiêu chưa thấm nhuần chơn đạo.

Ngày 26 tháng 10 năm 1920, ông được lệnh đổi ra đảo Phú Quốc. Phú Quốc về phía Tây tỉnh Kiên Giang, trông hình một tam giác chiều dài nằm trong vĩ tuyến 10°6' đến 11°56' (50 cây số); chiều rộng nằm trong kinh tuyến 113°74' đến 114° (30 cây số). Xung quanh Đảo về phía Nam còn một số đảo nhỏ. Phú Quốc có 99 ngọn núi, phần nhiều núi nhỏ và đôi chỉ có một vài ngọn núi cao. Diện tích 66.000 mẫu tây. Dân số đông vào khoảng 10 ngàn người đa số là người Việt Nam rồi đến Hoa Kiều và người Kampuchia. Giữa đảo có núi Đường Đưng cao hơn trăm thước. Chính trên đỉnh núi này mà ông phủ Ngô Văn Chiêu lập đàn thỉnh tiên.

Từ khi ông ra trấn nhậm đảo hễ ông lập đàn thì có Tiên giáng không như trước kia cầu cơ rất khó khăn. Một hôm có một vị Tiên ông giáng chẳng chịu xưng danh, bảo ông phải chịu làm đệ tử thì sẽ dạy đạo và bảo bả kinh Minh Thánh đừng tụng nữa. Về sau, ông mới biết vị Tiên ông đó là Ngọc Hoàng Thượng Đế. Rồi bữa kia, Tiên ông giáng cơ bảo ông phải lo tu và ăn chay thêm cho

đủ 10 ngày trong một tháng.

Ông nghĩ rằng: «*Mình đương làm quan, nay người này mời, mai người khác thỉnh, nếu chịu ăn chay 10 ngày, rồi sau rồi quên ăn mặn thì có tội với Trời Phật. Nhưng nếu theo lời dạy mà được có kết quả thì cũng rán mà ăn. Nếu ăn chay 10 ngày khi chết còn phải chịu luân hồi thì thà ăn 2 ngày còn hơn. Miễn là mình lo tu hơn tích đức, chẳng làm trái với lương tâm thì thôi*». Ông định, khi câu tiên sẽ bạch lại như vậy.

Vào đêm mồng 1 tết Tân Dậu (8-2-1921) có người thợ bạc có chuyện muốn cầu tiên, đến mời ông chứng đàn. Tiên ông giảng cơ chưa kịp bạch hỏi chi thì cơ viết như vậy: “*Chiêu, tam niên trường trai*”.

Thấy vậy, ông rất bối rối vì ông chưa chịu ăn chay 10 ngày mà nay Tiên ông lại ra lệnh trường chay 3 năm. Ông mới bạch rằng: “*Bạch Tiên ông, Tiên ông đã dạy thì đệ tử phải vâng, mong xin Tiên ông phải bảo hộ đệ tử chớ trường trai 3 năm lâu quá chẳng biết đệ tử có chịu nổi hay không và xin Tiên ông bảo lãnh, nếu đệ tử vâng theo lời dạy thì phải có chứng quả chi mới được*”. Tiên ông bảo cứ theo lời dạy thì sau sẽ rõ.

Ông phủ Ngô Văn Chiêu khởi sự trường trai và học đạo kể từ đây. Tiên ông thường giảng cơ truyền đạo cho ông tu và dặn phải giữ bí truyền chừng nào tới thời kỳ khai đạo thì Tiên ông sẽ dạy.

## 2. THIÊN NHÂN HIỆN HIỆN LẦN ĐẦU TIÊN:

Tuy ông đã làm đệ tử của Tiên ông chớ chưa lập bàn thờ vì không biết phải thờ ra sao. Một buổi sáng lối 8 giờ,

ông đương ngồi trên võng bỗng đầu thấy trước mắt cách xa độ 2 thước lộ ra con mắt thiệt lớn, rất tinh thần, chói ngời như mặt trời ông lấy làm sợ hãi lấy hai tay đập mắt lại chừng 30 giây ông mở mắt ra thì thấy con mắt cũng còn và lại chói sáng hơn nữa. Ông liền chấp tay vái rằng: “*Bach Tiên ông đừng làm vậy, đệ tử sợ lắm. Như phải Tiên ông bảo thờ Thiên Nhân thì xin cho biến mất tức thì*”. Vái xong thì con mắt lu dần rồi mất.

Dù vậy, ông vẫn chưa thiệt tin nên chưa tạo Thiên Nhân mà thờ. Cách vài ngày sau, ông cũng thấy như lần trước nữa. Ông khẩn nguyện sẽ tạo Thiên Nhân mà thờ, tự nhiên con mắt biến mất.

Sau khi thấy Thiên Nhân hiện 2 lần ông cầu cơ hỏi cách thờ phượng thì Tiên ông đã dạy vẽ con mắt như đã thấy mà thờ và xưng danh là: “**Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát**” và dạy ông chỉ kêu Tiên ông bằng Thấy mà thôi. Từ đó, ông chính thức trở thành người đệ tử đầu tiên của Đức Cao Đài. (\*1)

Lần lần Đức Cao Đài truyền đạo cho ông tu. Ông quyết chí tu hành, trường trai giới sát và ông thệ nguyện rằng: “*Nếu độ ông thành Đạo thì ông sẽ lo độ lại chúng sanh tùy theo phúc đức của mỗi người*”. Khi tu được 3 năm thì Thấy khuyên ông: «*Ba năm lao khổ độ nhất nhân, mắt Thấy xem rõ lòng đã chắc, thương vì con trẻ gắng chí tâm phương biết Đạo mầu*». Sau vì nhiều người ganh tỵ xúi dân kiện thưa, ông đặc lệnh đổi về Saigon ngày 30 tháng 7 năm 1924, âu cũng là Thiên cơ dĩ định vậy.

---

(\*1) Lịch sử quan phủ Ngô Văn Chiêu, Saigon 1962, trang 28-29



## CHƯƠNG II CƠ PHONG THÁNH

### 1. ĐĂNG A, Ầ, Ẫ GIÁO ĐẠO:

*“Trong năm Ất Sửu, các Thầy, các Ông, từ hàng Thông Phán, Phủ, Huyện, muốn tìm một sự thật mà thiên hạ đã làm đảo lộn trong giới trí thức đương thời là: “Con người có thể thông công cùng các Đấng Thiêng Liêng Vô Hình được”. Nhứt là thuyết này đã làm cho cả Âu Châu sôi nổi, nhiều sách vở đã tung ra cả hoàn cầu do các Hội Thần Linh Học và Thông Thiên Học đã khảo cứu một cách rõ rệt: “Loài người có thể sống với cảnh Thiêng Liêng kia như chúng ta đang sống đây vậy”. Cái triết lý ấy làm cho nhiều người, nhứt là hạng người học thức muốn tìm tàng thấu đáo.*

*Nơi hạng học thức ấy có một cố tâm hơn hết là Đức Cao Thượng Phẩm. Ban sơ chưa biết gì, chỉ làm theo phương pháp bên Âu Châu hay bên Pháp là Xây Bàn. Cái duyên ngộ Đạo của chúng tôi lúc đó chưa có quyền năng Thiêng Liêng xúi biểu hay xô đẩy. Chúng tôi muốn tìm hiểu huyền vi bí mật thiêng liêng của Đức Chí Tôn đã tạo ra Càn Khôn Vũ Trụ”. (Thuyết đạo của Đức Phạm Hộ Pháp ngày 13-10 Giáp Ngọ, 1954).*

*(TDHP Q6-2/19)*

Mặt khác, vốn là những nhà thi sĩ và chất chứa nơi tâm nổi cảm hờn vì nước nhà bị đồ hộ, ba vị này (Cao Quỳnh Cư, Phạm Công Tắc và Cao Hoài Sang) mượn thú xây bàn mời vong linh những người quá vãng để cầu hỏi về vận mạng tương lai của tổ quốc (Lời xác nhận của Đức Cao Thượng Sanh về Đạo sử xây bàn ngày 22 -12

Đình Mùi, 1968).

Ngày nay, dù sao chúng ta cũng không thể phủ nhận lòng ái quốc chân thành của các nhà lãnh đạo Cao Đài... (Phạm Văn Sơn, chế độ Pháp thuộc ở Việt Nam, Sài Gòn 1972, tr.178).

Do đó, vào ngày 25-7-1925 (ngày 5-6-Ất Sửu) hai ông Cao Quỳnh Cư và Phạm Công Tắc đến nhà ông Cao Hoài Sang, bên cạnh chợ Thái Bình (Saigon) để thăm viếng và hàn huyên tình đời thế sự. Càng lúc càng khuya có lẽ vì thần linh thúc giục, các ông mới nghĩ đến việc xây bàn. Ba ông đem ra trước hiên nhà một cái bàn vuông 4 chơn kê cho 1 chân hồng đất rồi đồng để tay lên bàn khẩn vái. Lúc sơ khởi gặp nhiều khó khăn, ba vị đốt nhang khẩn nguyện từ 21 giờ tối đến 2 giờ đêm có nhiều vong linh nhập bàn viết tiếng Anh, Pháp và Hoa ngữ. Cũng có 1 vong linh học sinh Hà Nội viết tiếng quốc ngữ. Cái bàn gõ khi chững chặc, khi lụng khụng đường như có nhiều vong linh tranh nhau để nói chuyện. Do đó các ông nản lòng ngưng xây bàn.

Việc xây bàn thật vất vả vì chỉ có khẩu ước với đấng vô hình trong văn quốc ngữ. Như nhịp một lần «A» hai lần là «Ă» và 3 lần là «Â», v.v... khi chân bàn ngừng chỗ nào thì người ngồi ngoài biên chữ ấy, rồi nhiều chữ ghép thành 1 tiếng nhiều tiếng mới ghép thành lời văn hay câu thơ. Nhưng về sau nhờ thuần điển và quen việc nên sự tiếp chuyện với các Đấng Thiêng liêng càng mau lẹ và rõ ràng.

Qua đêm thứ nhì (26-7-1925) ba ông lại xây bàn thì đúng 24 giờ có một vong linh nhập bàn, gõ chữ ráp thành bài thi bát cú đường luật:

THI

*Ly trần tuổi đã quá năm mươi,  
Mi mới vừa lên ước đặng mười.  
Tổng mến lời khuyên bên mộ chếp,  
Tình thương căn dặn gắng tâm đời.  
Bên màn đời lúc trêu hôn phách,  
Cõi thọ nhiều phen đặng thánh thời.  
Xót nỗi vợ hiền còn lụm cụm,  
Gặp nhau nhấn nhủ một đôi lời.*

KÝ TÊN CAO QUỲNH TUÂN (\*1)

Cụ Cao Quỳnh Tuân là thân phụ ông Cao Quỳnh Cư qua đời đã 25 năm. Ông Cư đọc tới câu thứ 7 quá ngâm ngùi. Cả 3 cảm phục ý nghĩa của bài thơ.

Đến đêm 30-7-1925 (10-6 Ất Sửu), ba ông lại họp nhau tại nhà ông Cao Hoài Sang mở cuộc xây bàn. Hôm nay có một nữ vong linh giáng đàn cho thi:

THI

*Nỗi mình tâm sự tỏ cùng ai?  
Mạng bạc còn xuân uống sắc tài.  
Những ngõ trao duyên vào ngọc các,  
Nào dè phũ nợ xuống tuyến đài.  
Dưỡng sinh cam lộ tình sông núi,  
Tơ tóc thôi rồi nghĩa trước mai.  
Đôn dập tương tư ờn một gánh,  
Nỗi mình tâm sự tỏ cùng ai.*

KÝ TÊN ĐOÀN NGỌC QUẾ

## HOẠ VẬN

1-

*Ngẩn bút hoà thi tủi phận ai.  
Trời xanh vội lấp nữ anh tài.  
Tình thâm một gánh còn dương thế,  
Oan nặng ngàn thu xuống dạ đài.  
Để thắm xuân đường như ác số,  
Gieo thương lũ khách ngóng tin mai.  
Hèm gì chưa rõ đầu đuôi thế,  
Ngẩn bút hoà thi tủi phận ai.*

PHẠM CÔNG TẮC

2-

*Rằng liễu khóc oanh có mấy ai,  
Mộ người quốc sắc đấng thiên tài.  
Nhìn văn độ phẩm hàng khuê các,  
Xót bạn tri âm cõi dạ đài.  
Ngàn dặm hoa trôi, sáu cùm trước,  
Một mờ cỏ loáng ủ nhành mai.  
Cửu tuyền hôn Quế linh xin chứng,  
Rằng liễu khóc oanh có mấy ai.*

CAO QUỲNH CƯ

3-

*Nửa chừng xuân gãy tủi thân ai,  
Nông nổi nghĩ thôi tiếc bấy tài.  
Ngọc thốt dám bì trang Tuấn kiệt,  
Vàng rơi riêng chạnh khách chương đài.  
Những ngờ duyên thắm trao phòng bích,  
Hại nổi xương tàn xứ giậu mai.*

*Một dải đồng tâm bao thuở nối,  
Nửa chừng xuân gãy tử thân ai.*

CAO HOÀI SANG

Ba ông hoạ lại 3 bài. Riêng ông Cư hỏi cô Quế hỏi còn sống ở đâu - Cô đáp: «ở Chợ Lớn». Cô tên thật là Vương Thị Lễ kêu ông Vương Quan Kỳ bằng chú (\*2)

Hôm sau thì ông Cư mời ông Tác và ông Sang qua nhà ông để xây bàn mời cô Đoàn Ngọc Quế về dạy làm thi. Ba ông hỏi cô Quế về việc thượng giới, cô tiết lộ đôi điều khiến các ông càng thêm học hỏi. Cô gọi ông Cư là anh cả, ông Phạm Công Tác là Nhị ca, ông Cao Hoài Sang là Tam ca còn cô là Tứ muội.

Đến hạ tuần tháng bảy năm đó, ba ông lại xây bàn bồng có một ông giảng xưng là A, Ẫ, Ầ cho bài tứ tuyệt.

### THI

*Ớt cay cay ớt găm mà cay,  
Muối mặn ba năm muối mặn dai.  
Túng lú đi chơi nên tấp lại,  
Ăn bòn chẳng chịu tấp theo ai.*

Ông Cư hỏi ông A, Ẫ, Ầ mấy chục tuổi, ông gờ bàn hoài không ngừng, nên ông Cư không dám hỏi nữa. Từ đó về sau, hễ cơ ai giảng xuống cho thi thì ba ông cầu ông A, Ẫ, Ầ giải nghĩa.

Đến cuối tháng đó, cô Đoàn Ngọc Quế giới thiệu các tiên nương: Hớn Liên Bạch, Lục Nương, Nhứt Nương. Các ông rất mừng được thêm bạn thi thơ, nên mời các cô ngày rằm trung thu đến, Cô Quế nói rằng: “Ba anh muốn cầu thì ngày đó phải ăn chay, cầu mới được”. Ba ông đồng ý.

- (\*1) Do lệnh Đại ân xá «nhất nhân chứng ngộ, thất tổ siêu thăng» nên Cụ Cao Quỳnh Tuân đặc vị «xuất bộ tinh quân».
- (\*2) Xem thêm «Công đức Đức Phật Mẫu và Cửu Vị Nữ Phật».

## 2. HỘI YẾN ĐIỀU TRÌ CUNG:

Tại nhà ông Cao Quỳnh Cư số 143 Bourdais (nay là Calmette) Sài Gòn vào ngày 15-8 Ất Sửu (1-9-1925) lập bàn hương án, chưng những hoa thơm và xông trầm trọn ngày. Đến 12 giờ (khuya) thì 4 cô giáng cho thi, chỉ trích một bài.

### THI

*Im lìm cây cỏ vẫn in màu,  
Mở một vườn xuân điểm sắc thu.  
Gió dậy xao trời mây cuốn ngọc,  
Sương lông ướt đất liễu đeo châu.  
Ngựa vàng ruổi vó thoi đưa sáng,  
Thỏ ngọc trau gương đậm vẻ lâu.  
Non nước điều hiu xuân vắng chúa,  
Nhìn quê cảnh ủa giục cơn sầu.*

LỤC NƯƠNG

Sau đó, Đức Chí Tôn mới hạ lệnh bảo làm một yến tiệc. Ngài dạy sắp đặt để đãi các Đấng vô hình, đãi 10 người: Đức Phật Mẫu và Cửu Vị Tiên Nương. Phần hữu hình có 3 ông. Việc lo cỗ bàn do bà Nguyễn Thị Hiếu (tức bà Nữ Đầu Sư Hương Hiếu), trên bàn thờ Phật Mẫu, dưới sắp 9 cái ghế. Ba ông thì ngồi ăn, còn bà Hiếu thì đi gấp đồ ăn để vào chén cho 9 vị và trên bàn thờ Phật Mẫu. **Đó là bí pháp truyền thống của Đạo Cao Đài.** Hiện nay hằng năm đều tổ chức Lễ Hội Yến Điều Trì Cung để tán tụng

công đức của chư vị Tiên Nương, có đại công trong việc khai đạo, vào 15-8-âm lịch.

Khi Hội yến xong, ông Cư và Tắc hỏi Đức Chí Tôn:

– Khi này Diêu Trì cung đến Ngài có đến không?

– Có chớ, Ta ở đây từ lúc ban sơ, Đức Chí Tôn trả lời. Ông Tắc lại hỏi:

– Như em tôi Thất Nương (Cô Đoàn Ngọc Quế) có thể đạt đạo đặng chăng?

– Phải tu, bằng không thì chẳng được.

Sau đó, các ông học đạo với Cửu vị Tiên Nương.

*Vái van xin quý Cửu Thiên nương,*

*Tâu với Ngọc hư tỏ ngọn nguồn.*

*Vì nghĩa ..... mang trọng tôi,*

*Nghĩ tình đồng đạo để tình thương.*

Vào đầu tháng 12-1925, ông Nguyễn Trung Hậu nghe đồn tại nhà 3 ông Cư, Tắc, Sang có Tiên về cho thi hay lắm mới đến nhà ông Cư xem coi thiệt giả. Ông A, Ẵ, Ầ gõ bàn cho thi:

*THUẦN văn chất Đức tài cao,*

*Tên tuổi làng thơ đã đứng vào.*

*Non nước muốn nêu danh tuấn kiệt,*

*Đến hồi búa Việt giục cờ Mao.*

Nhờ điểm danh đúng bút hiệu Thuần Đức, nên ông Hậu mới chịu theo Đạo, rồi lần lượt độ các ông trong hàng Thập Nhị Thời Quân.

Nhắc lại lúc ông Nguyễn Trung Hậu đến xem đàn cơ xin thỉnh ông Huỳnh Thiên Kiều tự Quý Cao, bạn thân về thi, thơ của ông lúc còn sanh tiền. Ông Quý Cao nhập

bèn cho bài thơ tứ tuyệt sau đây:

*Ấm dương tuy cách cũng chung trời,  
Sinh tịch đời người có bấy thôi.  
Chén rượu đồng tâm nghiêng ngửa đổ,  
Thương nhau nhẩn nhủ một đôi lời.*

Ông Hậu xem bài thi, nhưng còn nửa tin nửa nghi, ông liền nói rằng: “Tôi sẵn có làm một bài thi đem theo đây, xin đọc cho anh nghe và xin anh họa lại chơi cho vui”. Ông Quý Cao gõ bàn hai cái, có nghĩa là đồng ý. Ông Hậu xướng thi:

*Mấy năm vùng vẫy cũng tay không,  
Đường thế chiêm bao một giấc nồng.  
Nặng nghiệp phong trần buồn với phận,  
Lo bề trung hiếu thẹn cho lòng,  
Trời cao chưa phi tình mây bạc,  
Đất tưng càng khinh chốn chấu lông.  
Chừ gặp cố nhân lời dám hỏi,  
Hỏi ra cho biết vận cùng thông.*

(ĐẠO SỬ HƯƠNG HIẾU)

Ông Quý Cao liền gõ bàn họa lại một cách suông sẽ như vậy:

*Một tiếng u minh giống cửa không,  
Phồn hoa giục tỉnh giấc đương nồng.  
Ngồi thuyền Bát nhã qua tình biển,  
Mượn nước nhàn dương rưới lửa lòng.  
Cuộc thế lạnh lùng làn gió lọt,  
Đường đời ngán ngẩm bụi trần lông.  
Kiếp tu xưa tiếc chưa nên Đạo,*



*Oan trái phũ rồi phép Phật thông.*

(ĐSHH)

Sau đó ông Phạm Minh Kiên và ông Lê Thế Vĩnh (sau thọ phong Tiếp Thế) là nhà báo đến viếng ông Cao Quỳnh Cư, đang lúc Đấng A, Ẫ, Ầ giáng. Ông Cư xin cho mỗi người một bài thi để kỷ niệm, Đấng A, Ẫ, Ầ đáp: “Để Bản Đạo cho chung hai người một bài thi mà thôi”.

*Một viết với thân giữa diển đàn,  
Bằng xưa trước giặc vạn binh lang.  
Đạo Đời ví biết Đời là trọng,  
Dạy dỗ sao cho đặng mở mang.*

Người người đều thán phục, bài thi chỉ có 4 câu mà gồm đủ hình trạng, tâm sự của hai nhà báo.

Một hôm khác, Ông Cao Quỳnh Cư bàn với các bạn rằng: «Bình sanh tôi lấy làm khâm phục thi văn ông Lý Bạch. Vậy chúng ta cầu thử người coi». Sau khi dâng lễ, khấn vái, thi sĩ Lý Bạch về cho thi:

### THI

*Đường trào hạ thế hưởng tam quan,  
Chẳng vị công khanh chỉ hưởng nhàn.  
Ly rượu trăm thi đời vẫn nhắc,  
Tánh Tiên muôn kiếp vốn chưa tàn.  
Một bầu phong nguyệt say ngơ ngáo,  
Đầy túi thơ văn đổ chứa chan.  
Bóng Đào còn mơ khi bút múa,  
Tả lòng thế sự vẽ giang san.*

(ĐSHH)&(TNHT)

Sau đó quý ông mời nhà thơ Đỗ Phủ về họa như vậy:

## HOA

*Chẳng kể công khanh bỏ ấn quan,  
Bông lai vui Đạo hưởng thanh nhàn.  
Thi Thần vui hứng ngoài rừng Trước,  
Rượu Thánh buồn say dưới cội tàn.  
Nông hạ Trời thương đưa gió quạt,  
Nắng thu Đất cảm đổ mưa chan.  
Vân du thế giới vui mùi đạo,  
Mời viếng Kỳ san, tối Cẩm san.*

(TNHT)

Nhờ cầu vị tiên nào được vị tiên ấy, nên các ông lấy làm đặc chí. Âu cũng là Thượng Đế an bày để thâm phục các vị Tông Đồ đầu tiên.

Dẫu vậy, ông Cao Hoài Sang cũng rất thận trọng để đặt niềm tin đúng chỗ. Ông có làm một bài thi tự thuật cho các thi sĩ hoạ chơi. Rồi cũng xây bàn thỉnh Tiên, vong linh cụ Cao Hoài Ân (thân sinh ông Sang) giáng đàn. Ông Cao Quỳnh Cư thưa rằng: “Sẵn dịp anh về đây, sẵn có bài thi tự thuật của Sang, cậy mấy anh em tôi hoạ. Vậy anh hoạ chơi luôn thể”. Ông Cao Quỳnh Diêu tiếp lời nói rằng: “Anh để thi mà khuyên dạy nó và lấy vãn *voi, mời, cỏi, roi, thoi*, của bài “Từ Thứ Qui Tào” mà hoạ lại”, Chơn linh cụ Cao Hoài Ân cho thi:

## THI

*Thuyền khơi gió ngược khá nương voi,  
Vận thời hầu nên đã thấy mời.  
Vườn cúc hôm nay muôn cụm rõ,  
Rừng tùng buổi trước một cây cỏi.  
Hồng nương dặm gió chi sờn cánh,*

*Ngựa ruỡi đường hòe há nhọc roi.  
Nín nẳm chờ qua cơn bã cục,  
Thìn lòng chừng có lượng đôi thoi.*

(ĐẠI ĐẠO TRUY NGUYÊN)

Từ đó ông Cao Hoài Sang mới thật tin và theo tiếng gọi thiêng liêng mà hành đạo.

Hết người này đến kẻ khác nghi, Ông Trương Hữu Đức (sau thọ phong Hiến Pháp) cho các các bạn cố ý giả ngộ chơi. Thế nên ông về nhà đem bàn ra một mình đặt tay lên, miệng vái các vong linh ứng hiện cho thi. Tức khắc có vong linh của lệnh huynh ông giáng cho hai vị thuốc trị ông lành bệnh (mà ông đã mắc trên 20 năm). Sau có vị Minh Nghĩa Tiên Ông giáng bút cho thi:

THI

*Minh Đức mừng nay đã gặp Thấy,  
Chẳng còn ao ước cái không hay.  
Mừng cầu Âu Á càng thêm mật,  
Mừng nậu còn đồ đã chịu chay.*

Từ đó ông Trương Hữu Đức hết sức tin tưởng và ăn chay trường luôn.

Ngay cả ông Phạm Công Tắc (sau đắc phong Hộ Pháp) cũng giải rõ tâm sự của mình trong bài Thuyết Đạo ngày 15-7 Nhâm Thân (1932) như sau:

*“Tệ đệ vốn là người ít tin cơ bút hơn hết, cũng tại Đại Từ Phụ đề nghị nên cứ theo thử mãi, thử rồi lại sợ mang tội cùng Thấy, vái cho bị một phen rầy thì họa may phải tởn, mà Thấy cũng chưa hề rầy. Đôi phen cũng vì nhẹ đức tin mà cái mạng linh của Thấy; chừng biết tội vái cho bị rầy mà chưa cải. Thấy cũng không rầy. Nhiều khi nói lớn vái to lên*

*ai cũng đều nghe biết hết, mà Thầy chỉ cười rồi bỏ chỗ cũng không chịu quở phạt lấy một lần.*

*Để lòng nghi cho đồng tử không huyền diệu, về nhà chấp bút một mình, kể tội từ buổi Tam Hoàng, bày oan từ đời Ngũ Đế. Đêm khuya leo lét một bóng một hình, đưa ngòi bút lên đặng đợi Thầy, Thầy vừa giảng đà lo khóc trước.*

*Đôi khi thấy khóc quá, Thầy lại chọc cười, rồi chuyển vãn một hồi, nào là dạy đức tánh của Thiêng liêng, nào là huyền bí cơ Tạo, nói thôi bao la thế giới, học thôi nát óc nát đầu. Coi lại mấy điều phải cầu không một lời nói đến.”*

Ông Cao Quỳnh Cư và ông là cặp cơ Phong Thánh đầu tiên. Buổi đầu, ông thường cho ông Cư tự nhip bàn chớ không phải Tiên Thánh giảng. Ông yêu cầu Ông Cư để hai tay vừa chạm trên mặt bàn, mà bàn vẫn nhip và cho thi. Ông Cư rất khó chịu cho sự nghi hoặc đó, nhưng chưa có dịp giải bày. Một hôm tại Vĩnh Nguyên Tự, cây cơ treo trên tường bỗng lay động nhip nhip. Ông Cư mới gọi Ông Tác chỉ và nói: “Tác, em coi qua nhip hay cơ nhip”.

Ông Tác cười mà không đáp, và khi cơ chuyển như vậy chắc chắn có các Đấng muốn giảng đàn dạy việc chi, nên khi cầu cơ thì Tiên Thánh giảng liền. Những điều đó ông Phạm Công Tác thổ lộ trong bài Thuyết Đạo đêm 17-8-Quý Tỵ (1953).

*«Bản Đạo nhớ lại hồi buổi ban sơ mới Khai Đạo, thật ra Bản Đạo không có đức tin gì hết, không có đức tin đến nước Đại Từ Phụ tức cười. Ngài đến nhà Bản Đạo năm Sầu dạy cả mấy Anh Lớn ngày nay là Chúc Sắc của Đạo, đi đến mọi nhà, thật ra Đức Chí Tôn đến thăm, đến viếng mọi con cái của Ngài, Bản Đạo không đức tin gì hết nghe*

*nói Tiên giảng đi theo nghe Thi chơi, ... ..*

*... .. Bản Đạo thú thật nhờ cái linh hiển của Ngài, nhờ Ngài giáo hóa nên Bản Đạo hôm nay được khởi đức tin mạnh mẽ to tác».*

*(TĐHP Q.6-1/28)*

### 3. LẬP ĐÀN CẦU ĐẠO:

Vào ngày 27-10 năm Ất Sửu, bà Cửu Thiên Huyền Nữ giảng cơ bảo: “Mùng 1 này tam vị Đạo hữu Vọng Thiên cầu đạo”. Hôm sau, 3 ông cầu Thất Nương (Đoàn Ngọc Quế) chỉ về cách cầu đạo, Thất Nương bảo đó là nhiệm vụ của ông A, Ầ, Ậ.

Ngày 30 tháng 10 năm đó, ông A, Ầ, Ậ giảng dạy rằng: “Ngày mùng 1 tháng 11 này (16-12-1925) tam vị phải **Vọng Thiên cầu đạo**. Tắm gội cho tinh khiết, quì giữa Trời cầm chín cây nhang mà vái rằng:

*Ba tôi là Cao Quỳnh Cư, Phạm Công Tắc, Cao Hoài Sang vọng bái Cao Đài Thượng Đế, ban ơn đủ phúc lành cho ba tôi cải tà qui chánh».*

Sáng ngày mồng 1 ông Cao Quỳnh Cư qua nhà ông Tý mượn Đại Ngọc Cơ theo lời dạy của Đức Chí Tôn, như vậy việc xây bàn đến đây thay bằng phò cơ (\*1). Đến giờ ba ông thiết lễ, tịnh tâm mặc niệm như lời ông A, Ầ, Ậ dạy dù ngoài đường kẻ hiểu kỳ tới coi. Bỗng đầu thi sĩ Bồng Dinh (\*2) đến vịn cái bàn chỗ 3 ông quì mà ông ngâm thi. Người ta càng đến đông hơn. Cúng bái xong vào nhà cầu cơ. Đức Cao Đài giảng viết chữ Nho 3 ông không hiểu, nên thỉnh ông A, Ầ, Ậ xin giải thích. Ông A, Ầ, Ậ nói Đấng Cao Đài khuyên quý vị nghĩ cho thấu

đáo lý tạo đoan rồi cho thi.

### THI

*Cứ níu theo phan Đức Thượng Hoàng,  
Tự nhiên tu tánh đặng bình an.  
Nguyệt hoa căn tội tua xa lánh,  
Vịn lấy nhành dương hưởng Đạo nhân.*

Thuở trước, khi cầu cơ thì đọc bài: Trời còn và Mừng thay!

### BÀI TRỜI CÒN

*Trời còn sông biển đều còn,  
Khắp xem côi dưới núi non đượm nhuần.  
Thanh minh trong tiết vườn xuân,  
Phụng châu, hạc múa, gà rừng gáy reo.  
Đường đi trên núi dưới đèo,  
Lặng tìm cao thấp phải trèo chông gai.  
Phận làm con thảo há nài,  
Biết thương Tiên, Phật, Bồng lai mà tìm.  
Xem qua xét lại cổ kim,  
Một bầu trời đất thanh liêm chín mười.  
Vàng trao ngọc chuỗi càng tươi,  
Bền lòng theo Phật cho người xét suy.  
Thần Tiên vốn chẳng xa chi,  
Có lòng chiêm ngưỡng nhứt thì giáng linh.*

Và khi Thần, Thánh, Tiên Phật giá lâm phải đọc bài:

### BÀI MỪNG THAY

*Mừng thay chi xiết nỗi mừng,  
Hào quang chiếu diệu ngàn tầng khôn trung.*

*Hạc reo bay khắp đạo cùng,  
Càn khôn thế giới cũng chung một bầu.  
Môn sanh thành kính chúc châu,  
Tữu trà huê quả mừng cầu Tiên ông.  
Nhang thơm tốc đốt nức nồng,  
Đèn lò ngọn lửa tựa rồng phun châu.*

Đến khi khai đạo tại Gò Kén thì không còn đọc hai bài này nữa.

Trong năm khai Đạo nhiều cặp cơ được đặc phong. Nhưng về sau chỉ còn 4 cặp cơ được lệnh đi phổ độ và truyền Đạo mà thôi.

Cặp cơ thứ nhất là quý ông Cao Quỳnh Cư và Phạm Công Tắc; thứ nhì là Cao Hoài Sang và Cao Quỳnh Diêu; thứ ba là Nguyễn Trung Hậu và Trương Hữu Đức; thứ tư là Trần Duy Nghĩa và Trương Văn Tràng. Mấy cặp cơ này đều do cặp cơ quý ông Cư Tắc phong.

Ngoài các cặp cơ trên còn có các cặp sau: Tươi-Chương, Kim-Đãi, Mai-Nguyên, Mạnh-Phước, Thâu-Vĩnh.

Tuy nhiên chỉ có 4 ông: Tươi-Chương, Kim-Đãi chấp cơ được. Đặc biệt là ông Phạm Tấn Đãi (sau đặc phong Khai Đạo) là đồng tử bên tích cực, đủ khả năng chấp cơ truyền Đạo. Hai ông Mai và Nguyên vì không đến hầu đàn phong Thánh tại Gò Kén, nên hai ông Lê Thế Vĩnh và Cao Đức Trọng (vị này được thọ phong tại Campuchia năm 1927) thế vị trong hàng Thập Nhị Thời Quân.

Câu cơ hay là phò loan gồm có hai vị đồng tử, ngồi hai bên cái giỏ cơ, tay cầm vào miệng cơ. Một lát sau, điển các Đấng giáng rỗi Ngọc cơ tự động mà viết ra? Chính vì

đó, người ta có thể ngờ người bên trái hoặc bên phải viết ra? Thế nên, cơ bút cũng có thiệt mà cũng có giả. Người trong cuộc mới hiểu rõ được việc đó.

Khi chấp cơ, Ngọc cơ rung động trên bàn viết, nhưng nếu không có thần của bản thân đồng tử thì Ngọc cơ chỉ rung động mà không viết được chữ gì hết. Lúc đó tinh thần của đồng tử nảy ra ý định viết chữ. Nhờ hoàn cảnh của đàn cơ do các vị hầu đàn hết lòng khẩn nguyện, nên ý nghĩ của đồng tử chỉ chăm chú về điều Thánh thiện. Nhờ đó, khi viết ra thấy toàn ý từ Thần Tiên và lời lẽ đạo đức.

Khiếu của đồng tử ngồi chấp cơ cũng như dây điện có dây nóng dây nguội. Bên nóng là bên tích cực (positif), bên nguội là bên tiêu cực (négatif). Chính bên tích cực mới phát sanh ý tưởng mà viết ra văn còn bên tiêu cực chỉ nâng cơ trợ điển mà thôi. Cơ bút viết ra hay hay dở đều do bên tích cực, nếu có kẻ tự ám thị thì cũng do bên tích cực mà ra.

Nhờ kinh nghiệm và tâm lý, ta có thể phân biệt các cặp phò loan trên như sau: cặp cơ quý ông Cao Quỳnh Cư và Phạm Công Tắc thì bên ông Tắc là tích cực, vì ông cầu cơ với ai đều có kết quả còn ông Cư không hề chấp cơ được với ai hết, nghĩa là cơ không viết ra chữ.

Cặp cơ thứ nhì là quý ông Cao Hoài Sang và Cao Quỳnh Diêu, bên ông Sang là tích cực. Cặp cơ thứ ba quý ông Nguyễn Trung Hậu và Trương Hữu Đức thì bên ông Đức là tích cực. Cặp cơ thứ tư quý ông Trần Duy Nghĩa và Trương Văn Tràng thì bên ông Nghĩa là tích cực.

Nhờ phân tích khiếu đồng tử, mới thấy rõ ông Phạm Công Tắc là 1 chơn linh vượt hạng, đủ năng lực xây nên



Tân Tôn giáo, đáng liệt vào hàng sơ tổ của việc cầu cơ chấp bút.

Vì lẽ đó, khi cầm quyền Chương quản Nhị Hữu Hình Đài, Đức Hộ Pháp mới ra Thánh lệnh số 21 ngày 22 tháng 2 Tân Mão (29-3-1951) có đoạn:

*“Nghĩ vì cơ bút là một cơ quan thuộc về Huyền Linh Pháp nên vẫn là hư hư thiệt thiệt, vì bất kỳ mọi sự chi mà có tánh phàm của con người phối hợp vào đó, đều giả nhiều mà thiệt ít.*

*Nghĩ vì cơ bút đã đủ quyền tạo Đạo đặng thì nó cũng đủ quyền diệt Đạo đặng, vì có mà Đức Chí Tôn đã cấm cơ phổ độ.”*

**(KHẢO LUẬN XÂY BÀN & CƠ BÚT SOẠN  
GIẢ HIỂN TÀI NGUYỄN VĂN HỒNG)**

Nhằm trong sự chặn đứng lợi dụng cơ bút, chức sắc Hiệp Thiên Đài có lập bản “Hiển pháp cơ bút” chỉ chấp cơ nơi Đền Thánh. Bởi lẽ, có nhiều người cầu cơ xúi giục các đồng tử non lòng nhẹ dạ vô trách nhiệm đưa ra những lời đường mật mê hoặc nhân sanh, lôi cuốn họ theo đường mê tín, chia chi phân phái.

Dưới đây là Thánh danh các Đấng giáng cơ giúp việc khai mở Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, từ năm Ất Sửu bằng phương pháp xây bàn hoặc cơ bút:

- 1) Xuất Bộ Tinh Quang;
- 2) A, Ǻ, Ǻ;
- 3) Cửu Vị Tiên Nương;
- 4) Cửu Thiên huyền nữ;
- 5) Thiên Hậu;

- 6) Liên Huệ Tiên;
- 7) Đại Tiên Sĩ Tải Trương Vĩnh Ký;
- 8) Nhân Âm Đạo Trưởng;
- 9) Hớn Thọ Đình Hầu Quan Công;
- 10) Thần Sơn Quan, Diệu Võ Tiên Ông;
- 11) Đỗ Mục Tiên;
- 12) Minh Nguyệt Tiên Ông;
- 13) Bách Nhân Đại Tiên;
- 14) Thánh Pierre;
- 15) Huệ Mạng Trường Phan;
- 16) Lê Văn Duyệt;
- 17) Quý Cao;
- 18) Thổ Địa Tài Thần;
- 19) Lý Thái Bạch;
- 20) Ông Môn;
- 21) Cao Xuân Lộc;
- 22) Cao Quỳnh Tuân (thân sanh ông Cao Quỳnh Cư);
- 23) Cao Hoài Ân (thân sanh ông Cao Hoài Sang).

Vào đêm Noel năm 1925, Thất Nương giáng cơ truyền phải chỉnh đàn cho nghiêm trang để tiếp giá. Ba ông Cư, Tắc, Sang nghe vậy nửa mừng nửa lo, liền thiết lễ chỉnh đàn trang nghiêm. Rồi hai ông Cư, Tắc phò cơ. Cơ viết:

Ngọc Hoàng Thượng Đế viết Cao Đài Tiên Ông  
Đại Bồ Tát Ma Ha Giáo Đạo Nam Phương.

*Muôn kiếp có Ta nắm chủ quyền,  
Vui lòng tu niệm hưởng ân Thiên.  
Đạo mẫu rười khắp nơi trần thế,  
Ngàn tuổi muôn tên giữ trọn biên.*

(\*1) Cơ: là giỏ đan bằng tre, ngoài phất giấy vàng, có cân bằng cây dương liễu hay cây dâu, đầu chạm hình chim loan, ở cổ chim loan có cây cọ bằng tre hoặc mây để viết chữ xuống mặt bàn cơ. Người đứng ngoài có thể đọc được.

(\*2) Tức ông Giáo Sỏi.

#### 4. CÁC VỊ TÔNG ĐỒ ĐẦU TIÊN VÀ CƠ PHỔ HOÁ:

Vào đêm 25-12-1925, nhân lễ Noel của Chúa Jésus Christ, ông A, Ẻ, Ầ giảng:

Đức Cao Đài đã hiểu lòng của 3 đệ tử: Cao Quỳnh Cư, Phạm Công Tắc, Cao Hoài Sang. Ngài đã ban đầy ơn cho mỗi người, đêm nay phải vui mừng vì là ngày của Thượng Đế xuống trần dạy Đạo bên Thái Tây (Europe).

*Ta rất vui lòng mà đặng thấy đệ tử kính mến Ta như vậy. Nhà nầy sẽ đầy ơn Ta. (Nhà của M. C...). Giờ ngày gần đến, đợi lệnh nơi Ta. Ta sẽ làm cho thấy huyền diệu đặng kính mến Ta hơn nữa.*

(TNHT)

Đêm 31-12-1925 Đấng A, Ẻ, Ầ giảng dạy:

*Ba con thương Thầy lắm há? Con thấy đặng sự hạ mình của A. Ẻ. Ầ như thế nào chưa? Con có thấy thấu đáo cái quyền năng của Thầy chưa? Người quyền thế nhứt như vậy có thể hạ mình bằng A. Ẻ. Ầ chăng?*

*A. Ẻ. Ầ là Thầy. Thầy đến con thế ấy, con thương Thầy*

không?

(ĐSHH)

Như vậy, từ đây các ông biết Đấng A, Ẫ, Ầ là ông Trời là Ngọc Hoàng Thượng Đế, là Đức Cao Đài, xưng là Thầy.

Đến ngày 1-1-1926, Thầy giảng cơ phủ dụ và báo trước nhiệm vụ cao trọng của 2 ông trong nền Tân tôn giáo:

*«Cư, Tắc! Hai con đừng lấy làm việc chơi nghe; Thầy dặn hai con một điều, nhứt nhứt phải đợi lệnh Thầy, chẳng nên lấy tứ riêng mà phán đoán nghe. Phận sự hai con, trách nhậm hai con Thầy đã định trước song ngày giờ chưa đến phải tuân lời Thầy nghe. Từ đây, Thầy khởi sự dạy Đạo cho.»*

(2 JANVIER 1926) (ĐSHH)

*«Khi Đức Chí Tôn đến với chúng tôi, Đức Chí Tôn mở Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, chứ không phải mở Đạo Cao Đài, tôi chứng Ngài biểu chúng tôi cắm một cây Cờ và một ngọn Bút đi các nơi thâu Môn đệ. Trọng yếu của Ngài là thâu mấy vị Tông Đồ có sứ mạng trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ này đã giáng sanh trước, đặng làm môi giới độ Đạo sau này. Đức Chí Tôn biểu chúng tôi Phò Loan, đặng Ngài dùng quyền năng Thiêng Liêng kêu gọi mấy vị Tông Đồ đó. Quả nhiên chẳng bao lâu, có đủ Thập Nhị Thời Quân hiển hiện ra, trong số các vị Thời Quân ấy, có Cao Tiếp Đạo ở tại Kiềm Biên chứ không phải ở Saigon. Đi thâu Thập Nhị Thời Quân rồi Đức Chí Tôn mới mở Đạo. Chứng đó Ngài mới chỉ cho chúng tôi biết rằng: Có một người thờ Ngài rồi là Ông Ngô Quang Chiêu, tức nhiên Đức Chí Tôn muốn thâu Ông làm Giáo Tông đầu tiên đó. Có một điều lạ lùng suy nghĩ không ra nguyên cớ là Đức Chí Tôn biểu Bà Nữ*

*Chánh Phối Sư Hương Hiếu may sắc phục Giáo Tông cho Người, kỳ hẹn trong 10 ngày, Người sẽ được tôn làm Giáo Tông, trong thời gian 10 ngày, chỉ có 10 ngày mà thôi. Chúng tôi không hiểu nguyên cơ nào Ông Ngô Quang Chiêu không hưởng được địa vị ấy.»*

(PHẠM HỘ PHÁP THUYẾT ĐẠO ĐÊM 13-10-GIÁP NGỌ). (TDHP Q6-2/19)

Ngày 9-1-1926 hai ông Cư, Tắc vào độ ông Lê Văn Trung trong Chợ Lớn. Mãi đến ngày 11, ông Trung mới nhập môn. Ngày 31 khai đàn với sự chứng đàn của Ngài Ngô Minh Chiêu.

*“... buổi nọ Ông Lê Văn Trung đang làm Thượng Nghị Viện. Hội đồng Thượng Nghị Viện chẳng khác bây giờ là một vị Tổng Trưởng. Đòi Pháp thuộc chức Nghị Viên lớn lắm, Ông là người Nam làm đến bậc đó thôi, mà nghe ra Ông là người quá sức đời, tôi và Đức Cao Thượng Phẩm không hạp chút nào, chính thật ra buổi nọ tôi nghe tôi kỳ hơn hết, nhứt định không làm điều đó được, nghe danh quá đời, chơi bời phóng túng không thể tưởng tượng. Một Ông Quan mất nước không thể tả hết; buổi chúng tôi ôm cái Cơ đến nhà Ngài đặng Đức Chí Tôn độ Ngài, mục đích chúng tôi là Đức Chí Tôn bảo đâu làm đó vậy thôi, khi vô tôi nhà thú thật với Ngài rằng: Chúng tôi được lệnh của Đức Chí Tôn, biểu chúng tôi đến nhà anh Phò Loan cho Đức Chí Tôn dạy Đạo, anh tính sao anh tính. Ngô quá chừng quá đổi, Ông biết Đấng đó hơn chúng tôi biết. Lo sắp đặt bàn ghế, sửa soạn buổi Phò Loan, rồi thì chúng tôi tiếp rước Ông, độ Ông, bắt Ông nhập môn đủ hết, chúng tôi không hiểu Ông có tin nơi Đức Chí Tôn không? Có khi tưởng Ông không tin nơi Đức Chí Tôn nữa chớ. Trong nhà Ông có nuôi một*

người con nuôi tên là Thanh còn nhỏ độ 12, 13 tuổi gì đó, hai cha con kiếm đâu được ra một cây Cờ không biết, vái Đức Chí Tôn rồi cầu Cờ. Khi Phò Loan thăng nhỏ kia cầm đến cây Cờ thì ngủ, Ông thì thức, Cờ thì chạy hoài. Đức Chí Tôn dạy Ông nhiều lắm, không biết dạy những gì. Ông hỏi thì Đức Chí Tôn trả lời, chỉ có hai Người biết với nhau mà thôi. Từ đó Ông mới tin Đức Chí Tôn.

Từ khi Đức Chí Tôn đến độ Đức Quyền Giáo Tông rồi mới xuất hiện ra Hội Thánh. Nếu chúng tôi làm chứng, thì chúng tôi có thể nói rằng: Do nơi Đức Quyền Giáo Tông mới xuất hiện ra Hội Thánh Cửu Trùng Đài đó vậy. ... ..  
... Bởi vì chính mình Đức Chí Tôn đến thâu Ngài, biểu Ngài lập thành Hội Thánh. Ngài đi đến đâu, tôi và Đức Cao Thượng Phẩm theo Phò Loan để Đức Chí Tôn thâu môn đệ, thâu được bao nhiêu thì giao cho Đức Quyền Giáo Trung Thượng Trung Nhứt giáo hóa, chính do nơi Ngài cầu khẩn Đức Chí Tôn thâu môn đệ, ... ..

Khi đó Đức Chí Tôn thâu Ông Nguyễn Ngọc Thơ, tức là Phối Sư Thái Thơ Thanh làm môn đệ, Thái Thơ Thanh là bạn chí thân, tức là chồng của Bà Nữ Đầu Sư Lâm Hương Thanh, thành thử mỗi người đều có Thiên Mạng nơi mình mà không ai biết, chính Bà là người cầm đầu Nữ Phái đó vậy.”

(TĐHP Q6-2/19)

Vào đêm mồng 1 tết năm Bính Dần (13-2-1926) giờ Tý tái cầu thì Đức Thượng Đế giảng dạy rằng:

“Chiều buổi trước hứa lời truyền Đạo, cứu vớt chúng sanh, nay phải y lời mà làm chủ, dẫu dặt cả môn đệ Ta vào đường đạo đức đến buổi chúng nó thành công, chẳng nên tháo trút. Phải thay mặt cho Ta mà dạy dỗ chúng nó. Trung,

*Kỳ, Hoài, ba con phải lo thay mặt cho Chiêu đi độ người.  
Nghe và tuân theo.*

(ĐĐCN)

Đó là lời Thánh giáo đầu tiên và là *Ngày kỷ niệm Khai đạo Cao Đài về Cơ phổ hoá*. Đến ngày 9-1 năm đó (21-2-1926) nhằm vía Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế ông phủ Vương Quan Kỳ có thiết đàn riêng tại nhà số 80 đường Lagrandière (nay là đường Gia Long). Đêm ấy có mời chư nhu và mấy vị đạo hữu hầu đàn. Đức Thượng Đế dạy rằng:

*Bầu tòa thơ thời trở thêm hoa,  
Mấy nhánh rời sau cũng một nhà.  
Chung hiệp rần vun nền đạo đức,  
Bền lòng son sắt đến cùng Ta.*

*Cái nhánh các con là nhánh chính mình Thầy làm chủ, sau các con sẽ hiểu. Thầy vui muốn cho các con thuận hòa nhau hoài; ấy là lễ hiến cho Thầy rất trân trọng. Phải chung lo cho danh Đạo Thầy. Đạo Thầy tức là các con; các con tức là Thầy. Phải làm cho nhau đặng thể lực, đừng ganh gổ nghe. Các con giữ phận làm tùy ý Thầy muốn. Ngày kia sẽ rõ ý muốn của Thầy».*

(ĐĐCN)

Khi ấy, ông Phủ Ngô Văn Chiêu xin Thượng Đế lấy tên mấy người đệ tử đầu tiên mà cho một bài thi kỷ niệm. Đức Thượng Đế liền cho thi:

*Chiêu, Kỳ, Trung độ dẫn Hoài sanh,  
Bản đạo khai Sang, Quý Giảng thành.  
Hậu, Đức, Tắc, Cư Thiên địa cảnh,  
Quồn, Minh, Mân đảo thủ đài danh.*

Nguyên 12 chữ xiêng trong 4 câu trên là tên của 13

vị môn đệ đầu tiên của Đức Thượng Đế vì Võ Văn Sang và Cao Hoài Sang, Thầy điểm danh chung 1 tên. Còn 3 chữ câu chót là tên 3 vị hầu đàn, chưa nhập môn. Đức Chí Tôn lại dạy riêng nhóm xây bàn.

*“Kể từ nay là ngày phát khởi Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.*

*Thầy tá danh Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát” (\*1)*

Sau đây là vài nét, thứ tự theo bài thi, về quý vị nêu tên trên.

**1) NGÔ VĂN CHIÊU (1878-1932):** Đạo hiệu Ngô Minh Chiêu dòng dõi quan thị lang triều đình Huế, di cư vào Nam lập nghiệp ở khu Hoà Hưng (Sài gòn).

Ngài sinh ra ở Bình Tây (Chợ Lớn) trong 1 căn nhà lá nhỏ, không chịu bú sữa. Lớn lên kết tình với bà Bùi Thị Thân, sinh được 3 gái, 6 trai. Sau khi đậu bằng Thành Chung, Ngài vào làm tại Toà Tân Đáo (1899), đến năm 1903 thì đổi về dinh Thượng Thơ rồi Toà Hành Chánh Tân An. Đến năm 1917 thi đỗ tri huyện. Đầu năm 1920 thân mẫu tạ thế, Ngài buồn nên xin đổi ra Hà Tiên. Tại đây Ngài ngộ Đạo Cao Đài. Nhưng chuộng lối tu đơn, Ngài tách rời cơ phổ độ về Cần Thơ lập phái Chiêu Minh vô vi.

**2) VƯƠNG QUAN KỶ:** ông làm tri phủ, sau được đặc phong Giáo Sư, chức sắc thuộc Toà Thánh Tây Ninh. Về sau tách về Cầu Kho (Sài gòn) nay là Thánh Thất Nam Thành hợp với ông Đoàn Văn Bản chuyên lo phổ thông giáo lý.

Đức Chí Tôn cho ông bài thi, nhân đêm Tết năm Ất Sửu (12-2-1926):

*Nhứt nhứt tâm hể nhứt nhứt tâm,*



*Niên đáo tân hệ đạo dữ tân.  
Vô lao công quả tu đương tác,  
Niên quá niên hệ đạo tối tân.*

(ĐĐCN)

3) **LÊ VĂN TRUNG (1876-1934)**: Ngài sanh ở Mỹ Lâm (Chợ Lớn) nhờ thông minh, mới 17 tuổi đã được bổ vào ngạch thư ký Soái phủ Sài gòn. Năm 1906, Ngài ra ứng cử Hội đồng quản hạt, Quận Nhì. Ngài chống dự thảo luật “Lục hạng điền” của Thống Đốc Nam Kỳ Outrey.

Năm 1911, Ngài cổ động và đề xướng trường Nữ Học Đường Áo Tím (nay là Trường Gia Long, Sai gon). Ngày 6-10-1925, Ngài đệ đơn từ chức Thượng Nghị viên để thừa hành thiên mạng. Lúc quan thống đốc Le Fol trấn nhiệm xứ Nam Kỳ, vào ngày 22-1-1926 Ngài phé đời hành Đạo. Ba tháng sau được ân phong Đầu Sư, năm 1930 được Đức Chí Tôn ân phong Quyền Giáo Tông.

Đức Chí Tôn ban cho Ngài thi, nhân tết Ất Sửu:

*Đã thấy ven mây lối mặt Dương,  
Cùng nhau xúm xít dẫn lên đường.  
Đạo cao phó có tay cao độ,  
Gần gũi sau ra vạn dặm trường.*

(ĐĐCN)

4) **NGUYỄN VĂN HOÀI** tức Hội đồng Hoàì, bạn tu của ông Ngô Văn Chiêu, Đức Chí Tôn cho ông thi nhân tết Ất Sửu:

*Vô vi tối yếu đạo đương cầu,  
Đệ tử tâm thành bất viễn ưu.  
Thế sự vô duyên, vô thế sự,*

*Tiêu tú bất xuất ngoại gian đầu.*

(ĐĐSC)

5) **ĐOÀN VĂN BẢN** tức Đốc học Bản, khởi tiên ông lập Tiểu Thánh Thất Cầu Kho (nhà ông) lo phổ thông giáo lý. Thấy cho thi nhân tết Ất Sửu:

*Thương thay trung tín một lòng thành,  
Chẳng kể quan mà chẳng kể danh.  
Thiệt thòi bấy phận không con nối,  
Thấy rửa lòng Ta cũng chẳng đành.*

(ĐĐSC)

6) **CAO HOÀI SANG** (1900 - 1971) người xã Thái Bình (Tây Ninh). Sau khi đỗ bằng Thành Chung, Ngài vào làm việc tại Sở Thương Chánh (Quan thuế Sài Gòn) cho đến chức Tham Tá Thương Chánh rồi về hưu. Ngài là 1 trong ba vị chức sắc Đại Thiên Phong Hiệp Thiên Đài, đặc phong Thượng Sanh. Thực sự hành đạo và cầm quyền Chuông quản Hiệp Thiên Đài năm 1957 (khi Đức Phạm Hộ Pháp lưu vong sang Campuchia) đến ngày qui thiên 1971.

7) **VÕ VĂN SANG**, bạn tu của ông Ngô Văn Chiêu, Đức Chí Tôn có cho ông bài thi nhân tết Ất Sửu như sau:

*Tân dân hỉ kiến đắc tâm niên,  
Phổ độ tam kỳ bá thế hiền.  
Nhứt tịnh chủ tâm chơn đạo lý,  
Thăng Thiên huộet địa chỉ như nhiên.*

(ĐĐSC)

8) **LÝ TRỌNG QUÍ**, người Cần Thơ, bạn tu của ông Ngô Văn Chiêu. Nhân tết Ất Sửu Đức Chí Tôn cho bài thi:

*Lỡ một bước, lướt một ngày,  
Một lòng thành thật chớ đơn sai.  
Lời thôi buổi trước nhiều ân xá,  
Lấp lửng đừng làm tội bữa nay.*

(ĐĐSC)

9) **LÊ VĂN GIẢNG** làm ở hãng Ippolito (Sài gòn) được Thiên phong Giáo Sư phái Thượng. Đức Chí Tôn cũng cho thi nhân tết Ất Sửu:

*Trần tục là nơi chốn biển buồn,  
Nghe nơi Đại Đạo rón nghe luôn.  
Ở trong nhà sẵn Thấy đưa khó,  
Ách nạn chi chi cũng chảy tuôn.*

(ĐĐSC)

10) **NGUYỄN TRUNG HẬU (1892-1961)** tự Thuần Đức, người Gia Định, thọ thiên ân Bảo Pháp. Năm 1957 về Toà Thánh làm giám đốc Hạnh Đường và tái lập Đạo Đức Văn Đàn.

11) **TRƯƠNG HỮU ĐỨC (1892-1976)** người Chợ Lớn thọ thiên ân Hiến Pháp Hiệp Thiên Đài. Sau khi Đức Thượng Sanh qui thiên, ngài được bầu lên Quyền Chủơng Quản Hiệp Thiên Đài (1971).

12) **PHẠM CÔNG TẮC (1890-1959)** sanh tại làng An Hoà, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh (trong khai sanh ghi sanh ở Long An). Năm 20 tuổi làm thơ ký Sở Thương Chánh (Sài gòn). Ngài theo đuổi cách mạng và cộng tác với các báo như La cloche fêlée, La voie libre, Lục tỉnh Tân văn, v.v...

Năm 1925 để tìm hiểu huyền vi của Tạo hoá. Ngài cùng hai ông Cao Quỳnh Cư và Cao Hoài Sang họp nhau

xây bàn. Nhờ đó nền Tân tôn giáo mới xuất hiện. Ngài thọ phong Hộ Pháp đêm 14 trặng 15 tháng 3 Bính Dần, tức trước khi khai đạo.

Ngài bị đày đi sang Mã Đảo (1941-1946) 5 năm, 2 tháng, 3 ngày. Cuối năm 1955, Ngài lại lưu vong sang Miên quốc và triều thiên nơi đây (\*2)

Vào đêm 30-12-Ất Sửu (12-2-1926) quý Ngài Ngô Văn Chiêu, Cao Quỳnh Cư và Ngài đi đến mỗi nhà các bạn tu để chúc xuân và phò cơ xin thi (Các bài thi cho mỗi vị đã dẫn trên ).

Trước tiên là nhà ông Võ Văn Sang cuối cùng là nhà ông Lê Văn Trung. Bài thi cho Ngài như sau:

*Ngao ngán không phân lẽ thiệt không,  
Thấy thẳng áp út quá buồn lòng.  
Muốn giàu Thấy hứa đem cho của,  
Cái của cái công phải trả đồng.*

**13) CAO QUỲNH CƯ (1887-1929)** sinh tại làng Hiệp Ninh, Tây Ninh. Ngài cầu cơ thỉnh tiên một lượt với ông Phạm Công Tắc và đắc phong Thượng Phẩm cùng lượt.

Ngài là người phế thân hành Đạo trước nhất và chịu khổ cực nhất trong buổi đầu tiên để xây dựng tổ đình. Đức Chí Tôn cho thi nhân tết Ất Sửu.

*Sắp út thương hơn cũng thế thường,  
Cái yêu cái dạy ấy là thương.  
Thương không nghiêm trị là thương dối,  
Dối dạ vì chúng yếu dạ thương.*

---

(\*1) HUỆ CHUÔNG, Đạo Mạch Truy Nguyên , Sài Gòn

1929, trang 23.

(\*2) Xin xem CHÂN DUNG HỘ PHÁP PHẠM CÔNG TẮC cùng một soạn giả.

### \* Lễ nhập môn và khai đàn buổi đầu

Việc nhập môn cầu Đạo buổi đầu do Đức Chí Tôn độ hoặc các vị ngộ đạo trước hướng dẫn, như 13 vị có tên trong bài thi tứ tuyệt trên, nơi các tư gia hoặc chùa miếu, chớ chưa có Thánh Thất. Ngày 27-1-1926 khai đàn tại tư gia ông Cao Quỳnh Cư, Đức Chí Tôn giảng dạy:

*Đã để vào toà một sắc hoa,  
Từ đây đàn nội tử như nhà.  
Trung thành một dạ thờ cao sắc,  
Sống có Ta, thác cũng có Ta.*

Về sau hễ có người nào nhập môn, thì mở ngay cuộc khai đàn tại nhà đó và chư tín hữu khác cũng được tham dự mà làm lễ nhập môn. Có một vị đạo hữu xin được nhập môn và khai đàn tại nhà, nhưng gia cảnh nghèo không sắm đủ lễ. Đức Chí Tôn giảng cho bài thi an ủi:

*Bạch Ngọc từ xưa đã ngự rồi,  
Chẳng cần hạ giới vọng cao ngôi.  
Sang hèn trời kệ tâm là quý,  
Tâm ấy toà sen của Lão ngôi.*

Buổi đầu, các môn đồ khi nhập môn được Đức Chí Tôn cho thi. Những người nào được phê chữ Thâu, Thượng thì nhận là tín đồ, còn người nào không ghi gì cả, kể như không thâu nhận. Như buổi đàn cơ do Giáo Sư Thái Đạt Thanh chứng đàn và hai ông Nguyễn Trung Hậu và Trương Hữu Đức phò cơ, có 1 bài thi cho bà tên Bộn như sau:

*Bọn bàng kẻ tới với người lui,  
Lui khỏi ngoài vòng tính cuộc vui.  
Vui Đạo không vui vui thế sự,  
Sự hay sự dở chứa phân mùi.*

Bà ấy vốn là mục tú bà nên không được thâu làm môn đệ.

Một người tên Tích đến cầu Đạo thì Đức Chí Tôn cho bài thi:

*Tích đức cho con, Tích hỡi con,  
Con còn lẩn lú lắm nghe con.  
Con thương con cháu là thương Đạo,  
Đạo chẳng ở xa ở tại con.*

THẦU

Xem thế, ông Tích là 1 người hung bạo nhưng vì thương tính mộ Đạo cũng được Thầu.

Ngày 20-10- Bính Dần (25-11-1926) lúc khai Đạo tại Gò Kén (Tây Ninh) Đức Chí Tôn cho 1 người mới cầu Đạo tên Ngô Trung Bình một bài thi và ghi chữ Thượng.

*Nguồn Đạo tìm vào đã tận nơi,  
Rán đưa chơn tục chỉ đừng với.  
Bao nhiêu lỗi trước tua kèm sửa,  
Căn mạng nên Ta phải để lời.*

THƯỢNG

Cũng nên biết, Thánh Tượng (Thiên Nhân) dùng để khai đàn buổi đầu do ông Cao Quỳnh Cư xem mẫu nơi nhà ông Ngô Văn Chiêu và họa biểu không cho chư tín hữu đem về thờ.

### 5. THIÊN PHONG ĐẦU TIÊN:

Đến tháng 3 năm Bính Dần (1926), Đức Chí Tôn giảng cơ dạy bà Nguyễn Thị Hiếu may Thiên Phục cho chức sắc Hiệp Thiên Đài và Cửu Trùng Đài liệt kê như sau:

#### A. Thiên phục Cửu Trùng Đài

1- Ngài Đầu Sư Thượng Trung Nhật: 1 cái áo đại phục xanh và 1 cái khăn đồng chín lớp xanh.

2- Ngài Đầu Sư Ngọc Lịch Nguyệt: 1 cái áo Đại Phục đỏ và 1 cái khăn 9 lớp đỏ.

3- Ngài Thái Chánh Phối Sư Thái Thơ Thanh: 1 cái áo Đại Phục vàng và 1 cái khăn 9 lớp vàng.

4- Ngài Chánh Phối Sư Thượng Tương Thanh (tức Nguyễn Ngọc Tương) 1 cái áo Đại phục xanh, 1 cái khăn 9 lớp xanh.

5- Ngài Chánh Phối Sư Ngọc Trang Thanh: 1 cái áo Đại phục đỏ và 1 cái khăn 9 lớp đỏ.

6- Ngài Ngô Văn Chiêu: 1 cái áo Giáo Tông có thêu bùa bát quái và 1 cái mũ Giáo Tông.

7- Vương Quan Kỳ, một đại phục Giáo Sư phái Thượng và 1 cái khăn 7 lớp.

#### B. Thiên phục Hiệp Thiên Đài

1- Đức Cao Thượng Phẩm: 1 cái áo Đại phục trắng và 1 cái áo lá xanh.

2- Đức Cao Thượng Sanh: 1 cái áo Đại phục trắng và 1 cái áo lá xanh.

3- Và 12 cái áo Đại phục trắng và 12 cái Nhựt Nguyệt Mạo cho 12 vị thời quân.

Vào ngày 22 tháng 4 năm 1926 (11-3-Bính Dần) cầu cơ tại tư gia ông Cao Quỳnh Cư, Đức Cao Đài giảng dạy:

*“Đạo phát triển một ngày là một ngày hại cho nhân sanh. Thấy nóng nhưng mà Thiên cơ chẳng nghịch dạng.”*

Đến ngày 25-4-1926 (15-3-BD) thì thiết lễ Thiên phong tại nhà ông Lê Văn Trung ở Chợ Lớn. Thấy dạy:

*«Lịch, con đã nghe đọc những lời Thầy dặn hả?*

*Cư nghe dặn, con bảo Tắc tắm rửa sạch sẽ, xông hương cho nó, biểu nó lựa một bộ đồ tây cho sạch sẽ ăn mặc như thường, đội nón, cười ....*

*Đáng lẽ nó phải sấm khời giáp giống như hát bội mà mặc nó nghèo nên Thầy không bảo. Bắt nó lên đứng trên, ngó mặt vô cho ngay ngôi Giáo Tông, lấy 9 tác vãi đều đắp mặt nó lại, biểu Đức, Hậu đứng gần, kéo xuất hồn nó tề tội nghiệp.*

*Khi chấp cơ xong, hai con mặc thiên phục vào rồi, nó mới leo lên.*

*Lịch! con viết 1 lá bùa Gián Ma Xù đưa cho Tắc cầm. Hai con mặc đồ thường chừng nào Thầy triệu Ngũ Lôi và Hộ Pháp về rồi Thầy biểu mặc vô thể mới dạng.*

*Bàn Thầy giảng cơ thì để trước bàn Ngũ Lôi, khi giảng rồi thì dời đi cho trống chỗ, dạng nhị vị Đầu Sư quì mà thể.*

*Cư đem 3 bộ Thiên phục để vụng trên 3 cái ngai, rồi con chấp bút bằng nhang như mọi lần, dạng Thầy trấn thần 3 bộ Thiên phục và 3 cái ngai ấy. Rồi mới kêu 2 vị Đầu Sư đến quì trước bửu ngai của nó dạng Thầy vẽ phù vào mình, xong cho Giảng xuống lên «Phục vị» thì 2 người leo lên ngai. Cả thầy chú môn đệ đều quì xuống, bảo Tắc nó leo lên*



bàn, con chấp bút bằng nhang đến bàn Ngũ Lôi dâng Thầy trực xuất chơn thân nó ra. Rồi bảo hai vị Đầu Sư xuống ngai đến trước mặt Ngũ Lôi hai tay chấp trên đầu cúi ngay bừa Kim Quang Tiên mà thề như vậy:

Tôi là Lê Văn Trung tự Thiên ân là Thượng Trung Nhứt và Lê Văn Lịch tự Thiên ân là Ngọc Lịch Nguyệt thề Hoàng thiên Hậu thổ trước bừa tháp Ngũ Lôi rằng: Làm tròn Thiên đạo mà diu dặt cả mấy em chúng tôi đều là môn đệ của Đức Cao Đài Ngọc Đế. Nhứt nhứt do lệnh Thầy phân định chẳng dám chuyên quyền mà lập thành tá Đạo. Như ngày sau hữu tội, thì thề có Ngũ Lôi tru diệt.

Đến bàn Vi Hộ Pháp cũng quì xuống vái y như vậy nhưng câu sau như vậy: như ngày sau có phạm Thiên điều thề có Hộ Pháp đoạ Tam đồ bất năng thoát tục.

Rồi mới bảo Giảng xuống lại nữa «Phục vị» thì nhị vị Đầu Sư trở lại ngai trên ngai. Chú môn đệ mỗi người đều đến lạy mỗi người hai lạy.

Tôi phiên các môn đệ, từ người đến bàn Ngũ Lôi mà thề rằng: Tên gì ..... họ gì..... thề rằng: từ đây biết một Đạo Cao Đài Ngọc Đế chẳng dối dạ, dối lòng, hiệp đồng chư môn đệ, gìn luật lệ Cao Đài. Như sau có lòng hai thì Thiên tru Địa lục.

Tôi trước bàn Hộ Pháp cũng thề như vậy, rồi mới đến lạy nhị vị Đầu Sư.»

Đó là những nghi lễ bí truyền, về sau đạo cứ theo đó mà thi hành tuy theo chức sắc hay đạo hữu mà lời thề được biến đổi như trên.

Đến hai mươi ba giờ rưỡi đêm đó, Thầy lại giảng cơ cho thi:

*Kim triều dĩ đảo Thiên Trung Quang,  
Am biểu thể tinh tánh đức nan.  
Chỉ đãi thời lai quang minh tự,  
Tả ban thiếu đức, Hữu ban mang.*

*Đức, Hậu, phong vi Tiên Đạo Phò Cơ Đạo Sĩ.*

*Cư, phong vi Tá Cơ Tiên Hạc Đạo Sĩ.*

*Tác, phong vi Hộ Giá Tiên Đồng Tá Cơ Đạo Sĩ.*

*Trung, Lịch, đã thọ sắc, cứ tước vị mà theo sắc mạng Tả.*

(TNHT Q1/31)

**Sau đây là danh sách và ngày tháng các vị Đại Thiên phong trước khi khai đạo chính thức.**

### A. Hiệp Thiên Đài:

1.	Ô. Phạm Công Tác:	Thiên phong Hộ Pháp ngày 15 tháng 3 Bính Dần.
2.	Ô. Cao Quỳnh Cư:	Thiên phong Thượng Phẩm ngày 15 tháng 3 năm Bính Dần.
3.	Ô. Cao Hoài Sang:	Thiên phong Thượng Sanh ngày 15 tháng 3 năm Bính Dần.

### B. Cửu Trùng Đài

1.	Ô. Nguyễn Văn Tương: (Thái Lão Sư, Minh Sư)	Thiên phong Chương Pháp phái Thượng ngày 24-7 Bính Dần.
2.	Hoà Thượng Như Nhân:	Chương Pháp phái Thái ngày 24-7 Bính Dần.
3.	Trần Văn Thụ: Thái Lão Sư (*1)	Thiên phong Chương Pháp phái Ngọc ngày 10-9-Bính Dần.

4.	Lê Văn Trung:	Thiên phong Đâu Sư Thượng Trung Nhựt ngày 15-3-Bính Dần
5.	Lê Văn Lịch: (Con ông Lê Văn Tiếng)	Thiên phong Đâu Sư Ngọc Lịch Nguyệt ngày 15-3-Bính Dần
6.	Thiện Minh: (đệ tử Như Nhân)	Thiên phong Đâu Sư Thái Minh Tinh ngày 13-10-Bính Dần
7.	Lê Bá Trang:	Thiên phong Phối Sư Ngọc Trang Thanh ngày 3-7-Bính Dần.
8.	Nguyễn Ngọc Tương:	Thiên phong Phối Sư Thượng Tương Thanh ngày 17-5-Bính Dần
9.	Lê Văn Hoá:	Thiên phong Phối Sư Thượng Hoá Thanh ngày 19-8-Bính Dần
10.	Nguyễn Ngọc Thơ:	Thiên phong Phối Sư Thái Thơ Thanh ngày 2-7-Bính Dần.

### C. Giáo Sư

Ngọc Kinh Thanh	ngày mùng 8 tháng 6 năm Bính Dần
Ngọc Vân Thanh	ngày mùng 8 tháng 6 năm Bính Dần
Ngọc Đạt Thanh	ngày mùng 8 tháng 6 năm Bính Dần
Ngọc Mùi Thanh	ngày mùng 8 tháng 6 năm Bính Dần
Ngọc Thông Thanh	ngày 28 tháng 9 năm Bính Dần
Thượng Kỳ Thanh	ngày 14 tháng 5 năm Bính Dần
Thượng Kim Thanh	ngày 17 tháng 5 năm Bính Dần
Thượng Chức Thanh	ngày 19 tháng 8 năm Bính Dần
Thượng Hành Thanh	ngày 29 tháng 8 năm Bính Dần
Thượng Vinh Thanh	ngày 9 tháng 9 năm Bính Dần
Thượng Định Thanh	ngày 28 tháng 9 năm Bính Dần

## PHẦN THỨ NHỨT: THỜI KHAI PHÁP (1920-1926)

---

Thái Nhung Thanh	ngày 15 tháng 7 năm Bính Dần
Thái Luật Thanh	ngày 22 tháng 7 năm Bính Dần
Thái Bình Thanh	ngày 7 tháng 8 năm Bính Dần

### D. Giáo Hữu

Thượng Giới Thanh	ngày 23 tháng 8 năm Bính Dần
Thượng Bản Thanh	ngày 25 tháng 8 năm Bính Dần
Thượng Giảng Thanh	ngày 7 tháng 8 năm Bính Dần

### E. Lễ Sanh

Trần Văn Xương	ngày 26 tháng 10 năm Bính Dần
Trần Văn Tạ	ngày 26 tháng 10 năm Bính Dần
Trần Văn Hoàng	ngày 26 tháng 10 năm Bính Dần
Cao Mỹ Ngọc	ngày 26 tháng 10 năm Bính Dần
Mắt Mực Thanh	ngày 26 tháng 10 năm Bính Dần

Những vị trên đây đều là những người hữu danh trong nền Đại Đạo. Có nhiều vị Lễ Sanh phong trước ngày Khai đạo (15-10-BD) nhưng không còn ảnh hưởng gì về sau. Riêng các vị trên như ông Trần Văn Tạ sau đắc phong Hộ Đàn Pháp Quân. Ông Cao Mỹ Ngọc sau đắc phong Tiếp Lễ Nhạc Quân. Ông Mắt Mực Thanh (tức Tư Mắc) tên thật là Nguyễn Phát Trước thọ phong Phụ Đạo Chưởng Nghiêm Pháp Quân, sau đặt điều vu cáo Đức Cao Thượng Phẩm bị quả báo một cách đáng thương.

---

(\*1) Xem tiểu sử trong «Đại Đạo Danh Nhân» cùng soạn giả.

## 6. CÁC ĐÀN LỆ VÀ LỄ NHẬP MÔN:

*Vào ngày 24-4-1926 (14-3-Bính Dần) thì ông Ngô Văn Chiêu tách riêng, không đi phổ độ mà lo tu tự giác vô vi, lấy câu «Ngô thân bất độ hà thân độ» làm chủ thuyết. Còn ông Lê Văn Trung vâng thánh ý lo thiết Đàn truyền bá mỗi Đạo. Dù vậy cả hai đều thờ kính Đấng Cao Đài.*

Về đàn lệ thì khởi đầu chỉ có Đàn Cầu Kho tại nhà ông Đoàn Văn Bản sau thành Tiểu Thánh Thất. Nhưng Đàn Cầu Kho rất hẹp, đồ đạc thiếu hụt. Bàn thờ Chí Tôn chỉ là một cái ghế nhỏ bằng cây giá tị. Thiên Nhân được vẽ trong mảnh giấy cao 3 tấc, rộng 2 tấc. Chiều đệm cũng không đủ trải mà lễ bái. Tuy thanh đạm mà hàng chục tín hữu cứ mỗi đêm thứ bảy đến hầu đàn học đạo. Sau Thánh Thất được nhiều vị sửa sang lại được khang trang.

Vì cung ứng cho kịp với việc phổ thông mỗi Đạo. Đức Chí Tôn dạy lập thêm 5 đàn lệ nữa.

*a) Đàn Cầu Kho:* Do ông phủ Vương Quan Kỳ chứng đàn sau có quý ông Ngô Tường Vân, Nguyễn Văn Mùi, Nguyễn Văn Đạt, Nguyễn Văn Kinh (ông này có viết nhiều sách Đạo) cùng với ông Kỳ luân phiên trông coi việc cúng tế. Sắp đặt trong ngoài lễ lộc thì do quý ông Đoàn Văn Bản, Hoàng Văn Giã, Lê Văn Giải, Lê Văn Giảng, Nguyễn Văn Tường. Còn phò loan do hai ông Nguyễn Trung Hậu và Trương Hữu Đức.

*b) Đàn Chợ Lớn:* tại nhà ông cựu Nghị viên Lê Văn Trung. Ông Trung và ông phủ Lê Bá Trang chứng đàn và hai ông Cao Hoài Sang và Cao Quỳnh Diêu thì phò loan.

*c) Đàn Tân Kim (Cần Giuộc):* tại nhà ông Cựu Hội đồng địa hạt Nguyễn Văn Lai, quý ông Nguyễn Ngọc

Tương và Lê Văn Lịch chứng đàn. Quý ông Ca Minh Chương và Nguyễn Văn Tươi phò loan. Lo việc cúng tế do quý ông Lê Văn Tiếp, Võ Văn Kinh, Nguyễn Văn Nhơn, Phạm Văn Tỉ.

*d) Đàn Lộc Giang (Chợ Lớn):* tại chùa Phước Long của Yết ma Giồng. Ông phủ Mạc Văn Nghĩa và ông Yết Ma chứng đàn. Quý ông Trần Duy Nghĩa và Trương Văn Tràng phò loan.

*e) Đàn Tân Định:* tại nhà ông huyện Nguyễn Ngọc Thơ, do ông chứng đàn và quý ông Cao Quỳnh Cư, Phạm Công Tắc phò loan.

*f) Đàn Thủ Đức:* tại nhà ông Ngô Văn Điều do ông chứng đàn và quý ông Huỳnh Văn Mai, Võ Văn Nguyên phò loan. (\*1)

Ngoài những đàn lệ trên, còn thiết Đại Đàn nhiều nơi khác, để góp phần phổ thông nền chơn giáo. Thêm vào đó Đức Chí Tôn dạy lập một Đàn đặc biệt tại nhà ông Trần Văn Tạ để chữa bệnh. Phần công quả này do ông Tạ và con là Trần Văn Hoàng lo liệu.

Đức Chí Tôn lại dạy quý ông Cư, Tắc, Sang, Hậu, Đức, Tạ phải tùy trường hợp mà truyền nhân điện chữa bệnh cho hàng môn đệ.

Nhờ huyền diệu Thiêng Liêng của Ông Trên ban cho lúc mới Khai Đạo, nên quý ông Tắc, Đức chữa lành nhiều bệnh ngặt nghèo. Cách chữa bệnh chỉ đặt bàn tay vào chỗ đau cho nhân điện chạy vào cơ thể người bệnh là khỏi đau. Chính mấy vị ấy cũng ngạc nhiên cho sự huyền diệu vì các ông đau phải thấy thuốc. Ông Đức còn chữa lành bệnh á khẩu, thủng và thiên thời....

Ông Cao Quỳnh Cư khi ở Toà Thánh tạm cũng chữa lành nhiều bệnh bằng cách cho uống nước “âm dương thủy” và “vỏ cây ba nhánh” trước Toà Thánh mà cứu được nhiều người.

Việc trị bệnh bằng nhân điện cũng phải ngưng một lượt với việc ngưng cơ bút vào cuối tháng 6 năm 1927 do lệnh Đức Chí Tôn.

---

(\*1) NGUYỄN TRUNG HẬU Đại Đạo Căn Nguyên,  
Sài gòn 1930

### 7. VIỆC TẠO QUẢ CÀN KHÔN THỜ ĐỨC CHÍ TÔN:

Từ trước đã họa Thiên Nhân mà thờ Đức Chí Tôn nhưng trong đàn cơ ngày 18-9-1926 (12-8-Bính Dần), Đức Chí Tôn dạy:

*“... một trái như trái đất tròn quay, hiểu không? Bề kính tâm ba thước ba tấc, nghe con, lớn quá, mà phải vậy mới đặng, vì là cơ mầu nhiệm Tạo Hóa trong ấy, mà sơn màu xanh da trời, cung Bắc Đẩu và Tinh Tú vẽ lên Càn Khôn ấy. Thấy kẻ Tam thập lục Thiên, Tứ Đại Bộ Châu ở không không trên không khí; tức là không phải Tinh Tú còn lại Thất thập nhị Địa và Tam thiên Thế giới thì đều là Tinh Tú. Tính lại ba ngàn bảy mươi hai ngôi sao. Con phải biểu vẽ lên đó cho đủ. Con giờ sách thiên văn tây ra coi mà bắt chước. Tại ngôi Bắc Đẩu con phải vẽ hai cái bánh lái cho đủ và sao Bắc Đẩu cho rõ ràng. Trên vì sao Bắc Đẩu vẽ Con Mắt Thấy; hiểu chăng? Đáng lẽ trái ấy phải bằng chai đúc trong một ngọn đèn cho nó thường sáng; ấy là lời câu nguyện rất quý báu cho cả nhơn loại Càn Khôn Thế Giới đó; ... .. Còn chư Phật, chư Tiên, Thánh, Thần đã lên*

*cốt, thì để dài theo dưới, hiểu không con?”*

(TNHT Q.1/31)

Còn việc, tại sao thờ Thiên Nhân thì Đức Chí Tôn giảng rằng (24-2-1926):

*“Nhân thị chủ tâm  
Lưỡng quang chủ tế  
Quang thị Thần  
Thần thị Thiên  
Thiên giả, ngã giả.”*

Nghĩa là: Mắt là chủ tâm, hai ánh sáng trong mắt là chủ tế. Ánh sáng là thần, Thần là Trời, Trời là Ta vậy.

---

(\*1) Kinh Dịch chương X viết: Dịch khởi thủy từ Càn khôn. Vậy đạo Cao Đài và Kinh Dịch có cùng chung một gốc.

### **8. SỐ ĐỒ ĐỆ CỦA KỶ BA TAM CHUYỂN:**

Đàn đêm 4 tháng 10 năm 1926 (27-8-BD) đã qui định rõ số đồ đệ của Cao Đài giáo.

*Thầy Không Tử trước có tam thiên đồ đệ truyền lại còn thất thập nhị Hiền.*

*Thầy Lão Tử trước dựng một trò là Nguơn Thi.*

*Thầy Giê-Giu trước dựng mười hai người, chùng bị bắt còn lại là Pierre mà thôi.*

*Thầy Thích Già dựng bốn người; ba người bỏ Thầy còn lại một.*

*Còn nay, Thầy giảng thế chọn đến: Nhứt Phật, Tam Tiên, Tam thập lục Thánh, Thất thập nhị Hiền, Tam thiên Đồ Đệ.*



*Các con coi đó mà hiểu rằng: Các con có sự mà thiên hạ từ tạo thế đến chừ, chưa hề có chẳng?*

*Nơi Bạch Ngọc Kinh hơn sáu chục năm trước, chư Thần, Thánh, Tiên, Phật thấy đại nạn Thấy, nên ra tình nguyện hạ thế cứu đời.*

*... .. Các con có cả ba chánh đạo là Tam Giáo, các con biết tôn trọng; ngày nay lại thêm chánh đạo nữa, các con biết ít nước nào đặng vậy? ... .. Thấy nói cho các con biết: Dầu một vị Đại La Thiên Đế xuống phàm mà không tu, cũng khó trở lại địa vị đặng.*

(TNHT Q1/36)

### **9. KHAI ĐẠO VỚI CHÍNH PHỦ PHÁP:**

Ngày 29 tháng 9 năm 1926 (23 tháng 8 Bính Dần). Ngài Đầu Sư Lê Văn Trung vâng Thánh ý hiệp với chư đạo hữu hết thầy là 247 người tại nhà ông Nguyễn Văn Tường đứng tên vào tịch đạo để khai đạo với chính phủ Pháp.

Ngày 7-10-1926 tờ khai đạo được gửi lên quan Thống Đốc Nam Kỳ là ông Le Fol (còn toàn quyền Đông Pháp là Alexandre Varenne (1925-1928) nhằm triều Bảo Đại. Trong tờ ấy có 28 người ký tên là: bà Lâm Ngọc Thanh, ông Lê Văn Trung, ông Nguyễn Ngọc Tương, ông Nguyễn Ngọc Thơ, ông Nguyễn Văn Kinh, ông Lê Bá Trang, ông Đoàn Văn Bản, ông Lê Văn Giảng, ông Cao Quỳnh Cư, ông Phạm Công Tắc, ông Cao Hoài Sang, ông Nguyễn Trung Hậu, ông Trương Hữu Đức, ông Vương Quan Kỳ, ông Trần Đạo Quang, ông Lê Văn Lịch.....

**Nội dung tờ khai đạo ngày 7-10-1926:**

*Bẩm quan Thống Đốc,*

Những người ký tên dưới đây thành kính thưa cùng quan lớn rõ việc như sau:

Vốn từ trước, tại xứ Đông Pháp vẫn có Tam giáo lưu hành là: Nho Thích Đạo. Tổ tiên chúng tôi tôn sùng cả Tam giáo và thực hành theo Thánh huấn tốt đẹp của các vị giáo chủ truyền dạy, mới dựng an cư lạc nghiệp. Trong cố vãng ấy, thiên hạ thái bình đến nỗi đêm ngủ không đóng cửa, đi đường chẳng lượm của rơi, “gia vô bế hộ, lộ bất thập di”.

Rất tiếc thay! cái thời mỹ tục ấy chẳng còn thấy nữa bởi các cố sau này:

1. Tôn chỉ của các tôn giáo giống in như một là làm lành lánh dữ chỉ tâm sùng bái Đấng tạo hoá, mà các người hành đạo kiếm thế chia rẽ nhau.

2. Các người ấy lại canh cãi cho sai nát mỗi chơn truyền quý báu của Tam giáo.

3. Đều tranh nhau trong chốn phù ba, trong vùng vinh hoa phú quý. Cái lòng tham dục của nhân sanh cũng là một nguyên do độc nhưt phát sanh ra những sự bất đồng ý kiến ngày nay. Vậy nên, người Việt Nam hiện giờ mới bỏ mất cả thuần phong mỹ tục ngày xưa.

Thấy tình cảnh rất thương tâm, nên một nhóm người Việt Nam vì lòng muốn giữ căn bản, vì lòng mến Đạo, mới kiếm phương châm để dựng lại cái nền Tôn giáo độc nhưt kêu “CAO ĐÀI ĐẠI ĐẠO”.

Cái tên “Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ” chỉ nghĩa là “Đại ân xá kỳ ba” cũng của Đức Chí Tôn đến giúp các người đứng tên dưới đây lập nền Đạo mới này đặt ra. Đức Chí Tôn đến xưng danh là “Ngọc Hoàng Thượng Đế” tá danh

Cao Đài chúa tể chư quyền vạn loại.

Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế dùng đồng loan thủ cơ chấp bút để, truyền Thánh Huấn, hầu tom góp và truyền dạy các giáo lý của Tam giáo.

Giáo lý sẽ dạy chúng ta:

- 1) Luân lý cao thâm của Đức Khổng Thánh.
- 2) Những đức tánh của Thích giáo và Đạo giáo.

Các Thánh Đức ấy cốt dạy làm lành lánh dữ, rộng thương nhân loại, giữ lòng hoà hiệp và tránh các mối cạnh tranh cùng chinh chiến.

Chúng tôi xin gửi theo đây cho quan lớn nghiệm xét:

1- Một bản sao lục Thánh ngôn của Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế.

2- Một bản phiên dịch Thánh kinh.

Chủ ý của chúng tôi là muốn làm sao cho nhơn loại được cộng hưởng thái bình như thuở trước. Được vậy, nhơn sanh sẽ thấy đặng thời kỳ mới mẽ, cực kỳ hạnh phúc.

Chúng tôi thay mặt cho nhiều người An Nam đã nhìn nhận sở hành của chúng tôi và đã ký tên vào tờ Đạo Tịch ghim theo đây. Đến khai cho quan lớn biết rằng kể từ nay, chúng tôi đi phổ thông Đại Đạo khắp cả hoàn cầu.

Chúng tôi xin quan lớn công nhận Tờ khai đạo của chúng tôi.

<b>Đồng ký tên:</b>	
- Bà Lâm Ngọc Thanh	Nghiệp chủ Vững Liêm
- Ông Lê Văn Trung	Cựu thượng nghị viên, thợ Ngũ đẳng Bưu tinh (Chợ Lớn)

**PHẦN THỨ NHỨT: THỜI KHAI PHÁP (1920-1926)**

– Ông Lê Văn Lịch	Thầy tu làng Long An, Chợ Lớn
– Ông Trần Đạo Quang	Thầy tu làng Hạnh Thông Tây, Gia Định
– Ông Nguyễn Ngọc Tương	Tri phủ, chủ quận Cần Giuộc.
– Ông Nguyễn Ngọc Thơ	Nghiệp chủ, Sài Gòn.
– Ông Lê Bá Trang	Đốc phủ sứ, Chợ Lớn.
– Ông Vương Quan Kỳ	Tri phủ Sở thuế thân, Sài Gòn
– Ông Nguyễn Văn Kinh	Thầy tu Bình Lý thôn, Gia Định
– Ngô Tường Vân	Thông phán Sở Tạo Tác, Sài Gòn.
– Ông Nguyễn Văn Đạt	Nghiệp chủ, Sài Gòn
– Ông Ngô Văn Kim	Điền chủ, Đại hương cả, Cần Giuộc
– Ông Đoàn Văn Bản	Đốc học trường Cầu Kho
– Ông Lê Văn Giảng	Thơ ký hăng Ippolito, Sài Gòn
– Ông Huỳnh Văn Giới	Thông phán Sở Tạo Tác, Sài Gòn
– Ông Nguyễn Văn Tường	Thông ngôn Sở Tuần Cảnh, Sài Gòn
– Ông Cao Quỳnh Cư	Thơ ký Sở Hoả xa, Sài Gòn
– Ông Phạm Công Tác	Thơ ký Sở Thương Chánh Sài Gòn
– Ông Cao Hoài Sang	Thơ ký Sở Thương Chánh, Sài Gòn
– Ông Nguyễn Trung Hậu	Đốc học trường tư thực Đa Kao
– Ông Trương Hữu Đức	Thơ ký Sở Hoả Xa, Sài Gòn
– Ông Huỳnh Trung Tuất	Nghiệp chủ, Chợ Đũi Sài Gòn.
– Ông Nguyễn Văn Chức	Cai tổng, Chợ Lớn
– Ông Lại Văn Hành	Hương cả, Chợ Lớn
– Ông Nguyễn Văn Trò	Giáo viên, Sài Gòn.
– Ông Nguyễn Văn Hương	Giáo viên, Đa Kao.
– Ông Võ Văn Kinh	Giáo tập, Cần Giuộc.
– Ông Phạm Văn Tỷ	Giáo tập, Cần Giuộc.

*Thông đốc Nam Kỳ lúc ấy, không hề ký giấy phép nào cho Đạo Cao Đài hoạt động.* G.Meillon trong “Caodaisme” viết: «Ngày 7-10-1926 Thông đốc Nam Kỳ đã nhận được tuyên ngôn chính thức về việc thành lập Đạo Cao Đài. Ông đã khôn khéo tiếp nhận văn kiện, tuy nhiên không cam kết công nhận chính thức mới Đạo». Ông G.Meillon gọi đó là bản tuyên ngôn chính thức về sự thành lập Đạo Cao Đài (La déclaration officielle de la fondation du Caodaisme) chứ không có văn bản nào của nhà cầm quyền Pháp cho phép Đạo Cao Đài hoạt động như nhiều người lầm tưởng.

### 10. THẤY GIAO QUYỀN CHO ĐỨC LÝ THÁI BẠCH:

Đàn đêm 29-10-1926, Đức Chí Tôn giao cho Đức Lý làm Giáo Tông dìu dẫn và nghiêm trị những giáo đồ hành sai chơn truyền (\*1). Đức Lý Thái Bạch là Nhứt Trấn Oai nghiêm kiêm Giáo Tông Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, Đức Quan Âm Bồ Tát là Nhị Trấn còn Đức Quan Thánh Đế quân là Tam Trấn để trông nom dìu dắt chư môn đệ.

*«Từ đây Thầy đã giao quyền thường phạt về nơi tay Bản Đạo, vậy các đạo hữu khá hết lòng lo lắng, vun đắp nền đạo cho vững vàng, hiệp ý với Thiên cơ mà bước lên địa vị cao thượng; chớ sụt sè ôm thói mờ hồ, thì đã uổng công trình cực nhọc từ bấy lâu nay, lại thêm chẳng dặng theo Thánh ý của Thầy là bậc Chí Tôn đã hết sức nhọc nhằn cùng sanh chúng.*

*Mở một mối đạo chẳng phải là sự thường tình, mà sanh nhằm đời dặng gặp một mối đạo cũng chẳng phải dễ. Muốn lập thành tất phải có điều nghiêm chánh thường phạt. Có thường mới giục lòng kẻ có công, có phạt mới răn*

*đặng lòng tà vạy.*

... ..

*Đặng bậc Chí Tôn cầm quyền thế giải, dùi dất, rửa  
lỗi mà chẳng bươn chải cho kịp thì, để đưa nhau nghĩ tính  
về miếng dính chung; nếu Thầy chẳng Đại Từ Đại Bi thì  
công quả đã chảy theo dòng nước.*

*Từ đây Bản Đạo, phải để ý dùi dất bước đường cho  
các đạo hữu, phải gắng công thêm nữa cho hiệp với cơ Trời.*

*Ai hữu phúc thì địa vị đặng cao thêm, ai vô phần thì  
bị đọa Tam Pháp. Phước phần cũng khó lựa người, rủi rủi  
may may đừng trách nơi Bản Đạo.”*

(TNHT Q1/42)

---

(\*1) Sau khi Ngài Ngô Minh Chiêu không nhận Thiên phẩm Giáo Tông

## PHẦN THỨ HAI THỜI ĐẠO PHÁP (1926-1929)

### CHƯƠNG I ĐẶT NỀN TẢNG ĐẠI ĐẠO

#### 1. ĐỨC CHÍ TÔN ĐỊNH NGÀY KHAI ĐẠO 14-10-BÍNH DẦN:

Sau khi lập tờ khai Đạo với chính phủ Pháp ngày 7-10-1926 thì việc phổ độ các tỉnh bắt đầu từ tháng chín năm Bính Dần. Phân định vùng trách nhiệm như sau:

– **Nhóm 1:** Do quý ông Lê Văn Trung, Nguyễn Ngọc Thơ, Trần Đạo Quang lo việc phổ độ trong các tỉnh: Vĩnh Long, Trà Vinh, Cần Thơ (nay là Hậu Giang), Sóc Trăng, Bạc Liêu (nay là Ba Xuyên), Long Xuyên, Châu Đốc, Hà Tiên, Rạch Giá (nay là Kiên Giang).

Quý ông Cao Quỳnh Cư và Phạm Công Tắc phò loan.

– **Nhóm 2:** Do quý ông Lê Văn Lịch, Nguyễn Ngọc Tường, Yết Ma Luật (đã nhập môn) lo phổ độ trong mấy tỉnh: Chợ Lớn, Gò Công, Tân An (nay là Long An), Mỹ Tho (nay là Định Tường), Bến Tre (nay là Kiến Hoà).

Quý ông Nguyễn Trung Hậu và Trương Hữu Đức phò loan.

– **Nhóm 3:** Do quý ông Lê Bá Trang, Vương Quan Kỳ, Yết Ma Nhung lo phổ độ trong các tỉnh: Tây Ninh, Thủ Dầu Một (nay là Bình Dương), Gia Định, Biên Hoà, Bà Rịa (nay là Phước Tuy), Sađéc.

Quý ông Cao Quỳnh Diêu và ông Cao Hoài Sang

phò loan.

– Riêng ông Nguyễn Văn Tương (Chưởng Pháp khác với ông Nguyễn Ngọc Tương) và ông Nguyễn Văn Kinh (có viết nhiều sách Đạo) là rõ thông đạo lý hơn cả nên đi khắp nơi mà giảng đạo.

Việc phổ độ này để chuẩn bị cho ngày khai đạo, nên kết quả ngoài sức tưởng tượng. Chỉ trong một tháng mấy ngày mà đã có mấy vạn người nhập môn cầu đạo. Đến tháng 10 tháng 10 thì tạm ngưng việc phổ độ để lo sắp đặt lễ khánh thành Thánh thất Từ Lâm Tự ở Gò Kén (Tây Ninh).

Chùa Từ Lâm vốn của Hoà Thượng Như Nhãn ở chùa Giác Hải, Chợ gạo (nên còn gọi là Hoà Thượng Giác Hải), quyền tiền trong bốn đạo của ông ấy mà lập thành. Vào tháng 7 năm Bính Dần (tháng 8-1926) ông tình nguyện dâng chùa (để làm Thánh Thất). Lúc bấy giờ chùa chưa cất xong, nhưng Đông lang, Tây lang chưa có, trảng xi măng chưa rải, sơn phết chưa lo, chung quanh chùa còn nhiều cây bụi sẫm uất.

Ông Nguyễn Ngọc Thơ và bà Lâm Ngọc Thanh được lệnh chi tiền lo tất cả mọi việc cho hoàn tất để kịp kỳ khai đạo. Lại phải xây tượng Phật Thích Ca, cất Tịnh thất, đắp đường từ quốc lộ 22 vào chùa để xe hơi vào được, rồi nào đốn cây, trồng kiểng, v.v... Còn bà Nguyễn Thị Hiếu thì lo việc trừ phòng, đãi ăn uống cho khách thập phương.

Ông Lê Văn Trung thay mặt cho toàn bốn đạo mời đông đủ các chức sắc Hiệp Thiên, Cửu Trùng Đài, các quan khách chính quyền Pháp và Việt Nam đến dự lễ. Các đạo hữu hiện diện đến hàng muôn người. Hội Thánh



tiếp đãi rất đầy đủ ân cần mà không nhận tiền bạc của ai cả, ngoài vật phẩm cúng tế.

***Đêm 14 rạng ngày rằm tháng 10 năm Bính Dần (18-11-1926) là đêm Khai Đạo Cao Đài và làm lễ khánh thành Thánh Thất đầu tiên.*** Lễ xong rồi thì cầu cơ, đoạn tới lễ nhập môn, kéo dài đến 3 giờ sáng.

Trước đó ngày 23-9-Bính Dần (16-11-1926), Đức Chí Tôn chỉ dẫn tỉ mỉ cách hành lễ mới theo nền Tân Tôn giáo như sau:

*“Phải làm một nghi án trước điện, quay mặt vô 7 ngai, hình vuông đóng bốn mặt, trên như nóc chùa, kết hàng cho đẹp. Nơi ấy phải kín, bốn phía ra vô có màn, Thầy giảng cơ tại án ấy, nghe à.*

*Lễ Thánh Thất, chia ra làm lễ khách xuất đầu. Vậy thì, Thầy nói về lễ trước. Việc lễ Thầy giao chánh sự cho Trang; phó sự cho Nhung, phụ sự có Ý nghe à... Như Ý không chịu thì Lịch phải thế. Vậy thì chánh sự là Trang làm đầu. Thầy lại thêm ba vị nữa cho các con rộng lòng là: Mùi, Vân, Đạt.*

*Thầy lại hỏi thêm 12 đứa nữa, ai tình nguyện: Lê Văn Sanh, Dương Văn Hoài, Nguyễn Xuân Quang, Sơn, Hườn, Lê Thế Vinh, Trần Văn Bản, Nguyễn Văn Mùi.*

*Về việc khách: Khách thì Tương là Chánh sự, Luật là phó sự. Thầy muốn đem Hoài vô đặng không Lịch? Voi là phụ sự. Lại, Sơn, Thành là giúp Thầy. Hỏi 12 đứa tình nguyện? Giới, Bản, Tuất, Tiếp, Trò, Giảng, Học, Kỳ, Tương, Hơn, Kinh, Đơn.*

*Về đầu: Thơ, Như Nhân, Đạo Quang.*

*Về việc xuất: xuất thì Lịch, Xài, Hoá (Phủ Hoá, Cần*

Giuộc).

*Chuông Pháp, Đầu Sư: Thấy định ba ngôi Chuông Pháp, ba ngôi Đầu Sư đều có vị.*

*Phối Sư: Phối Sư thì là Trang, Tương, Thơ là Chánh, còn 33 vị nữa thì tùy theo ngày phong sau trước đứng nối theo đó.*

*Giáo Sư: Rồi tới 72 Giáo Sư, cũng tùy theo ngày thọ sắc mà phân trước sau.*

*Giáo Hữu: Kế nữa là 3.000 Giáo Hữu, cũng tùy theo Thiên phong mà đứng theo hàng ngũ phái Thượng, phái Thái, phái Ngọc vậy.*

*Phò loan: ..... tiếp nối theo sau ngay chính giữa nơi bàn Hộ pháp thì: Đức, Hậu, Trang, Nghĩa.*

*Bên mặt thì: Mạnh, Phước, Mai, Nguyên*

*Bên trái thì: Đãi, Kim, Tươi, Chương*

*Hộ Pháp: Còn lại để dựa bên bàn Hộ Pháp, hai cái ghế ngồi làm hai cây phướn để Thượng Phẩm, Thượng Sanh.*

*Thượng Phẩm: bên mặt Hộ Pháp là Thượng Phẩm*

*Thượng Sanh: bên trái Hộ Pháp là Thượng Sanh.*

*Đưa cây Thượng Phẩm cho Mùi, Cây Thượng Sanh cho Vĩnh cầm hầu hai bên.*

*Trấn cờ ngũ phương: Tại Đông phương, Tây phương, Nam phương, Bắc phương lựa 12 đứa đồng nhi cầm cờ, còn giữa thì giao cho Hậu, Nghĩa, Đức.*

*Lịch biểu à! Khi hành Đại lễ cho Thấy rồi thì Lẽ Sanh xưng «Thiên phong hoán tẩy». Cả thầy đều ra rửa mặt mày cho sạch. Chừng xưng «Chỉnh túc y quan» thì cả*

thầy phải thay Thiên phục.

Lễ Sanh xướng «Lập vị» đứng theo hàng ngũ cũ như trước. Hành lễ y như tại chùa Vĩnh Nguyên Tự nghe Lịch. Còn Nữ phái thì đều phải mặc đồ trắng trước khi hành lễ.

**Thiên phong Nữ phái:** Cư, Tắc phái vào nghi án phò lập Tịch Đạo, phò loan cho Thầy phong Nữ phái trước và lập Tịch Đạo luôn nữa nghe.

Trần Thần: Chừng mặc Thiên phục rồi thì Cư con chấp bút bằng nhang cho Thầy trấn thần mỗi người và nơi mình của chú Thiên phong rồi mới hành lễ.

Nhớ biểu Nam phái đứng chẳng hết ở giữa thì qua bên tả của Thầy, song phải phân hàng ngũ đẳng cấp chúng nó cho tử tế chứ không dặng lộn xộn.

Hành lễ: Còn bao nhiêu môn đệ đứng tiếp theo sau. Thầy dẫn hành lễ rồi, thì phải biểu Lễ Sanh xướng: «Thiên phong phò loan» dặng Thầy lập **“Phật Truyền Chánh Pháp”**, Cư, Tắc phái để Thiên phục vậy phò cơ nghe. Thầy sẽ giao nhạc cho Mỹ Ngọc và Lễ, Nhơn.”

Đêm sau Đức Chí Tôn lại giảng tiếp.

«Khi môn đệ mặc đồ thường vào, con cũng phải sắp đặt địa vị chúng nó.

Tụng kinh hành lễ thường vừa rồi, con biểu Cư, Tắc rửa mặt rửa tay, cho tinh khiết, biểu chúng nó vào nơi nghi án cho Thầy phong sắc chú môn đệ lục tinh. Xong kể lập Nữ phái. Con phải giúp em con là Đường thị, Lâm thị, Ca thị lập vị bên Nữ phái cho trang hoàng.

Chừng Thầy thăng, biểu hai đứa nhỏ ra đứng nơi bàn Hộ Pháp nơi cũ. Chừng Lễ Sanh xướng: «Chỉnh túc y quan»

thì biểu 12 đứa phò loan sắp ba hàng kể đó, biểu Đạt đi.

Kể đó là Tắc, Cự, Sang đi hai bên, nữa thì là ba vị Chuông Pháp (biểu Nhàn theo hộ Thọ. Kể nữa ba vị Đầu Sư (biểu Tạ theo Trung, còn Hoàng theo Thiện Minh); kể nữa ba vị Chánh Phối Sư; kể nữa chúc sắc đi ba đứa, ba đứa ra thay đồ Thiên phục. Khi đặnng nửa giờ phải đỡ chuông ba hiệp, chờ tới hiệp chót, biểu Lễ Sanh xướng: «Lập vị» thì lại đi như nẩy mà trở vào. Nhớ bảo hai đứa cầm phướn Thượng Phẩm, Thượng Sanh đi gần bên Cự, Sang.

Vào lập vị hành Đại lễ như: buổi Vĩnh Nguyên Tự, nghe Lịch à .... Là đã hết 1 đêm đầu rồi.

Kể đêm sau là đêm Thiên phong của chư môn đệ và là đêm các con phải thành tâm trai giới cho **Thấy lập Pháp Chánh Truyền**.

Đêm thứ ba, các con cũng lập vị cúng thường ngày, xong hai đứa nhỏ mặc Thiên phục vào Nghi án cho Thấy giảng, xong việc lễ.”

## 2. CUỘC THỬ THÁCH ĐẦU TIÊN TRONG NỀN ĐẠO:

Đêm hôm ấy, vì quá đông người nên cuộc lễ bớt phần trang nghiêm. Khi cầu cơ, Đức Chí Tôn chỉ để ít lời quở trách rồi thăng. Thừa dịp, tà quái nhập vào một nam và một nữ, bốn đạo mà gây rối. Lê Thế Vĩnh xưng là Tê Thiên Đại Thánh và Vương Thanh Chi là Quan Âm Bồ Tát. Lúc đầu bốn đạo tưởng thật, nhưng sau cử chỉ lung lảng, người người đều biết là tà quái xuất hiện. Thấy việc lộng hành như vậy, ông Monnet quan ba (đại úy) người Pháp - Hội viên Thần linh học khuyên giải trong bốn đạo như sau:

«Công việc các ông làm đây là rất phải. Các ông

chẳng nên vì một cuộc biến thường tình như vậy mà ngã lòng thối chí. Tôi cho là thường tình, vì bên Pháp trong mấy đàn thỉnh tiên cũng thường xảy ra những điều rối rắm như vậy. Tôi có một lời khuyên các ông là từ đây trở đi, hễ có cầu cơ thì chớ họp nhau đông đảo, vì cần phải thanh tịnh. Mà hễ đông người, thì một là mất bề thanh tịnh, hai là tư tưởng bất đồng không tương ứng nhau được thì không linh nghiệm.» (\*1)

Việc biến loạn đó khiến cho những kẻ nhẹ dạ ít tâm thành ngã lòng. Còn hàng chức sắc thì cho đó là một thử thách để trau dồi thêm lòng tin tưởng. Và cũng là một tiếng vang để khách bàng quang chú ý theo dõi tà giáo hay chánh giáo. Vô hình trung, cơ phổ độ xoay đổi được thể cờ chuyển hư thành nên, chỉ 3 tháng sau khi mở đạo tại Từ Lâm Tự mà số người nhập môn lên đến hàng ức, đủ thành phần, chánh kiến và quốc tịch: Pháp, Cao Miên (nay là Campuchia), Hoa kiều....

Ba hôm sau Thầy giảng cơ dạy về việc này như vậy: *“Các con, Thầy nghĩ lại việc hôm nọ tại Thánh Thất biến ra một trường Tà Quái mà Thầy bắt đau lòng đó các con.*

*Các con thiết nghĩ ra lẽ nào?*

*Đó là bước Đạo, đó là Thiên cơ, các con hiểu sao được, nhưng Thầy buồn vì nơi có nhiều đứa sàm biện về việc ấy. Thầy cũng muốn phạt chúng nó một cách nặng nề, nhưng Thầy nghĩ lại mà thương đó chút. Môn đệ của Thầy nhiều đứa muốn bỏ đạo y, ném dép cỏ, lột khăn tu mà mong hồi tục thế. Bởi bước Đạo gặp ghình khó tới nên mới ra cơ đổi. Bởi còn vương bụi trần, ham mỗi phú quý, mê chữ vinh sang mà ngán đạo. Các con hiểu: Thầy buồn, nhưng ấy là máy Trời đã định chạy sao cho khỏi? Thầy biết bao lần vì các con*

*mà chịu nhọc nhằn.”*

(TNHT Q1/47)

---

(\*1) NGUYỄN TRUNG HẬU, Đại Đạo Căn Nguyên, Sài Gòn 1930

### 3. THẤY KHAI ĐẠO TỊCH NỮ PHÁI, NAM PHÁI:

Ngày đêm khai đạo, Đức Chí Tôn lập thành **Tịch đạo Nữ Phái**:

*“Nữ phái nghe Thầy khai Tịch Đạo:*

*Hương tâm nhứt phiến cận Càn Khôn,*

*Huệ đức tu chơn độ dẫn hồn.*

*Nhứt niệm Quan Âm thùý bảo mạng,*

*Thiên niên đặng phái thủ sanh tồn.*

*Lâm thị: phong vi Giáo Sư, lấy Thiên ân Hương Thanh. Ca thị: phong vi Phó Giáo Sư, lấy Thiên ân Hương Ca. ....*

*Còn cả chư ái nữ, Thầy sẽ lập đại hội cho đủ mấy vị rồi sẽ phong sắc một lần.”*

(TNHT Q2/11)

Nhưng mãi đến mừng 1 tháng giêng Đinh Mão (1-2-1927) Đức Lý mới ban sắc phục và lập thành Nữ phái, sau Nam phái.

*“Nữ phái phải tòng Đầu Sư Nữ phái, song tòng quyền của Giáo Tông và Chương Pháp. Đầu Sư Nữ phái cũng phải chịu công cử theo luật Hội Thánh ban hành, theo luật lệ Hội Thánh ban xử đường Đời và đường Đạo. Đầu Sư Nữ phái mặc một Đạo phục y như Đạo phục Đầu Sư Nam phái, phải đội một Ni Kim Cô như các Vãi chùa, toàn hàng*

trắng chín dải, áo có thêu bông sen. Cái Kim Cô có choàng từ đầu tới gót, đội mào Phương Thiên, trên chót Phương Thiên ngang đầu tóc, có Thiên Nhân Thấy bao quanh một vòng Minh Khí, đi giày vô ưu màu trắng, trên chót để chữ Hương, nghe à!

Phối Sư cũng mặc in như vậy, song không có mào Phương Thiên, áo ba dải, nhưng trước ngực có Thiên Nhân Thấy, bao quanh một vòng Minh Khí, nghe à!

Giáo Sư mặc áo ba dải, đội Kim Cô bằng hàng trắng không đi giày.

Giáo Hữu mặc Đạo phục như Giáo Sư, đầu không đội mào, mà giắt một bông sen, trên bông sen có Thiên Nhân Thấy.

Lễ Sanh Nữ phái mặc như Giáo Hữu, nhưng choàng ngang trên đầu một đoạn vải mỏng, cột ra sau ót, thả một mí dài một mí vắn; ngay đầu tóc có giắt một bông sen.

Thấy vì thấy nhiều người vắng mặt nên phải đợi đủ mới phong chức. Lâm Hương Thanh, hiền muội phải viết thơ mời đủ mặt ngày rằm nầy. Thấy đến phong chức, lập thành Nữ phái, nghe à!”

(TNHT Q1/72)

Đêm Thiên phong nữ phái là ngày 14 tháng giêng năm Đinh Mão (15-2-1927), thiên ân 2 vị Phối Sư, 8 vị Giáo Sư, 28 vị Giáo Hữu, 56 vị Lễ Sanh. Trong đó bà Lâm Hương Thanh và bà Lê Thị Ngân thăng lên Phối Sư. Còn quý bà Giáo Sư tân phong có tên tuổi sau:

Bà Bùi Thị Giàu (tức bà Phủ Tương), bà Trịnh Thị Huệ (thân mẫu Đức Cao Thượng Phẩm), bà Nguyễn Thị Hiếu (bạn đời ông Cao Quỳnh Cư), bà Huỳnh Thị Hồ

(ái nữ bà Lâm Hương Thanh), v.v...

Và dưới đây là **Tịch Đạo của Nam phái** (ban tại Vĩnh Nguyên Tự ngày 9-8-1926).

*THANH Đạo tam khai thất ức niên,  
Thọ như địa huyển thanh hòa Thiên.  
Vô hư qui phục nhưn sanh khí,  
Tạo vạn cổ đàn chiếu Phật duyên.*

(TNHT Q1/26)

Đạo dưới thời Lý Giáo Tông thì Nam lấy chữ THANH, Nữ lấy chữ HƯƠNG làm tịch. Đến đời Giáo Tông khác thì Nam sẽ lấy chữ ĐẠO, Nữ lấy chữ TÂM. Khi nào hết Tịch Đạo thì Đấng Chí Tôn sẽ giáng cơ cho Tịch Đạo khác. Lớn nhỏ, trước sau nhờ chữ Tịch Đạo này mà phân biệt.

Đấng Chí Tôn lại giải: “Có kẻ hỏi: Thí dụ như đời Giáo Tông thì Tịch Đạo của chư Đạo hữu Nam Nữ đời trước, dù chức sắc hay tín đồ cũng vậy, có buộc phải thay đổi Tịch Đạo hay không? Ta nói: không, vì chính mình Giáo Tông kế vị cũng phải giữ Tịch Đạo trước. Kỳ dư những tín đồ của đời Ngài độ rồi, tức là chi tộc của Ngài mới đặng thay đổi mà thôi.

Còn những chức sắc cùng là tín đồ của Giáo Tông đời trước còn sót lại thì thuộc về chi tộc của Giáo Tông ấy không đặng phép thay đổi Tịch Đạo.

Tỷ như có Tân Giáo Tông sẽ lên kế vị cho Lý Giáo Tông thì cả tín đồ nam nữ mới nhập môn đều phải lấy Tịch Đạo Tâm. Dù trong hàng tín đồ ấy sẽ có một chơn linh xứng đáng địa vị Chánh Phối Sư, mà Thầy giáng cơ phong chức đi nữa thì cũng phải chịu Tịch Đạo Tâm



như các tín đồ khác. Còn chức sắc và tín đồ trong đời Lý Giáo Tông còn lại thì giữ Tịch Đạo Thanh Hương không đặt thay đổi.»

Về Tịch Đạo hay Thánh danh trong Đạo Cao Đài có ba cách xếp đặt như sau:

### 1)- Về Cửu Trùng Đài:

*a) Nam phái:* Thì phải đặt trước (Thái, Thượng, Ngọc) tên giữa (thể danh) đến Tịch Đạo (Thanh). Thí dụ: Giáo Sư Vương Quan Kỳ thì viết Giáo Sư Thượng Kỳ Thanh. Có trường hợp biệt lệ như ba vị Đầu Sư đầu tiên thì là Thượng Trung Nhựt, Ngọc Lịch Nguyệt, Thái Minh Tinh (tức Thiện Minh Nguyễn Văn Minh).

Riêng ông Nguyễn Phát Trước tự Tư Mất thì thọ phong Lễ Sanh Mất Mục Thanh

*b) Nữ phái:* thì để nguyên tên họ nhưng chữ lót phải thay bằng chữ Hương. Thí dụ: Nữ Đầu Sư Lâm Ngọc Thanh thì viết Nữ Đầu Sư Lâm Hương Thanh. Hương là Tịch Đạo chớ không phải chữ lót.

### 2)- Hiệp Thiên Đài:

Thì để nguyên tên họ và chữ lót của cha mẹ đã đặt, chỉ thêm chức phận ở trước.

Thí dụ: Bảo Đạo Ca Minh Chương, Truyền Trạng Phan Văn Phước.

Bên Phước Thiện thì cũng giống như bên Hiệp Thiên Đài (vì vốn là Chi Đạo của HTĐ). Thí dụ: Chơn Nhơn Lê Văn Tr. Chơn Nhơn là Thiên phẩm, Lê Văn Tr. là tên. Nam phái và Nữ phái bên Phước Thiện đều đặt giống nhau.

#### 4. THÀNH LẬP PHÁP CHÁNH TRUYỀN VÀ HỘI THÁNH CỬU TRÙNG ĐÀI:

Đến ngày 16-10 năm Bính Dần (20-11-1926), Đức Chí Tôn giảng cơ, cũng tại Từ Lâm Tự kêu ngài Đầu Sư Lê Văn Trung dạy về lập Pháp Chánh Truyền và ngôi vị Hội Thánh Cửu Trùng Đài.

*«GIÁO TÔNG nghĩa là Anh Cả các con, có quyền thay mặt Thầy mà diu dắt các con trong đường Đạo và đường Đời. Nó có quyền về phần xác chứ không có quyền về phần hồn. Nó đặng phép thông công cùng Tam thập lục Thiên và Thất thập nhị Địa giải đặng cấu rối cho các con, nghe à! Chư môn đệ tuân mạng!*

– *CHUỖNG PHÁP của ba phái là Đạo, Nho, Thích. Pháp luật Tam giáo tuy phân biệt nhau, song trước mặt Thầy vốn coi như một. Chúng nó có quyền xem xét luật lệ trước buổi thi hành, hoặc là nơi Giáo Tông truyền xuống, hay là nơi Đầu Sư dâng lên. Như hai đảng chẳng thuận thì chúng nó phải dâng lên cho Hộ Pháp đến Hiệp Thiên Đài cầu Thầy giảng xuống mà sửa lại, hay là tùy ý mà lập luật lại. Vậy chúng nó có quyền xem xét kinh điển trước khi phổ thông. Như chẳng có «kinh luật» chi làm hại phong hóa thì chúng nó phải trừ bỏ, chẳng cho xuất bản. Buộc cả tín đồ phải vừa sức mà hành sự trước mặt luật đời. Thầy khuyên các con răn xúm nhau và giúp chúng nó. Mỗi Chương Pháp có ấn riêng. Ba ấn phải có đủ trên mỗi luật, mới đặng thi hành. Chư môn đệ tuân mạng!*

– *ĐẦU SƯ có quyền cai trị phần Đạo và phần Đời của chư môn đệ. Nó đặng quyền lập luật, song phải dâng lên cho Giáo Tông phê chuẩn. Luật lệ ấy phải xem xét một*

*cách nghiêm ngặt, coi phải có ích cho nhơn sanh chẳng. Giáo Tông buộc phải giao cho Chuồng Pháp xét nét trước khi phê chuẩn.*

*Chúng nó phải tuân mạng lệnh Giáo Tông, làm y như luật lệ Giáo Tông truyền dạy. Như thăng luật lệ nào nghịch với sự sanh hoạt của nhơn sanh, thì chúng nó dâng phép nài xin hủy bỏ.*

*Thầy khuyên các con phải thương yêu và giúp đỡ lấy nó. Thấy lại dặn các con, như có điều chi cần yếu thì khá nài xin nơi nó.*

*Ba Chi tuy khác, chớ quyền luật như nhau. Như luật lệ nào Giáo Tông đã truyền dạy mà cả ba đều ký tên không tuân mạng, thì luật lệ ấy phải trả lại cho Giáo Tông, Giáo Tông truyền lệnh cho Chuồng Pháp xét nét lại. Chúng nó có ba cái ấn riêng nhau. Mỗi tờ giấy chi chi phải có ấn mới thi hành, nghe à! Chư môn đệ tuân mạng!*

*– PHỐI SƯ mỗi phái là 12 người, cộng là 36 người; trong 36 vị ấy có 3 vị Chánh Phối Sư. Ba vị ấy dâng thế quyền cho Đầu Sư mà hành sự, song chẳng quyền cầu phá luật lệ, nghe à!... Chư môn đệ tuân mạng!*

*– GIÁO SƯ có 72 người, trong mỗi phái là 24 người. Giáo Sư là người để dạy dỗ chư môn đệ trong đường Đạo với đường Đời. Buộc chúng nó lo lắng cho các con như anh ruột lo cho em. Chúng nó cầm sổ bộ của cả tín đồ. Chúng nó phải chăm nom về sự tang, hôn của mỗi đứa.*

*Như tại Châu Thành lớn, thì mỗi đứa dâng quyền cai quản cúng tế Thầy như thế Đầu Sư và Phối Sư. Chúng nó dâng quyền dâng sớ cầu nài về luật lệ làm hại nhơn sanh, hay là cầu xin chế giảm luật lệ ấy. Chúng nó phải thân cận*

với mỗi môn đệ như anh em một nhà cần lo giúp đỡ, nghe à!... Chư môn đệ tuân mạng!

– GIÁO HỮU là người để phổ thông Chơn Đạo của Thầy. Chúng nó dâng quyền xin chế giảm luật lệ Đạo. Ba ngàn Giáo Hữu chia ra đều, mỗi phái là 1000; chẳng nên tăng thêm hay là giảm bớt. Chúng nó dâng phép hành lễ khi làm chủ các chùa trong mấy tỉnh nhỏ.

– LỄ SANH là người có hạnh, lựa chọn trong chư môn đệ mà hành lễ. Chúng nó dâng quyền đi khai đàn cho mỗi tín đồ. Thầy dạy các con hiểu rõ rằng Lễ Sanh là người Thầy yêu mến, chẳng nên hiệp đáp chúng nó. Như vào dâng hàng Lễ Sanh mới mong bước qua hàng chức sắc. Kỳ dư Thầy phong thưởng riêng mời đi khỏi ngã ấy mà thôi... nghe à! Chư môn đệ tuân mạng!

Đầu Sư muốn lên Chương Pháp thì nhờ 3 vị công cử nhau.

Phối Sư muốn lên Đầu Sư thì nhờ 36 vị kia công cử.

Giáo Sư muốn lên Phối Sư thì nhờ 72 vị kia xúm nhau công cử.

Giáo Hữu muốn lên Giáo Sư thì nhờ 3000 vị kia xúm nhau công cử.

Lễ Sanh muốn lên Giáo Hữu thì nhờ cả Lễ Sanh xúm nhau công cử.

Môn đệ muốn lên Lễ Sanh thì nhờ cả môn đệ xúm nhau công cử.

Kỳ dư Thầy giảng cơ phong cho người nào thì mới ra khỏi luật lệ ấy mà thôi.

Còn Giáo Tông thì hai phẩm Chương Pháp và Đầu

*Sứ tranh đặng, song phải chịu cho toàn môn đệ công cử mới đặng, kỳ dư Thầy giảng cơ ban thường mới ra khỏi luật lệ ấy mà thôi.»*

(TNHT Q1/45)

Còn về việc tăng lên phẩm vị thì phải có Bộ Pháp Chánh minh tra đủ lẽ, đưa qua Hội nghị Nhân Sanh tuyển chọn, dâng lên Thượng Hội rồi mới trình lên Cung Đạo để Đức Chí Tôn phán xét, sau khi theo luật dưới đây:

*“Đầu Sư muốn lên Chương Pháp thì phải nhờ ba vị công cử sau.*

*Phối Sư muốn lên Đầu Sư thì nhờ 36 vị kia công cử.*

*Giáo Sư muốn lên Phối Sư thì nhờ 72 vị kia công cử.*

*Giáo Hữu muốn lên Giáo Sư thì nhờ 3.000 vị kia công cử.*

*Lễ Sanh muốn lên Giáo Hữu thì nhờ cả Lễ Sanh xúm nhau công cử.*

*Môn đệ muốn lên Lễ Sanh thì nhờ cả Môn đệ (tức Hội Nhơn Sanh) công cử.*

*Kỳ dư Thầy giảng cơ phong cho người nào thì mới ra khỏi luật lệ ấy mà thôi.*

*Còn Giáo Tông thì hai phẩm Chương Pháp và Đầu Sư tranh đặng, song phải chịu cho toàn môn đệ công cử mới đặng. Kỳ dư Thầy giảng cơ ban thường mới ra khỏi luật lệ ấy.”*

**Pháp Chánh Truyền** thì gồm có việc tổ chức Hội Thánh Cửu Trùng Đài Nam Nữ và Hội Thánh Hiệp Thiên Đài. Vì những điều khoản quá súc tích nên mỗi người hiểu theo mỗi cách. Do đó, ngày mồng 3 tháng 10 năm Canh Ngọ (1930) Đức Lý Giáo Tông mới dạy Đức

Phạm Hộ Pháp chú giải, (Đạo Nghị Định thứ sáu).

Nền Chánh trị Đạo hạ tầng, theo Pháp Chánh Truyền buổi ban đầu định đến phẩm Lễ Sanh mà thôi. Về sau, nền Đạo mỗi ngày một phổ thông, người theo Đạo mỗi ngày một nhiều; Đức Lý Giáo Tông đặt thêm Bàn Trị Sự gồm có Chánh Trị Sự, Phó Trị Sự và Thông Sự.

### 5. BAN HÀNH TÂN LUẬT:

Pháp Chánh Truyền và Tân Luật coi như Hiến Pháp của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Tất cả chi chi phải noi theo đó mà thi hành không được chậm chước. Vào ngày 6-12-1926 (2-11 năm Bính Dần), Đức Chí Tôn ra lệnh hội chức sắc thành lập Tân luật.

“Khởi đầu lập luật tu gọi là TỊNH THẮT LUẬT. Kế nữa lập luật trị gọi là ĐẠO PHÁP LUẬT, thứ ba lập luật đời gọi là THỂ LUẬT.”

Trong **Phần Đạo Pháp** gồm có 8 chương: 1) về việc chức sắc cai trị trong họ Đạo; 2) về người giữ Đạo; 3) về việc lập họ; 4) về ngũ giới cấm; 5) về tứ đại điều qui; 6) về giáo huấn; 7) về hình phạt; 8) về việc ban hành luật pháp.

**Phần Thế luật** là đời của Đạo tức đã nhập môn rồi, gồm có 24 điều, đại để về việc quan hôn tang tế và giữ Đạo.

**Phần Tịnh thất** luật tức là luật nhà tịnh dành cho các tín đồ vào mà tu luyện gồm có 8 điều, nên chức sắc muốn nhập tịnh cũng phải gởi phẩm tước lại bên ngoài nhà tịnh.

## 6. THÀNH LẬP HỘI THÁNH HIỆP THIÊN ĐÀI:

Để tiếp cho trọn bộ Pháp Chánh Truyền, vào ngày 13-2 năm 1927 (12-1 Đinh Mão). Đức Chí Tôn giáng cơ dạy về ngôi vị Hội Thánh Hiệp Thiên Đài.

*«Hiệp Thiên Đài là nơi Thầy ngự cầm quyền thiêng liêng mỗi Đạo. Hễ Đạo còn thì Hiệp Thiên Đài vẫn còn.*

*Thầy đã nói Ngũ Chi Đại Đạo bị qui phạm là vì khi trước Thầy giao chánh giáo cho tay phạm, càng ngày càng xa Thánh giáo mà lập ra phạm giáo, nên Thầy nhứt định đến chính mình Thầy dạy dỗ các con mà thôi, chớ không chịu giao chánh giáo cho tay phạm nữa.*

*Lại nữa Hiệp Thiên Đài là nơi của Giáo Tông đến thông công cùng Tam thập lục Thiên, Tam thiên Thế Giới, Lục thập bát Địa Cầu, Thập điện Diêm Cung mà cầu siêu cho cả nhân loại. Thầy đã nói sở dụng thiêng liêng; Thầy cũng nên nói sở dụng phạm trần của nó nữa.*

*Hiệp Thiên Đài dưới quyền Hộ Pháp chương quân, tả có Thượng Sanh, hữu có Thượng Phẩm. Thầy lại chọn Thập nhị Thời Quân chia làm ba:*

1. Phần của Hộ Pháp, chương quyền về Pháp thì:

Hậu là Bảo Pháp, (1)

Đức là Hiến Pháp,

Nghĩa là Khai Pháp,

Tràng là Tiếp Pháp,

*Lo bảo hộ Luật Đồi và Luật Đạo; chẳng ai qua luật mà Hiệp Thiên Đài chẳng biết.*

2. Thượng Phẩm thì quyền về phần Đạo, dưới quyền:

*Chương là Bảo Đạo,*

*Tươi là Hiến Đạo,*

*Đãi là Khai Đạo,*

*Trọng là Tiếp Đạo, (2)*

*Lo về phần Đạo nơi Tịnh Thất, mấy Thánh Thất, đều xem sóc chu môn đệ Thầy, binh vực chẳng cho ai phạm Luật đến khổ khắc cho đặng.*

*3. Thượng Sanh thì lo về phần Đời:*

*Bảo Thế thì Phước,*

*Hiến Thế: Mạnh,*

*Khai Thế: Thâu,*

*Tiếp Thế: Vĩnh.*

*Thầy khuyên các con lấy tánh vô tư mà hành đạo. ....»*

*(TNHT Q1/77)*

---

(\*1) Còn Tiếp Đạo Cao Đức Trọng thâu sau ở Kiềm Biên.

## **DƯỚI ĐÂY SƠ LƯỢC TIỂU SỬ CỦA THẬP NHỊ THỜI QUÂN**

**1- Bảo Pháp Nguyễn Trung Hậu** (1892-1961) sinh ngày 5-3-Nhâm Thìn tại xã Bình Hoà, tỉnh Gia Định. Năm 1933, Ngài giữ quyền Chương Pháp Cửu Trùng Đài. Sau đó vì bệnh trở về nhà (1934). Năm 1957 Ngài làm Giám đốc Hạnh Đường và tái lập Đạo Đức Văn Đàn, rồi qui vị tại Gia Định (1961).

**2- Hiến Pháp Trương Hữu Đức** (1890-1976) sinh ngày 2-2-Canh Dần tại làng Hiệp Hoà (Chợ Lớn). Năm 1956 Ngài và Ngài Bảo Thế ký thoả ước Bính Thân với chính quyền, cam kết Đạo không làm chính trị nữa. Năm



1962, Ngài Chuông Quản Bộ Pháp Chánh và Trưởng Ban kiểm duyệt Kinh Sách Đạo, Ban Đạo Sử rồi Chuông quản Hiệp Thiên Đài (1971).

**3-Khai Pháp Trần Duy Nghĩa** (1889-1954) người tỉnh Gò Công. Năm 1930, Ngài nhận lãnh trách vụ Quyền Ngọc Chánh Phối Sư. Năm 1937, Ngài nhận chức Chuông Quản Phước Thiện. Từ 1941-1945 Ngài bị lưu đày cùng Đức Phạm Hộ Pháp sang Madagascar. Năm 1946, Ngài làm Chuông Quản Bộ Pháp Chánh. Đến năm 1953 Ngài vào Trí Giác Cung thiền định vì Ngài và Ngài Trương Tiếp Pháp là cặp cơ truyền bí pháp.

**4-Tiếp Pháp Trương Văn Tràng** (1892-1965) sanh ngày 25-10-năm Quý Tỵ tại Bình Thạnh (Biên Hoà). Năm 1949, Ngài trọn phước đời hành đạo. Năm 1953, Ngài nhận chức Chuông Quản Bộ Pháp Chánh. Ngoài việc lo hành chánh đạo, Ngài còn sáng tác nhiều sách Đạo có giá trị, nhứt là quyển Giáo Lý Đại Đạo.

**5-Bảo Đạo Ca Minh Chương** (1850-1927) sanh năm Canh Tuất ở làng Mỹ Lộc tỉnh Gò Công. Ngài chán ngán cảnh quan trường, xin nghỉ về dạy học, kịp khi Đức Chí Tôn khai đạo (1926) Ngài phước đời hành đạo sớm nhứt. Nhưng tuổi già sức yếu, Ngài chỉ hành đạo được hai năm thì đăng tiên vào ngày 19-10-Đinh Mão (1927). Vì sớm qui tiên nên năm 1948 Ngài giảng cơ nhượng quyền Bảo Đạo hữu hình cho vị Hiền Tài Hồ Tấn Khoa (\*1)

**6-Hiến Đạo Phạm Văn Tươi** (1897-1976) được bổ nhiệm Chuông Pháp (1933) hiện giữ chức Thống Quản Phước Thiện tại Toà Thánh.

**7-Khai Đạo Phạm Tấn Đãi** (1901-1976) hành đạo

thường xuyên tại Toà Thánh từ lúc đầu đã giữ chức vụ sau: Thái Chánh Phối Sư (1933), Ngọc Chánh Phối Sư (1954), Thống Quân Phước Thiện (1960), Giám đốc cơ quan Phát thanh và Phổ Thông giáo lý, Chương quản Bộ Pháp Chánh (1971).

**8-Tiếp Đạo Cao Đức Trọng** (1897-1958) là bào huynh ông Cao Hoài Sang, thọ phong thiên phẩm tại Kiềm Biên (Campuchia, 1927), lúc đó Ngài giúp việc Sở Chương Khế tại Nam Vang.

Năm 1938, Ngài lãnh nhiệm Chủ trưởng Hội Thánh Ngoại Giáo. Năm 1942, Ngài phải sang Thái Lan tỵ nạn, đến năm 1944 trở về Nam Việt Nam. Năm 1954 Ngài nhận nhiệm vụ truyền giáo ngoại giáo rồi qui vị ngày 23-5-Mậu Tuất (1958).

**9-Bảo Thế Lê Thiện Phước** (1895-1975) sanh ngày 4-6-1895 tại Sài Gòn, huyện danh dự năm 1944. Ông đến hầu đàn, bài thi của Đức Chí Tôn cho tại tư thất ông Nguyễn Ngọc Thơ:

*Cang nhu tình thế lắm đua tranh  
Danh lợi là bia kẻ giết giành  
Mượn thú điền viên vui tuế nguyệt  
Phồn hoa âu cũng bỏ cho đành.*

Ngài lãnh chức thừa quyền Hộ Pháp (1946), Tổng thư ký Chánh trị Đạo (1951), Thống lãnh văn phòng Hộ Pháp (1952), Đại diện Hội Thánh ký thoả ước Bình Thân (1956), Quyền Đầu Sư (1959), Quyền Chương quản Hiệp Thiên Đài (1964), Thống quản Nữ Phái Cửu Trùng Đài (1965), Thống quản Cơ quan Phước Thiện (1966), Chương quản Ban Thế Đạo (1965).

**10- Hiến Thế Nguyễn Văn Mạnh** (1894-1970) Ít về Toà Thánh, qui vị ở Sài Gòn 1970.

**11- Khai Thế Thái Văn Thâu** (1899-1981) được cầm quyền Thái Chánh Phối Sư (1933). Ít về Toà Thánh.

**12-Tiếp Thế Lê Thế Vĩnh** (1903-1945) sanh năm 1903 tại Sài Gòn, là bào đệ của ông Lê Thiện Phước. Ngài là một nhà báo, sau khi ngộ đạo về Toà Thánh hành chánh, 1935 Trưởng phái đoàn đi các tỉnh giao thiệp với chánh phủ, đi địa phương mở Thánh Thất và đi Hà Nội mở Đạo. Trong năm 1945 toàn quốc tao loạn, Ngài bị đối phương bắt đưa đi mất tích trên đường Sài Gòn - Đà Lạt.

---

(\*1) xem thêm «Đại Đạo Danh Nhân» cùng người viết.

## 7. CẮT TOÀ THÁNH TẠM:

Lấy lý do về việc tà quái xảy ra hôm ngày khai đạo (15-10-Bính Dần) thêm vào một số đồ đệ Hoà Thượng Như Nhân xúi giục đòi chùa lại, nên Hội Thánh hẹn trong 3 tháng (tức đến 15-1-Đinh Mão) sẽ trả chùa. Nhưng mãi đến ngày 20 tháng 2 năm đó (23-3-1927) mới thỉnh chư Phật, dời Thánh Tượng về đất mới thuộc làng Long Thành.

Sở dĩ, chậm trễ như vậy vì không tìm được đất, nên Đức Lý giảng dạy:

Đức Lý dạy: “*Mai này chư Hiền Hữu lên đường trên gọi là đường dây thép (là đường từ Mít Một chạy tới của Hòa Viện bây giờ) nhắm địa thế dài theo cho tới ngã ba Ao Hồ, coi Hiền Hữu có thấy dựng chãng cho biết. ...”.*

(ĐSHH Q1/Khổ tâm Hành Đạo của Đức Cao Thượng Phẩm)

Hôm sau, nhờ xe của ông Nguyễn Ngọc Thơ và bà

Lâm Hương Thanh, Hội Thánh Hiệp Thiên Đài và Cửu Trùng Đài, trong đó có Đức Phạm Hộ Pháp, Đức Cao Thượng Phẩm, Ngài Đầu Sư Lê Văn Trung, hai vị Phối Sư Thượng Tướng Thanh và Ngọc Trang Thanh, lên đường đến cửa số 2. Bấy giờ, nơi đây còn rừng rậm, nhiều thú dữ, nhưng vì Thánh ý nên hỏi mua đất của ông kiếm làm người Pháp tên Aspar.

Đêm hôm ấy, quý ông cầu Đức Lý về dạy việc: «*Lão khen Thái Thợ Thanh, phải đó đa tưởng chư Hiền Hữu không thấy nữa. Lão cắt nghĩa vì sao cuộc đất ấy là Thánh Địa. Sâu hơn ba trăm thước như con sông, giữa trung tim đất giáp lại trùng giữa sáu nguồn làm như 6 con Rồng doanh nhau. Nguồn nước ấy trùng ngay đỉnh núi gọi là Lục Long Phò Ấn. Ngay miếng đất đó dặng ba đầu; một đầu ra Giếng Mạch Ao Hồ; hai đầu nữa bên cụm rừng bên kia. Người Lang Sa chỉ đòi có hai mươi lăm ngàn đồng*».

(ĐSHH Q2/NGÀY 24-02-1927 - ÂL. 23-01-ĐINH MÃO)

Về khuôn viên Toà Thánh tạm thì Đức Lý dạy:

*“Thánh Thất tạm phải cắt ngay miếng đất trống, còn Hiệp Thiên Đài tạm phải cắt trước Thánh Thất tạm. Đạo hữu phải khai phá đám rừng trước miếng đất ấy, như vậy ngay trung tim rừng, cách miếng đất trống chừng ba thước rưỡi, đóng một cây cọc đo Hiệp Thiên Đài như vậy: Ngoài Bàu Cà Na, đo chừng 50 thước đóng một cây cọc, ấy là khuôn viên Tòa Thánh. Lão lại dặn, từ cây cọc bên phía miếng đất phải đo vô Bàu Cà Na 27 thước Langsa, nghe à! Từ vuông 27 thước mỗi góc của Đài Bát Quái, nghĩa là hình nhà tròn có 8 nóc, cao từ đất lên thêm 9 thước Langsa, làm 9 nóc rộng bao nhiêu tùy, trên diện Bát Quái bề cao 9 thước, hình nóc tròn mô lên, chỉ có 8 nóc, cho phân minh;*

*trên đầu Đài phải để cây đèn xanh. Kế nữa là Chánh Điện, bề dài 81 thước, bề ngang 27 thước, Lã phải vẽ mới dựng. Hai bên Hiệp Thiên Đài, bên mặt thì có Lôi Âm Cổ Đài, bên tả có thì Bạch Ngọc Chung Đài, Lã phải vẽ mới dựng.  
(TNHT Q1/29)”*

Sau đó Đức Lý lại giảng dạy lại: “*Họa đồ của Lã, Chí Tôn chê và trách rằng: Hao phí vô nên nặng lắm. Chí Tôn sửa lại mỗi cấp ba tấc Tây mà thôi. Dưới đất 5 tấc, chín cấp ba tấc là 2m70, cộng là 3m20. Còn 10 mét thì chỉ đầu trong nền Bát Quái Đài. Trên đầu song chỉ nóc 13 thước mới khỏi mưa nước đọng mà phải mục. Nóc của Đại Điện và Hiệp Thiên Đài cũng y như mục vậy. Phải làm plafond hai đài chuông, trống cao hơn nóc Hiệp Thiên Đài 6 thước”  
(ĐSHH Q2)*

Khi phá rừng để cất Toà Thánh thì người Thổ, người Tà Mun đến công quả hàng ngàn. Ông Chánh tham biện người Pháp lo ngại nên mời Đức Cao Thượng Phẩm ra Toà Bó (Toà Hành Chánh) hỏi cơ sự. Đức Ngài phải trả lời: phá đất trồng cao su. Do đó mà trong Nội ô hiện nay còn lại một ít cây cao su. Bởi vậy, trong Thánh Thất chỉ có một mình ông Lễ Sanh Thượng Xường Thanh hành Lễ Đức Chí Tôn mà thôi. Còn Đức Cao Thượng Phẩm, chức sắc và thợ mộc, phu làm chùa không được vào cúng bái.

Sau đó, Đức Cao Thượng Phẩm mới thỉnh cốt Phật Tổ tầm đạo từ Gò Kén về Đại Đồng Xã. Rồi mới cất Hậu điện, Đông Lang, Tây Lang, Trù phòng, v.v...

### 8. NGỪNG CƠ PHỔ ĐỘ:

Đàn đêm mồng 1 tháng 6 năm 1927 Đức Chí Tôn giảng cơ báo trước việc ngưng cơ bút:

*«T... từ nền Đạo khai sáng dựng gieo truyền mỗi chánh giáo đến nay, thì phần nhiều môn đệ đã dễ trọn tắc thành mà dều dặt sanh linh và đắp vun mỗi Đạo Trời, ấy là những đứa Thầy đã tin cậy, dựng gia công dọn lấy chông gai để mở trống nẻo thiêng liêng, dẫn lần dân sanh thoát khỏi sông mê bến khổ, ...*

*... .. Còn tới cuối kỳ tháng sáu này thì Thầy phải ngưng hết cơ bút truyền Đạo, các con sẽ lấy hết chí thành đã un đúc bấy lâu mà lần hồi lập cho hoàn toàn mỗi Đạo.*

*Này là lời đình ninh sau rất khá lưu tâm, ai vậy tà này có phần riêng, cứ giữ nẻo thẳng, đường ngay bước đến thang thiêng liêng chờ ngày hội hiệp cùng Thầy, ấy là điều quý báu đó, Thầy cho con tự định thân sở mà cho nhập môn như các chỗ khác.”*

(TNHT Q2/36)

Ngưng cơ phổ độ là không còn được cầu nhiều nơi và tự do như trước. Đó là điều hay nhưng bất tiện cho những người muốn hiểu rõ huyền diệu của thiêng liêng nên sanh nhiều trắc trở.

Ngày mồng 1 tháng 10 năm Đinh Mão (1927). Thầy mới giảng cơ như vậy: “Các con, kỳ ngưng cơ phổ độ đến nay chưa được bao lâu, mà nền Đạo xảy ra lắm điều trắc trở. Thầy đã un đúc chí Thánh cho mỗi đứa, Thánh ý đã giao trọn quyền cho các con chung lo hiệp trí nhau mà dều dặt, phổ thông mỗi Đạo cho đến tận cùng bước đường. Thiên cơ dĩ định cho nền Đạo sáng lập dựng cội vớt sanh linh. Ngày

*này, tháng này mà nền Đạo chưa trọn thành, thì năm nào và tháng nào?*

*(TNHT Q2/39)*”.

### 9. THỐNG HIỆP NGŨ CHI ĐẠI ĐẠO:

Ngũ chi Đại Đạo theo Thánh giáo ngày 5-9-1926 (29-7-Bính Dần) thì gồm có:

**1- Minh Lý** tại chùa Tam Tông Miếu (đường Cao Thắng Sài gòn) lúc bấy giờ do ông Âu Kích quản trị. Chi này đã dâng nhiều Kinh cúng tứ thời cho nền Đại Đạo và nhất là Kinh Sám Hối.

**2- Minh Sư** tại chùa Linh Quang Tự, An Nhơn, Gia Định do ông Trần Đạo Quang quản trị. Ông cũng là một chức sắc của Đạo Cao Đài: Thượng Chưởng Pháp.

**3- Minh Tân** tại chùa này nằm trên Bến Vân Đồn Vĩnh Hội (Sài gòn) do ông Lê Minh Khá quản trị hiệp nhứt chặt chẽ với nền Tân Tôn giáo. Sau ông cựu Quốc trưởng Phan Khắc Sửu đặt cơ sở Cao Đài thống nhất tại đây.

**4- Minh Thiện** tại chùa Minh Thiện, Thủ Dầu Một (Bình Dương) do hai ông Đạt và Mùi quản trị, sau cả hai thọ phong Giáo Sư.

**5- Minh Đường** tại Cần Giuộc, Chợ Lớn do ông Lê Văn Lịch quản trị. Ông Lịch đặc thiên phong Đầu Sư Ngọc Lịch Nguyệt cùng lượt với Đầu Sư Thượng Trung Nhựt.

Vào tháng 7-1927 Thầy giảng cơ tại Minh Lý (Tam Tông Miếu) dạy rằng: *“Thầy có hội chư Tiên Phật lại mà thương nghị về sự lập Đạo tại Đại Nam Việt Quốc. Các con khá nghe lời Thầy dạy, chớ khá nghịch lẫn nhau; phải*

*đồng một lòng một dạ mà lo chấn hưng đạo đức. Tuy bây giờ phân chia nhiều nhánh, nhiều chi, chớ ngày sau cũng có một mà thôi. Các con cháu bên nào cũng thương nhau như con một nhà, chớ khá ganh gổ chê bai nhau.*

(TNHT QI/88)”

Ngũ chi còn có nghĩa là Nhân đạo, Thần đạo, Thánh đạo, Tiên đạo và Phật đạo.

Đàn đêm 24-4-1926, Đấng Chí Tôn đã dạy: «*Vốn từ trước Thấy đã lập ra ngũ chi Đại Đạo là: Nhơn Đạo, Thần Đạo, Thánh Đạo, Tiên Đạo. Tuỳ theo phong hoá của nhân loại mà gầy chánh giáo*».

1- Nhơn Đạo: là Đạo làm người ở trong gia đình và ngoài xã hội, trong cách xử kỷ, tiếp vật của mỗi cá nhân. Những người liệt vào Nhân đạo là Socrate, Platon, Mạnh Tử, v.v... Hiền nhân vì thương người mà đoạt cơ từng khổ.

2- Thần Đạo: là Đạo làm công dân, làm tôi trong nước, trong nhiệm vụ bảo vệ non sông tổ quốc, trong thời loạn cũng như trong thời bình. Được liệt vào Thần Đạo là Trung hoa phong thần, Hy Lạp phong thần, Ai cập phong thần, v.v... Thần vì thương đời mà lập cơ thẳng khổ.

3- Thánh Đạo: là Đạo của nhà cầm quyền cai trị dân, của bậc giáo lãnh truyền bá Đạo, lúc nào cũng phải chí công vô tư, đúng với câu: dân chi phụ mẫu. Được liệt vào hàng Thánh Đạo là Jésus Christ, Mahomet, v.v... Thánh vì thương Đời mà dạy cơ thọ khổ.

4- Tiên Đạo: là Đạo xuất thế bằng cách tu tâm luyện tánh hay bản thân để được siêu sanh. Được liệt vào hàng Tiên Đạo là Lão Tử, Dương Châu, v.v... Tiên vì thương đời mà bày cơ thoát khổ.



5-Phật Đạo: là Đạo diệt khổ để thoát vòng luân hồi, nhờ được minh tâm, kiến tánh. Được liệt vào hàng Phật Đạo là Thích Ca Mâu Ni, Bà La Môn, v.v... Phật vì thương đời mà tìm cơ giải khổ.

Ba nền Đạo trên là: Nhơn Đạo, Thần Đạo, Thánh Đạo thuộc về Đạo nhập thế. Hai nền Đạo dưới là Tiên Đạo, Phật Đạo thuộc về Đạo xuất thế.

Theo bài thuyết Đạo ngày 14-2-Mậu Thìn (4-4-1928) của Đức Phạm Hộ Pháp về việc cửu vị (phẩm tước Cửu Trùng Đài) phù hợp Cửu Thiên như sau:

**1) Thần vị:**

Người không Đạo mà mộ Đạo, lại giữ dạng trọn Đạo, hữu căn, hữu kiếp có thể đắc vị với Địa thần. Kể tít đồ biết Đạo mà giữ Đạo đối với Nhơn Thần. Còn Lễ Sanh đối với Thiên thần.

**2) Thánh vị:**

Giáo Hữu đối với Địa Thánh

Giáo Sư đối với Nhơn Thánh

Phối Sư đối với Thiên Thánh

**3) Tiên vị:**

Đầu Sư đối với Địa Tiên

Chưởng Pháp đối với Nhơn Tiên

Giáo tông đối với Thiên Tiên

Trong quyển Giác mê kinh có bài thi về Ngũ chi Đại Đạo như sau:

*Thánh, Hiền, Tiên, Phật hy hữu chi nhơn  
Tam kỳ phổ độ hy hữu chi sự*

*Phi hy hữu chi nhơn  
Yên năng hành hy hữu chi sự.*

### 10. THẤY PHONG THÁNH LẦN CHÓT:

Từ khi khai đạo đến nay đã gần tròn năm các cơ chế Đạo đã nên hình, các hàng chức sắc khá đông. Buổi đầu tiên ân huệ sắp chấm dứt. Mọi tông đồ đến sau phải lập công bồi đức, noi theo Tân luật và Pháp Chánh Truyền mà tiến thân trong trường Đạo gồm 5 lớp Nhơn, Thần, Thánh, Tiên, Phật.

Đức Chí Tôn, ngày 17 tháng 9 năm 1927 dạy như sau: «*Các con! phân nhiều chư môn đệ ham muốn phong tịch, nhưng chưa hiểu Thiên Phong là gì? Thấy để lời cho các con biết rằng: Nhiều Thánh, Tiên, Phật xuống phàm, nếu căn quả tiên khiến không mấy trọng hệ; nghĩa là kiếp trần duyên không chi phải nợ bợn nhiều, thì dầu không Thiên Phong, hễ gắng tâm thiện niệm, thì địa vị cũng đạt hồi đặng.*

*Thiên Phong là để cho bậc Thánh, Tiên, Phật lia trần phải lấm dầy công cùng sanh chúng mới trông mong hồi cứu phẩm đặng. Các con nên nhớ, Thầy lấy từ bi phong tịch, nhưng các Chức Sắc, nếu vì áo mão hơn đạo đức thì tội chất bằng hai.*

.... *Thầy vì lòng từ bi thương môn đệ, phong tịch lần này là chốt vì Tân Luật đã hoàn toàn, nếu chẳng do theo đó thì Lý Bạch hằng kêu nài, Quan Thánh và Quan Âm cũng hiệp sức mà dâng sớ kêu về sự ấy. Vậy sau này có ai đáng thì do Tân Luật mà công cử, còn về phong tịch, thì có Lý Giáo Tông tiến cử. Thầy mới nhậm phong nghe.»*

(TNHT Q2/38)

### 11. MỘT VÌ THỜI QUÂN LIỄU ĐẠO ĐẦU TIÊN:

Trong hàng chức sắc Hiệp Thiên Đài, Ngài Bảo Đạo Ca Minh Chương không những có công trong buổi khai đạo mà còn là người có niên kỷ cao nhất. Ngài về châu Đức Chí Tôn vào ngày 19-10-Đinh Mão (12-11-1927) Đức Chí Tôn giảng dạy về việc này như sau:

*“Tù thử có một mình Bảo Đạo là niên cao kỷ trưởng hơn các con hết, mà buộc Thầy phải đem về thì tưởng các con đủ biết mình là côi cút về đường đời, không ai đủ trí thức hoàn toàn mà bình việc các con nữa, ... ..”*

*... .. . Thầy khuyên các con lấy Chương làm giấy thân ái mà buộc nhau, mới đặng hòa nhã nơi Hiệp Thiên Đài. Thầy cho phép các con làm lễ táng cho nó long trọng hầu nêu gương cho hậu tấn.*

*... .. . Đủ 3 năm phải thiêu hài cốt, lên tượng dựng đem nó vào Bát Quái Đài nghe. Nơi mộ nó phải để quan tài khỏi mặt đất một tấc mà đắp xây tháp y như lời Thầy đã dặn. Trên mặt tháp để chữ vàng: “Bảo Đạo Chơn Quân” nhớ à!”*

(ĐHH Q2/..) (\*1)

Trong Đạo Cao Đài, chức sắc Cửu Trùng Đài thì hàng Đầu Sư trở lên và Hiệp Thiên Đài từ Thập Nhị Thời Quân trở lên, khi chết táng trong liên đài, thế ngôi và xây tháp hình bát giác.

---

(\*1) Xem tiểu sử trong «Đại Đạo Danh Nhân» cùng soạn giả.

### 12. ĐIỂM BÁO TRƯỚC PHÂN CHIA CHI PHÁI:

Vào ngày 18 - 07-1928 Chơn Cực Lão Sư giảng đàn:

*“Đấng Chí Tôn vì thương dân tình nơi đây đã khổ tâm nên gieo Đạo, đem chiếc thuyền cật bến để dều dắt vào chỗ bình địa dựng tự tại thung dung, mà vì chưa hiểu thấu căn nguyên, khổ bao giờ trông thoát?”*

*Đạo sắp tàn, nỡ Đạo phân chia, chư đạo hữu phải lo níu kéo lại một mớ, người nào hay người nấy, rồi đây mỗi chỗ mỗi dựng riêng ra, chư đạo hữu mới tùy thế đó mà tom góp lại...”*

(TNHT Q2/54)

Theo Thánh ý phân chia ra để dễ truyền bá mỗi đạo trời rồi ngày kia sẽ qui nhất lại. Nhưng tai phàm mắt thịt ham quyền chức tranh dành để Đấng Chí Tôn phải giáng đàn ngày 5-8-1928 (19-6-Mậu Thìn) dạy:

*«Đạo thế chẳng kịp thì chầy sẽ thành ra một mối hàng mà mỗi người trong Đạo, sau khi giành giựt, cấu xé nhau, thì sẽ phân chia tan tành manh mún để trò cười về sau đó.*

*... .. Người hành đạo chẳng đủ quyền chế cải, kẻ tự cao muốn chiếm vị cầu danh, nghịch tư cách đối đãi với thế tình, gây ác cảm mà tạo thù oán. Hai con phải biết chỗ yếu nhược của Đạo nơi đó mà kiếm phương, tìm chước, lấy cộng hòa, hiệp nhơn ý mà điều đình sửa cải cho chóng, làm sao cho mỗi đạo hữu các con đều ngó về Tòa Thánh mà xưng tụng ân huệ của mỗi con có trách nhiệm xứng đáng; và làm sao cho dứt mối hiểm thù riêng của mỗi đứa, hiệp đồng trí thức mà làm cho người ngoài dòm vào, nhìn nhận mỗi Đạo quý hóa và thấy đều sùng bái cử chỉ cao thượng của các con. Chừng ấy các con dầu không mạnh cũng ra mạnh, không đông cũng nên đông, mà việc phổ độ nhơn sanh chẳng còn điều chi trắc trở.”*

(TNHT Q2/56)

## CHƯƠNG II NHỮNG GIÁO ĐIỀU CĂN BẢN

### 1. VIỆC THỜ THƯỢNG ĐẾ:

Từ khai đạo đến đây việc thờ phượng và tế tự được chuyên nhất. Đại Đạo như các tôn giáo trên hoàn cầu, đều có lễ nghi, qui điều, giới luật riêng biệt. Một đảng soi sáng đức tin, đảng khác đôn đốc kèm giữ hạnh người tu hành.

Trước hết, chính giữa Bát Quái Đài, có một quả Càn Khôn (\*1). Trên có hình vẽ đủ 3.072 ngôi sao và hoa Thiên nhân và cung Bắc đẩu để thờ. Trong quả Càn Khôn đốt một ngọn đèn luôn luôn sáng, tên là Thái cực đặng để tượng trưng Đấng Thượng Đế ngự trên Thái cực, hằng vĩnh cửu.

Dưới có Tam Giáo: Đức Thích Ca ở giữa, trái có Đức Khổng Tử, phải có Đức Lão Tử. Kế có Tam Trấn Oai nghiêm: Đức Lý Thái Bạch ở giữa, trái có Đức Quan Thánh, phải có Quan Âm Bồ Tát. Ngoài ra còn có Thánh Tượng Đức Jésus Christ (Đại diện Thánh giáo) và Đức Khương Thái Công (Đại diện Thần giáo).

Việc cúng tế chỉ dùng nhang, trầm, nến và hoa quả.

Đàn tại Sài gòn đêm 18-9-Bính Dần (24-10-1926), Đức Chí Tôn giải thích về cách thờ phượng như sau:

*«Vi Tân Luật chưa ra nên Thầy phải giải:*

*Đã có Thánh Tượng Thầy, thì là cốt Ngọc Hoàng con để lại chẳng nghĩa chi hết. Thầy nói cho các con rõ: Vì có nào trước từ Nhứt Tổ chí Lục Tổ thì thờ Thầy ngồi trước, vì trước là lớn phải vậy.*

*Khai Thiên Địa vốn Thấy, sanh Tiên, Phật cũng Thấy; Thấy đã nói một Chơn Thần mà biến Càn Khôn Thế Giới và cả nhơn loại. Thấy là chư Phật, chư Phật là Thấy.*

*Các con là chư Phật, chư Phật là các con.*

*Có Thấy mới có các con, có các con rồi mới có chư Thần, Thánh, Tiên, Phật.*

*Thấy khai Bát Quái mà tác thành Càn Khôn Thế Giới, nên mới gọi là Pháp; Pháp có mới sanh ra Càn Khôn Vạn Vật rồi mới có người, nên gọi là Tăng.*

*Thấy là Phật chủ cả Pháp và Tăng, lập thành các đạo mà phục hồi các con hiệp một cùng Thấy.*

*Thấy lập Phật giáo vừa khi khai Thiên, lập Địa, nên Phật giáo là trước, kế Tiên giáo, rồi mới tới Nho giáo. Nay là hạ nguơn hầu mãn, phải phục lại như buổi đầu, nên phải phản tiên vi hậu.*

*Ti như Tam Giáo qui nhứt thì: Nho là trước, Lão là giữa, Thích là chót.*

*Nên Thấy phải ngồi sau chư Phật, Tiên, Thánh, Thần, mà đưa chúng nó lại vô vi chi khí, chính là Niết Bàn đó vậy.”*

*(TNHT Q1/38)*

---

(\*1) Kinh Dịch chương X viết: «Dịch khởi thủy từ càn khôn». Vậy đạo Cao Đài và Kinh Dịch có cùng chung một gốc.

## 2. LỄ PHỤC VÀ SỞ VẤN:

Chuông trống đánh mỗi chập 12 dùi, phải 12 chập làm 1 hồi, phải 3 hồi cộng là 36 chập gọi là Ngọc Hoàng sấm. Đây là di tích của Thích giáo, còn lễ sĩ đi chữ “tâm”

là di tích của Nho giáo.

**a) Lễ phục:** trừ Giáo Tông, Thượng Chương Pháp và Thập Nhị Thời Quân mặc Thiên phục toàn trắng. Các chức sắc Hiệp Thiên Đài cũng mặc toàn trắng. Chư chức sắc Cửu Trùng Đài và Phước Thiện mặc Thiên phục ba màu. Sắc phục Cửu Trùng Đài chia làm:

– Màu vàng (ý) thuộc về Thích giáo tức phái Thái.

– Màu xanh (tình) thuộc về Tiên giáo tức phái Thượng.

– Màu đỏ (trí) thuộc về Nho giáo tức phái Ngọc.

Các tín đồ chỉ có bộ đồng phục duy nhất: áo dài trắng, quần trắng tượng trưng sự trong sạch và sự tổng hợp của các màu sắc.

**b) Số văn:** thì có nêu danh các Đấng Thiêng Liêng sau đây:

– Đức Huỳnh Kim Khuyết nội Huyền khung Cao Thượng Đế Ngọc Hoàng Đại Thiên Tôn.

– Đức Diêu Trì Kim Mẫu Vô Cực Từ Tôn.

– Tam tông Giáo chủ là: Đức Thích Ca Mâu Ni, Đức Thái Thượng Đạo Tổ, Khổng Thánh Tiên sư.

– Tam Trấn Oai Nghiêm là: Đức Quan Âm, Đức Lý Thái Bạch, Đức Quan Thánh Đế Quân.

– Kế là: Đức Gia Tô Giáo chủ, Đức khương Thái Công, Tam châu bát bộ Hộ Pháp Di Đà Thiên Tôn, Thập phương chư Phật, Vạn chướng chư Tiên, liên đài chi hạ.

### 3. CÚNG TỬ THỜI:

- **Thời Tý** từ 23 giờ đến 1 giờ khuya.
- **Thời Ngọ** từ 11 giờ đến 13 giờ trưa.
- **Thời Dậu** từ 17 giờ đến 19 giờ chiều.
- **Thời Mẹo** từ 5 giờ đến 7 giờ sáng.

Trước Thiên bàn đặt giữa Thánh thất hoặc giữa nhà, người công phu quì tụng những bài kinh sắp theo thứ tự sau đây:

a) *Niệm Hương* chú: tức dâng hương, gồm có 5 cây nhang tượng trưng cho ngũ hành, cũng có ý chỉ 5 thời kỳ tiến hoá của người tu: giới hương, định hương, huệ hương, tri kiến hương, giải thoát hương. Bài này do Đức Thái Thượng Đạo Tổ giảng cơ cho.

b) *Khai Kinh* chú do Đức Lữ Đại Tiên giảng cho.

c) *Bài xưng tụng Ngọc Hoàng kinh* do Đức Lữ Tổ giảng tả ra.

d) *Bài Thích giáo*.

e) *Bài Tiên giáo*.

f) *Bài Nho giáo*.

g) *Ba bài dâng tam bửu* tức hoa, rượu, trà.

- Hoa tượng trưng cho Tinh (Le sperme cosmique).

- Rượu tượng trưng cho Khí (Le souffle vital).

- Trà tượng trưng cho Thần (Le principe intelligent).

Khi cúng Đại Đàn hoặc Tiểu Đàn mới dâng đủ ba lễ. Thường ngày thì thời tý, ngọ hiến rượu; còn thời mẹo, dậu thì dâng trà.



*h) Ngũ nguyên* là 5 điều nguyện cho: 1) Đại Đạo hoàng khai, 2) Phổ độ chúng sanh, 3) Xá tội đê tử, 4) Thiên hạ thái bình, 5) Thánh thất an ninh.

Các bài kinh trên được Đức Chí Tôn dạy ba vị Lê Văn Trung, Cao Quỳnh Cư, Phạm Công Tắc vào đầu tháng 2 năm 1926 đến nhà ông Ngô Văn Chiêu ở đường Bonard (nay là Lê Lợi, Sài Gòn) quan sát cách thờ Thiên Nhân và quý vị được trao cho ba bài Dâng Tam Bửu và hai bài Trời còn và Mừng thay để cầu cơ.

Bài Dâng Tam Bửu hiện nay là do Ngài Bảo Văn Pháp Quán Cao Quỳnh Diêu chấp bút viết ra.

#### 4. LỄ PHẬT MẪU:

Khi nhập đàn cúng Phật Mẫu thì cũng chấp tay ấn tỳ, xá 3 xá, quì xuống, để tay lên trán niệm mà không lấy đầu 3 ngôi mà chỉ xá xuống 3 xá rồi đọc kinh.

1) *Niệm Hương*

2) *Khai Kinh*

3) *Kinh Phật Mẫu*

4) *Tán Tụng Công Đức Điều Trì Kim Mẫu* (Bài này ngày sóc vọng khỏi đọc).

5) *Dâng Tam Bửu*

6) *Ngũ Nguyên*

7) *10 bài thái* (1 Phật Mẫu và 9 Cửu Vị Nữ Phật), chỉ thái vào Lễ Hội Yến Diêu Trì Cung ngày 15-8-Âm Lịch mỗi năm.

Chỉ có nơi Đền (hoặc Điện) thờ Phật Mẫu mới hành lễ như trên, còn tại tư gia thì thiết lễ cúng Đức Chí Tôn.

Về do lai bài «Kinh Phật Mẫu» được Đức Hộ Pháp thuyết giảng trên Cờu Long đài vào ngày 15 tháng 8 năm Đinh Hợi như sau:

*“Ngày nay là ngày Đại Lễ Đức Điều Trì Kim Mẫu Bản Đạo tưởng cả thầy toàn Đạo nên biết quyền hành của Phật Mẫu như thế nào? Và tại sao chúng ta thờ Người?”*

*Muốn biết quyền hành ấy Bản Đạo phải thuyết minh và giải nghĩa bài Kinh Đức Phật Mẫu mà chúng ta thường tụng niệm hằng ngày đó. Trước khi giải nghĩa, Bản Đạo cũng nên nói rõ ai đến cho bài Kinh ấy? Cho hỏi nào? Và tại nơi đâu?”*

*Kinh Đức Phật Mẫu cho tại Kim Biên Tông Đạo (Cao Miên Quốc) nơi Báo Ân Đường của hai vợ chồng Thừa Sứ Huỳnh hữu Lợi. Lúc trước chưa có Kinh Phật Mẫu, chúng ta chỉ biết Phật Mẫu, đến Hiệp Thiên Đài khai Đạo Cao Đài, nhờ thi phú văn tự của Cửu Vị Tiên Nương cho biết nguyên do đến khai Đạo, chớ chúng ta chưa biết quyền hành của Người. Nơi Kim Biên cả Chức Sắc Hội Thánh Ngoại Giáo đều cầu kinh, khiến khi đó Bản Đạo đến nhằm lúc cúng Vía Phật Mẫu. Bát Nương đến cầm cơ viết, chính mình Bản Đạo phò loan nơi Đại Điện, có nhiều người làm chứng. Có chú Đạo Hữu và một người không biết Đạo là gì là ông Hiếu (kêu Bản Đạo bằng chú) ngồi trước sân chơi, thấy tứ phía đều có hào quang giáng hạ xẹt xuống rất ngay Báo Ân Đường. Tôi chừng trọn bài Kinh rồi, cả thầy đều nói lại không biết cái gì xẹt khi nãy như sao xẹt qua xẹt lại vậy, không dè trong nhà đương phò loan. Có cháu của Bản Đạo và nhiều Đạo Hữu ở ngoài đều làm chứng quả quyết như vậy....”*

(TĐHP Q1/31)”

Bài kinh do Bát Nương hỏi Đức Hộ Pháp muốn xin kinh chữ Nho hay chữ nôm thì Đức Hộ Pháp xin kinh chữ Nho nhưng Bát Nương muốn cho nơn sanh dễ hiểu nên dùng những từ thông thường mới nghe như là chữ nôm. Bát Nương viết mỗi về 4 câu thì ngưng cơ dâng lên Phật Mẫu chấm, về nào bị bắt thì viết lại.

### 5. KINH TẬN ĐỘ:

Riêng kinh tận độ thì Đức Quyền Giáo Tông và Đức Phạm Hộ Pháp gần 10 năm đã lắm lần dâng sớ xin các Đấng ban kinh tận độ. Mãi đến ngày 23 tháng 7 tới mồng 4 tháng 8 năm Ất Hợi (21 đến 31 tháng 8 năm 1935) các Đấng mới giáng cho Tàn Kinh. Đó là một giọt nước cam lồ của Đấng Chí Tôn chan rưới hồng ân đặng gội nhuần cho các đấng linh hồn của toàn thể vũ trụ.

Những bài kinh đó và các lễ nghi thực hành như sau

### 6. LẬP ĐÀN CẦU BỊNH:

Hành lễ trong ba đêm. Vào đầu thời thiết lễ cúng Đức Chí Tôn có thượng sớ và dâng Tam Bửu. Rồi tụng kinh “Di Lạc” và 3 lần “Cứu Khổ”.

Đến đêm thứ hai cũng thiết lễ như trước, nhưng không dâng sớ mà chỉ dâng trà. Đêm thứ ba thêm việc diu bệnh nhân đến lạy cầu nguyện. Vị chứng đàn thỉnh hai ly nước đã cúng cầu nguyện Đức Chí Tôn, kê hai miệng ly đổ thống nhất xuống ly, rồi bảo người bệnh niệm câu chú Thấy, đoạn uống.

## 7. CẦU HỒN KHI HẤP HỐI:

Sau khi cúng Thầy xong, vị chứng đàn vào lạy cầu nguyện rằng: “*Chúng con là Bàn Trị Sự đương quyền hành sở tại được lời thỉnh cầu của vị Nguyễn Văn X đến đây cầu hồn cho vị Nguyễn Văn Y đã hấp hối. Mong nhờ Đức Chí Tôn và Đức Phật Mẫu, các Đấng Thiêng Liêng ban ân cho người được nhẹ nhàng linh hồn*”.

Đoạn đến gần người hấp hối kêu tên nói rằng:

«*Tôi vâng lệnh Đức Chí-Tôn đến tụng kinh cho linh-hồn Đạo-Hữu ... .. nhẹ nhàng siêu-thăng Tịnh-độ, vậy Đạo-Hữu phải tịnh Thần mà nghe và phải cầu nguyện nơi Đức Chí-Tôn ban ơn lành cho*».

(KTĐ&TĐ/CẦU HỒN KHI HẤP-HỐI VÀ  
CẦU HỒN KHI ĐÃ CHẾT RỒI)

“*Chúng con là Bàn Trị Sự đương quyền Hành Chánh sở tại được lời thỉnh cầu của vị ..... đến đây cầu hồn cho vị Đạo Hữu ..... đã hấp hối, mong nhờ Đức Chí Tôn và Đức Phật Mẫu, các Đấng Thiêng Liêng ban ân cho người được nhẹ nhàng linh hồn*”.

(TÀI LIỆU HUẤN LUYỆN BÀN TRỊ SỰ 1970)

“*Tôi vâng lệnh Đức CHÍ TÔN đến tụng Kinh cho vong hồn Đạo Hữu nhẹ nhàng siêu thăng tịnh độ, vậy Đạo Hữu phải tịnh tâm mà nghe và phải cầu nguyện với Đức CHÍ TÔN ban ân lành cho*”.

(TÀI LIỆU HUẤN LUYỆN BÀN TRỊ SỰ 1970)

## 8. CẦU NGƯỜI ĐÃ CHẾT:

a) **Khi tẩm liệm:** phải thiết lễ đầy đủ cúng Thầy rồi tụng “*Kinh Tẩn Liệm*”. Người chứng đàn phải lớn phẩm

trật hơn người đã chết.

**b) Lễ phát tang:** sau khi thành phục, người chứng đàn chỉ cầu nguyện.

**c) Lễ cáo tử tổ:** có lễ nhạc. Từ Lễ Sanh trở xuống lễ sĩ mặc áo xanh; từ Giáo Hữu trở lên, lễ sĩ mặc áo đỏ.

Lễ Sanh hoặc Giáo Thiện một cây lọng và phướn Thượng Sanh; Giáo Hữu hoặc Chí Thiện trở lên hai cây lọng và phướn Thượng Phẩm.

**d) Lễ an táng:** Đánh lễ Đức Chí Tôn trước khi Cáo Tử Tổ cúng vọng, cầu siêu, khiễn điện, di linh cữu ra thuyền bát nhã, đi đến Điện thờ Phật Mẫu thỉnh linh vị vào bái lễ Đức Phật Mẫu; đến Đền Thánh hay Thánh Thất cũng thỉnh linh vị vào bái lễ Đức Chí Tôn và các Đấng. Khi di linh cữu đi đường đọc bài “Kinh Đưa Linh Cữu” và lúc hạ huyệt đọc bài “Kinh Hạ Huyệt” rồi đọc “Vãng Sanh Thần Chú”.

**e) Hành lễ tuần cửu:** chỉ làm tại Thánh Thất hoặc Đền Thánh mà thôi. Ngoại trừ những trường hợp đặc biệt mới được làm tại tư gia.

Cứ 9 ngày làm lễ 1 lần, mỗi lần tụng 1 bài cửu riêng. Đây là việc cầu siêu đặc biệt của Cao Đài giáo.

Mỗi tuần cửu phải tụng «Di Lạc Chơn Kinh».

**f) Kinh Tiểu tường và Đại tường:** Tính đủ 200 ngày từ ngày làm tuần cửu thì làm lễ Tiểu tường.

Thiết Tiểu đàn, dâng Tam Bửu và thượng sớ, rồi thỉnh linh vị đến trước điện tiền tụng «Kinh Tiểu Tường».

Đếm đủ 300 ngày, kể từ ngày làm Tiểu tường thì

làm lễ Đại tường; nghi lễ như Tiểu tường nhưng thay bằng “Kinh Đại Tường”. Cả hai lần đều phải tụng “Di Lạc Chơn Kinh”.

### 9. CẦU HỒN VÀ CẦU SIÊU CHO NGƯỜI NGOÀI:

Những người chưa nhập môn cầu Đạo, chẳng luận giai cấp, đến khi lâm chung biết tường đến Đức Cao Đài Ngọc Đế, đến nhờ Đạo cầu cho siêu thoát, vẫn được thi ân tận độ.

Việc hành lễ như sau:

– Về cầu siêu: Nếu gần Thánh Thất thì cầu nơi đây; nếu xa Thánh Thất thì thiết lễ cầu siêu nơi nhà chức sắc hoặc chức việc gần đó.

– Nếu người trong thân chịu nhập môn thì đến tư gia Thượng tượng rồi thiết lễ tang sự. Làm nơi nhà tang chủ chỉ tụng bài “Kinh Cầu Siêu” và tụng “Kinh Di Lạc”.

### 10. THUYỀN BÁT NHÃ:

Linh cữu được chở trên một linh xa hình rồng, trên đó có nóc bát quái và màn che tùy theo tín đồ hay chức sắc mà màu khác nhau. Thuyền bát nhã nguyên là một bông sen của Đức Phật Tổ nơi Cực Lạc dùng tam muội pháp hoá thành. Thuyền này không đáy và do Tiếp Dẫn Đạo Nhơn chèo.

*Khuôn thuyền Bát Nhã chẳng hề chìm,*

*Nổi quá như bông, nặng quá kim.*

*Có đạo trong muôn ngời cũng đủ,*

*Không duyên một đũa cũng là chìm.*

(TNHT Q1/THIVĂN 57)

Nói về thể pháp, Đức Chí Tôn sai Tam Thị Thân là Tổng lái, Tổng mũi, và Tổng thương đến độ chơn hỗn về Cực Lạc. Ngoài ra còn 12 bá trạo (người chèo).

Chức sắc từ Giáo Hữu trở lên được chèo hầu và chèo đưa. Chèo thuyền là một buổi hát sự tích đưa người về cõi Thiêng Liêng hằng sống (có khôi giáp và điệu bộ giống như hát bội) hàm trong ý hai câu liền trước cửa thuyền:

*Vạn sự viết vô, nhục thể thổ sanh huờn tại thổ.*

*Thiên niên tự hữu, linh hồn thiên tử phản hồi thiên.*

Cách sắp xếp từ trước đến sau khi đưa linh cửu như vậy:

- Tăm danh hiệu: Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ
- Phướn Thượng Sanh (nếu là Lễ Sanh trở xuống); phướn Thượng Phẩm (nếu là Giáo Hữu trở lên).
- Bàn hương án (có bửu ảnh của người quá cố).
- Các bàn đưa, phúng văn ...
- Đồng nhi, nam trái nữ phải.
- Thuyền Bát Nhã chở linh cửu.
- Tang quyển.
- Chức sắc Hiệp Thiên Đài, Cử Trùng Đài phẩm cao đi trước, phẩm nhỏ đi sau, rồi đến đồng đạo.

### 11. LỄ NHẠC VÀ KINH KỆ:

Nhạc lễ của Cao Đài giáo là nhạc cổ truyền Việt Nam, chia làm 2 giọng Nam Ai và Nam Xuân.

Lễ nhạc cảm hoá lòng người về đạo đức. Trong các đàn cúng, nếu có lễ mà không có nhạc hoặc ngược lại thì

mất vẻ trang nghiêm: “Nhạc giả Thiên Địa chi hoà”.

Lạy thì bắt ấn Tý tức là hai bàn tay chấp lại, ngón cái của bàn tay trái chỉ vào gốc ngón đeo nhẫn (cung tý) tay phải bao lại bên ngoài rồi lấy dấu 3 ngôi Phật, Pháp, Tăng trên trán.

*“Thấy khai Bát Quái mà tác thành Càn Khôn Thế Giới, nên mới gọi là Pháp; Pháp có mới sanh ra Càn Khôn Vạn Vật rồi mới có người, nên gọi là Tăng.*

*Thấy là Phật chủ cả Pháp và Tăng, lập thành các đạo mà phục hồi các con hiệp một cùng Thấy.*

(TNHT Q1/38). *THẤY LÀ PHẬT TRÊN CÁC PHẬT.*

Thánh ngôn lại chép:

*“Lạy là gì?*

*– Là tỏ ra bề ngoài, lễ kính trong lòng.*

*Chấp hai tay lại là tại sao?*

*– Tả là Nhứt, hữu là Nguyệt, vị chi Âm Dương. Âm Dương hiệp nhứt phát khởi Càn Khôn, sanh sanh hóa hóa. Tức là Đạo. (\*1)*

*Lạy kẻ sống thì hai lạy là tại sao?*

*– Là nguồn cội của nhơn sanh lưỡng hiệp Âm Dương mà ra. Ấy là Đạo.*

*Vong phạm lạy bốn lạy là tại sao?*

*– Là vì hai lạy của phần người, còn một lạy Thiên, một lạy Địa.*

*Lạy Thần, lạy Thánh thì ba lạy là tại sao?*

*– Là lạy Đấng vào hàng thứ ba của Trời, và cũng chỉ rằng lạy Tinh, Khí, Thần hiệp nhứt. Ấy là Đạo.*



*Lạy Tiên, lạy Phật thì chín lạy là tại sao?*

*– Là tại chín Đấng Cửu Thiên Khai Hóa.*

*Còn lạy Thầy 12 lạy là tại sao?*

*– Các con không biết đâu?*

*Thập nhị Khai Thiên là Thầy, chúa cả Càn Khôn Thế Giới, nắm trọn Thập nhị Thời Thần vào tay. Số mười hai là số riêng của Thầy.”*

*(TNHT Q1/05)*

Mỗi ngày tín đồ phải làm lễ tại Thiên bàn 4 lần gọi là cúng Tứ Thời (Tý, Ngọ, Mẹo, Dậu) còn ngày Sóc vọng mới đến Thánh Thất hầu lễ. Đấng Chí Tôn dạy khi vào đàn cúng, phải tự hỏi coi phận sự ngày ấy xong chưa và lương tâm có cần rút chi chằng?.

Việc cúng bái người chết thì theo kinh Thế Đạo và làm tuần cửu rất chuyên biệt. Còn việc thờ cúng tổ tiên thì theo phép Đạo Nho.

---

(\*1) Ý ấy trong Kinh Dịch «Nhất âm nhất dương chi vị Đạo».

## 12. QUAN NIỆM VỀ VŨ TRỤ VÀ CON NGƯỜI:

Vũ trụ quan của Cao Đài giáo được Đấng Chí Tôn dạy:

*“Khi chưa có chi trong Càn Khôn Thế Giới thì Khí Hư Vô sanh ra có một Thầy và ngôi của Thầy là Thái Cực.*

*Thầy phân Thái Cực ra Lưỡng Nghi, Lưỡng Nghi phân ra Tứ Tượng, Tứ Tượng biến Bát Quái, Bát Quái biến hóa vô cùng, mới lập ra Càn Khôn Thế Giới.*

*(TNHT Q2/57)” (\*1).*

Quan niệm về nhân sinh (\*2) thì Đức Chí Tôn cũng giảng dạy:

*“Đạo, tức là con đường để cho Thánh, Tiên, Phật đọa trần do theo mà hồi cựu vị. Đạo là đường của các nhơn phẩm, do theo mà lánh khỏi luân hồi. Nếu chẳng phải do theo Đạo, thì các bậc ấy đều lạc bước mà mất hết ngôi phẩm.*

(TNHT Q2/01)

*Khi chưa có chi trong Càn Khôn Thế Giới thì Khi Hư Vô sanh ra có một Thầy và ngôi của Thầy là Thái Cực.*

*Thầy phân Thái Cực ra Lương Nghi, Lương Nghi phân ra Tứ Tượng, Tứ Tượng biến Bát Quái, Bát Quái biến hóa vô cùng, mới lập ra Càn Khôn Thế Giới. Thầy lại phân tánh Thầy mà sanh ra vạn vật là: Vật chất, thảo mộc, côn trùng, thú cầm, gọi là chúng sanh.*

(TNHT Q2/57)

*Có Thầy mới có các con, có các con rồi mới có chư Thần, Thánh, Tiên, Phật.*

(TNHT Q1/38)

---

(\*1) và (\*2) xem “Đại Đạo giáo lý” cùng soạn giả.

### 13. ĐẲNG CẤP NGƯỜI THEO ĐẠO:

Trong Đạo Cao Đài phân ra hai đẳng cấp chính: Thượng thừa và Hạ thừa.

**1)-Thượng thừa:** là bậc xuất thế ly gia cắt ái chẳng còn bận nhân tình thế sự. Họ chỉ lo tu và phổ độ cho mau đắc đạo. Tân luật qui định rằng: Chức sắc từ Giáo Hữu trở lên phải chọn lựa trong bậc Thượng thừa.

**2)-Hạ thừa:** là bậc mới nhập môn, còn ở lẫn lộn với

Đời, vừa giữ Đạo vừa lo việc gia đình, xã hội, cố gắng hoàn thành bốn phận làm người bằng cách giữ tam cương, ngũ thường để có thể chuẩn bị vào bậc Thượng thừa.

– Trong Đạo còn có bậc Trung thừa tức là Lễ Sanh và các phẩm tương đương, gọi chung là Tam Thừa, Cửu Phẩm.

#### 14. LUẬT LUÂN HỒI:

Dù bậc thượng thừa đều phải chịu luật luân hồi:

*“Các con đã sanh ra tại thế này, ở tại thế này chịu khổ não tại thế này, rồi chết cũng tại thế này, Thầy hỏi: Các con chết rồi các con ra thế nào? Các con đi đâu?”*

*Chẳng một đũa nào hiểu dạng cơ mầu nhiệm ấy. Thầy dạy: Cả kiếp luân hồi thay đổi từ trong nơi vật chất mà ra thảo mộc, từ thảo mộc đến thú cầm; loài người phải chịu chuyển kiếp ngàn năm, muôn muôn lần, mới đến địa vị Nhơn phẩm. Nhơn phẩm nơi thế này lại còn chia ra phẩm giá mỗi hạng. Đứng bậc Đế Vương nơi trái địa cầu này, chưa đặt vào bậc chót của địa cầu 67. Trong địa cầu 67, Nhơn loại cũng phân ra đẳng cấp đường ấy. Cái quý trọng của mỗi địa cầu càng tăng thêm hoài, cho tới Đệ nhứt Cầu, Tam Thiên Thế Giới; qua khỏi Tam Thiên Thế Giới thì mới đến Tứ Đại Bộ Châu; qua Tứ Đại Bộ Châu mới vào đẳng Tam Thập Lục Thiên; vào Tam Thập Lục Thiên rồi phải chuyển kiếp tu hành nữa, mới đặt lên đến Bạch Ngọc Kinh, là nơi Đạo Phật gọi là Niết Bàn đó vậy.”*

*(TNHT Q1/55)”*

Mỗi con người chúng ta đều có ba phần xác thân: đệ nhứt xác thân tức nhục thể; đệ nhị xác thân tức chơn

thần và đệ tam xác thân tức là chơn linh. Về luân hồi đệ nhị xác thân thì Đức Chí Tôn dạy:

*“Thầy nói cái chơn thần là nhị xác thân các con, là khí chất (le sperme évaporé), nó bao bọc thân thể các con như khuôn bọc vậy, nơi trung tâm của nó là óc, nơi cửa xuất nhập của nó là lỗ óc, gọi tiếng chữ là Vi Hộ, nơi ấy Hộ Pháp hằng đứng mà gìn giữ chơn linh các con, khi luyện thành đạo, đặng hiệp một với Khí, rồi mới đưa thấu đến chơn thần, hiệp một mà siêu phàm nhập Thánh.”*

(TNHT Q2/60)

Về luân hồi chơn linh thì Thầy dạy: *“Thầy đã nói rằng nơi thân phàm các con, mỗi đứa Thầy đều cho một chơn linh gìn giữ cái chơn mạng sanh tồn. Thầy tưởng chẳng cần nói các con cũng hiểu rõ rằng: Đấng chơn linh ấy vốn vô tư, mà lại đặng phép giao thông cùng cả chư Thần, Thánh, Tiên, Phật và các Đấng Trọn Lành nơi Ngọc Hư Cung, nhứt nhứt điều lành và việc dữ đều ghi chép không sai, đặng dâng vào Tòa Phán Xét, bởi vậy nên một mảy không qua, dữ lành đều có trả; lại nữa, các chơn linh ấy, tánh Thánh nơi mình đã chẳng phải gìn giữ các con mà thôi, mà còn dạy dỗ các con, thường nghe đời gọi là “lộn lương tâm” là đó.”*

(TNHT Q2/61)

## 15. NGŨ GIỚI CẤM:

Cũng năm 1928 (Mậu Thìn), Đức Chí Tôn giảng dạy về ngũ giới cấm.

**1-Bất sát sanh:** là chẳng nên giết hại các giống sanh vật. Thầy dạy: *«Cái sống của cả chúng sanh Thầy phân phát khắp Càn Khôn Thế Giới, chẳng khác nào như một nhánh*

*hoa trong cội, nó phải đủ ngày giờ Thấy nhứt định mới trở bông và sanh trái đặng trông nữa, biến hóa ra thêm; nếu như ai bẻ hoa ấy nửa chừng thì là sát một kiếp sanh không cho biến hóa.*

*Mỗi mạng sống đều hữu căn hữu kiếp, dầu nguyên sanh hay hóa sanh cũng vậy, đến thế nầy lâu mau đều định trước, nếu ai giết mạng sống đều chịu quả báo không sai; biết đâu là cái kiếp sanh ấy chẳng phải là Tiên, Phật bị đọa luân hồi mà ra đến đời ấy.*

*Cái mạng sống là Thấy, mà giết Thấy thì không phải đẽ, các con gắng dạy nhưn sanh điều ấy.*

(TNHT Q2/57)

“

**2-Bất du đạo:** là cấm trộm cướp, lường gạt, mượn vay không trả và cờ gian bạc lận. Thầy dạy: «... .., các con có hiểu vì sao mà cả nhưn sanh gian tham chẳng?

*Thì cũng muốn cho nhiều sanh mạng chịu phục dưới quyền thế lợi lộc đó, vậy sự yếu trọng của con người là nạn cơm áo, nắm chặt quyền phân phát cơm áo, thì chưa ai đã chịu thọ sanh nơi thế nầy lánh khỏi.*

*Muốn cho đặng quyền hành ấy thì làm thế nào?*

*Dùng hết mưu chước qui quyết, thâm đoạt cho đặng lợi lộc quyền thế cho nhiều, vì vậy mà đời trở nên trường hỗn độn, tranh tranh, đấu đấu, giứt giứt, giành giành, gây nên mối loạn, nhưn loại nghịch lẫn nhau giúp cho phép tà quyền, mạnh hơn, yếu thiệt, mất phép công bình thiêng liêng tạo hóa; cái trường thảm khổ của thế gian cũng do nơi đó mà ra.»*

(TNHT Q2/58)

**3-Bất tà dâm:** là cấm lấy vợ người, xúi giục làm loạn luân thường. Đạo vợ chồng để truyền tử lưu tôn không gọi là tà dâm. Thầy dạy: *«Các vật thực vào tỳ vị lại biến ra khí, khí mới biến ra huyết, chẳng cần nói, các con cũng biết cái chơn linh khí huyết là thể nào? Nó có thể huờn ra như hình mới có sanh sanh, tử tử của kiếp nhưn loại.*

*Vì vậy mà một giọt máu là một khối chơn linh, như các con dâm quá độ thì sát mạng chơn linh ấy.*

*Khi các con thoát xác, thì nó đến tại Nghiệt Cảnh Đài mà kiện các con. Các con chẳng hề chối tội đặng. Phải giữ gìn giới cấm ấy cho lắm.»*

(TNHT Q2/59)

**4-Bất tửu nhục:** là cấm say mê rượu thịt, ăn uống quá độ. Thầy dạy:

*«Hình chất con người vẫn là thú, phải ăn uống mới nuôi sự sống, như rượu vào tỳ vị, nó chạy vào ngũ tạng lục phủ hết, thì trái tim con người chẳng khác nào như cái máy chánh để trữ sự sống, cũng phải bị thâm nhập vào làm cho sự lao động quá chừng đôi thiên nhiên đã định, thôi thúc huyết mạch phải vận động một cách vô chừng, mà làm cho sanh khí nơi phổi chẳng đủ ngày giờ nhuận huyết tinh sạch cho đặng. Trước huyết ấy thôi lại cùng trong thân thể, để vật chất ô trược vào trong sanh vật, mỗi khối ăn nhằm phải bình, một ngày thêm một chút, hết cường tráng, cốt tủy lần lần phải chết thì thân thể các con phải chết theo.*

*Nhiều kẻ phải bị chết nửa thân mình vì rượu, nên ra đến đỗi.»*

(TNHT Q2/60)

**5-Bất vọng ngữ:** là cấm xảo trá, gạt gẫm người khoe

mình nhạo báng chê bai, nói hành kẻ khác, xúi giục người kiện thưa hoặc ăn nói thô tục, hủy báng tôn giáo khác. Đức Chí Tôn dạy: «*Như các con nói dối, trước chưa dối với người, thì các con đã nói dối với lương tâm, tức là chơn linh.*

*Thầy đã nói chơn linh ấy đem nạp vào Tòa Phán Xét từ lời nói của các con, dầu những lời ấy không thiệt hành mặc dầu, chớ tội tình cũng đồng một thể.*

*Nơi Tòa Phán Xét, chẳng một lời nói vô ích mà bỏ, nên Thầy dạy các con phải cẩn ngôn, cẩn hạnh, thà là các con làm tội mà chịu tội cho đảnh, hơn là các con nói tội mà phải mang trọng hình đồng thể.»*

(TNHT Q2/61)

## 16. TỬ ĐẠI ĐIỀU QUI:

Tử đại điều qui là bốn điều qui định, luật lệ buộc phải trau dồi đức hạnh.

1) Phải tuân lời chỉ dạy của bề trên, chẳng hở cho bực thấp hơn điều độ. Lấy lễ hoà người, lỡ lầm lỗi phải ăn năn chịu thiệt.

2) Chớ khoe tài, đừng cao ngạo, quên mình mà làm nên cho người. Giúp người nên Đạo, đừng nhớ thù riêng, chớ che lấp người hiền.

3) Bạc tiền xuất nhập phân minh, đừng mượn vay không trả. Đối với trên dưới đừng lờn dễ. Trên dạy dưới lấy lễ, dưới gián trên đừng thất khiêm cung.

4) Trước mặt sau lưng cũng đồng một bực, đừng kính trước rồi khinh sau: Đừng thấy đồng đạo tranh đua ngôi mà xem không để lời hoà giải. Đừng lấy chung làm riêng, đừng vụ riêng mà bỏ việc chung. Đừng cậy quyền

mà yếm tài người.

Trên đây là những giáo điều căn bản của nền Tân tôn giáo. Nó còn phức tạp hơn khi đi vào phần chuyên giáo lý.

### 17. ĐỨC CAO THƯỢNG PHẨM VỀ THẢO XÁ HIỂN CUNG:

Trong khi Đức Cao Thượng Phẩm đang lo chu tất việc tạo tác Toà Thánh tạm. Vào tháng 3 năm Mậu Thìn, một nhóm người từ Thủ Đức do ông Tư Mắt tức Nguyễn Phát Trước hướng dẫn về Toà Thánh đặt điều nước lá khuấy nên hồ. Họ đuổi Đức Cao Thượng Phẩm ra khỏi Toà Thánh trong 24 giờ, nếu không đi thì cột trong rừng mà bán. Ngài uất ức nhưng không thể giải bày cho những người bạo hành rõ được. Ngài quá buồn, bỏ về Thảo Xá Hiển Cung (Thánh Thất Tây Ninh ngày nay) và có làm bài thi tự thán như sau:

#### THI

*Công trình gây dựng Thất Tây Ninh,  
Bằng địa sóng xao khiến rập rình.  
Tà mị phạm rung rinh chất Thánh,  
Mùa màng sâu phá hoại hôn kinh.  
Xưa Toà Thánh dập dùi lai vãng,  
Nay bữu đình hiu quạnh luy nhìn.  
Thương Đạo mẫn Thấy xin sớm liệu,  
Cộng tâm chung trí chớ hàm thinh.*

Bịnh Ngài càng ngày càng thêm, Đức Chí Tôn giảng dạy: “Thấy thấy con bịnh phổi và bao tử, nên cho huyền-diệu-pháp cho con khỏi ăn đôi lúc cho thiệt mạnh. Hai cơ khí ấy vốn là hình chất nên khó lấy huyền diệu mà trị nó theo lẽ thường. Thấy buộc ngưng phạm sự nóặng tiếp dưỡng hườn



nguyên.” Nhờ đó, Đức Cao Thượng Phẩm không ăn mà vẫn no, do hợp không khí sớm mai lúc mặt trời vừa mọc.

Từ thuở khai Đạo, Đức Cao Thượng Phẩm vẫn là người phế đời hành Đạo trước nhưt. Thế nên được toàn Đạo kính mến, không nỡ để cơn khảo đảo kéo dài, nên 7 giờ sáng ngày 15-2-Mậu Thìn (1928), một đoàn xe hơi đưa chức sắc Đại Thiên Phong Hiệp Thiên và Cửu Trùng Đài đến Thảo Xá Hiên Cung rước Đức Ngài về Toà Thánh nhập tịnh thất (Tịnh thất này ở vào khoản Báo Ân Từ ngày nay). Hội Thánh có bổ chức sắc để phục vụ mọi việc cho Ngài.

Nhập tịnh thất một thời gian, bệnh vẫn không thuyên giảm, nên vào 18 giờ ngày 16 tháng 12 năm Mậu Thìn (1928) Giáo Hữu Thượng Trí Thanh kêu một cỗ xe ngựa đưa Đức Ngài trở về Thảo Xá Hiên Cung.

### 18. ĐỨC CAO THƯỢNG PHẨM ĐĂNG TIÊN:

Vào 11 giờ ngày 1-3-Kỷ Tỵ (10-4-1929) Đức Cao Thượng Phẩm cho mời Đức Phạm Hộ Pháp, Ngài Bảo Văn Pháp Quân và một số chức sắc đến Thảo Xá Hiên Cung mà trời rằng: *“Nay qua về chầu Đức Chí Tôn, em ở lại, hiệp với chức sắc chung lo nên Đạo của Thầy cho được vẹn toàn mọi sự”*. Nói dứt lời, Ngài xuất hồn êm ái, gương mặt cũng như người đương ngủ.

Hội Thánh thông tri cho toàn Đạo để cầu nguyện cho Đức Ngài được tiêu diêu miễn Tiên cảnh, chứng vị Kim Tiên.

Quàng tại Thảo Xá 3 ngày thì Hội Thánh nước Liên Đài về Toà Thánh, đây là một đám tang điển hình tổ chức

theo Đại Đạo, sắp đặt như sau:

- 1- Tắm hoành danh hiệu: Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ
- 2- Phướn Thượng Phẩm (nếu là chức sắc từ Lễ Sanh trở xuống thì Phướn Thượng Sanh).
- 3- Bàn hương án có bửu ảnh người quá cố
- 4- Các dàn nhạc
- 5- Các bàn đưa, phúng, vãn
- 6- Đồng nhi, nam trái, nữ phải.
- 7- Thuyền Bát Nhã chở Liên đài
- 8- Tang quyển
- 9- Chư chức sắc Hiệp Thiên, Cửu Trùng, lớn đi trước nhỏ đi sau, rồi đến chức việc, đạo hữu.

### 19. VIỆC XÂY THÁP CÁC CAO ĐỒ:

Đến ngày 16-4-1929 (7-3-Kỷ Ty) vào giờ Tý Đức Chí Tôn giảng dạy:

*«Thầy đã nói rõ rằng: Thượng Phẩm phải về Thầy trước các con, nhưng mà hại thay vì biếng nhác, các con không đọc Thánh Ngôn của Thầy mà kiếm hiểu.*

*T...! Con có nhớ lời Thầy nói với các con rằng: Đạo vốn vô vi, nếu Thượng Phẩm không trở lại thiêng liêng chi vị thì ai đem các chơn hôn vào cửa Thiên giùm cho các con, lại nữa các con vốn là kẻ dẫn đường cho cả chúng sanh thay mặt Thầy nơi thế nầy về phần Đời, còn phần Đạo cũng phải có đôi đưa mới dựng cho, cười!*

*Th...! Con phải xây cái Tháp của Thượng Phẩm phía trước cây ba nhánh, phải dạy mặt về Đông, giống như ngó*

vào điện mà hầu Thầy vậy. Song, ba từng phải lợp ngói như nóc chùa của các Đường Nhơn vậy nghe.

*Đừng làm như cái Tháp của Bảo Đạo, vì hai đũa phẩm vị khác nhau, chung quanh Bát Quái Đài phải làm như hình có cột, tại chính giữa Tháp phải có một lỗ cho nhứt quang rọi tới Liên Đài.*

(TNHT Q2/63)”

Xem thế, việc qui thiên của Đức Ngài là thiên thi dĩ định. Tuy hành đạo có 4 năm nhưng công nghiệp của Đức Ngài đáng nêu vào Đạo sử.

1- Nhà Đức Ngài là nơi phát tích việc xây bàn. Thế nên, vào đêm 25-12- 1925 Đức Chí Tôn giảng dạy: *“Nhà này sẽ đậy ơn Ta. Ta sẽ làm cho thấy huyền diệu đặng kính mến Ta hơn nữa.”*

Lễ Hội Yến đầu tiên, lập đàn cầu đạo cũng tại nhà Đức Ngài.

2- Đức Ngài phế đời hành đạo trước nhất và vững niềm tin hơn cả.

3- Các kiểu áo mào chức sắc đầu tiên cũng làm tại nhà Đức Ngài do bà Đầu Sư Hương Hiếu cắt may.

4- Đức Quyền Giáo Tông Lê Văn Trung nhập môn theo Đạo tại nhà Ngài vào 11-01-1926.

5- Đức Chí Tôn mượn đôi bàn tay của Ngài chấp nhang để trục thân của Ngài Phạm Công Tắc ra để chơn linh Hộ Pháp nhập vào.

6- Ngài cất Toà Thánh tạm, di cốt Phật Tổ từ chùa Từ Lâm về, an vị nơi Đại Đồng Xã.

7- Đức Ngài phò cơ xây dựng các cơ chế Đạo, Đức

Ngài qui là cơ Phong Thánh đã gãy.

Đức Cao Thượng Phẩm có giáng cho bài thi, hằng năm đều thài dâng lễ vía Ngài và dịp Hội Yến Diêu Trì Cung như sau:

THI

*Ngãnh lại mà đau cảnh đoạn tràng,  
Cõi Thiên mừng đặng dứt giây oan.  
Nợ trần đã phủi lòng son sắt,  
Ngôi vị nay vinh nghĩa đá vàng.  
Cõi tám chơn thành lòa nhứt nguyệt,  
Phơi gan chí sĩ nhuộm giang san.  
Bốn mươi hai tuổi sanh chưa phỉ,  
Để mắt xanh coi nước khải hoàn.*

Đến đây thời Đạo Pháp đã dứt, xin mời quý vị đọc tiếp Thời Chánh Pháp do Đức Quyền Giáo Tông và Đức Phạm Hộ Pháp quản trị.

---

## SƠ KẾT VIỆC PHỔ ĐỘ BUỔI ĐẦU

Nhờ đáp ứng nguyện vọng của quần chúng, Đạo Cao Đài đã rung động đa số nông dân. Nó phản ánh nguyện vọng thầm kín của các dân tộc nông nghiệp ở Đông Nam Á châu vì nó là cái ý thức hệ sâu rộng để đáp ứng nhu cầu các xã hội khai phóng. (Nguyễn Đăng Thục “Ý thức hệ cho xã hội khai phóng” Sài gòn, Đại Đạo nguyệt san số 3 - 1964, tr.45).

Thế nên, ngay từ những năm đầu Đạo khai, hàng ngàn người đã theo Đạo Cao Đài, đầu phải toàn là kẻ mê tín dị đoan mà là những phần tử trí thức uyên bác, những giáo sư, trạng sư, văn sĩ, ký giả..... ... Đạo Cao Đài xuất hiện đã khiến cho cả thế giới bàn tán. Các báo ở Paris, London, Lisbone, Varsovie và Buenos Airès. Hai kinh đô của Thiên Chúa giáo ở Châu Âu và Nam Mỹ cũng đã bắt đầu nghiên cứu về giáo lý đạo Cao Đài. Chưa kể đến những nhân vật ngoại quốc ở các thủ đô Châu Âu, Châu Mỹ gửi thư xin theo đạo Cao Đài. Ngay cả Nhật Bản cũng đã cử một phái đoàn học giả đến tận Tòa Thánh Tây Ninh để nghiên cứu về đạo Cao Đài. (G.GO-BRON, “Histoire et plylosophie du Caodaisme”, Paris, Dervy 1949, tr.117-118).

Riêng ở Nam Kỳ, số người theo đạo Cao Đài gồm nhiều thành phần. Từ những nông dân, những lao động mộ đạo đến các trí thức, nhà tu gốc Phật giáo. Đại để ta có thể phân chia những tín đồ đầu tiên này ra hai loại:

1/ Hạ tầng chức thơ ký, thông ngôn, giáo sư, đốc phủ sứ.

2/ Hạng có tư hữu giàu có như điền chủ (Nguyễn Trần Huân “Histoire d’une secte religieuse au Vietnam: Le Caodaïsme” (tr.89 - 214). In trong tradition et révolution au Vietnam, Paris 1971, tr.197).

**Hạng thứ nhất** gồm có luật sư Dương Văn Giáo (Bảo Cô Quân); nghị viên Cao Triều Phát (Thái Chưởng Pháp). (Hành Sơn “Gương xuất xứ của Đạo Trưởng Cao Triều Phát”. Sài Gòn Cao Đài Giáo Lý, số 82 (1973) tr.31 -39); bác sĩ Lê Văn Hoạch (Bảo Sanh Quân); đốc phủ sứ Nguyễn Văn Ca (Phối Sứ); ký giả Nguyễn Phan Long (Giáo Sứ), nhà văn Lê Thế Vĩnh (Tiếp Thế); giáo sư Trần Văn Quế (Giáo Sứ).

**Hạng thứ hai** gồm có điền chủ như Lâm Ngọc Thanh (Đầu Sứ); chủ đồn điền cao su Nguyễn Ngọc Thơ (Đầu Sứ)...

Theo báo Progrès Civique 1931, lúc đó đạo Cao Đài đã lên tới hơn một triệu tín đồ. Theo tài liệu của Sở Mật Thám Đông Dương lúc ấy đạo Cao Đài có 105 Thánh thất, năm sau tăng lên 128 cái (Gouvernement Général de l’Indochine. Contribution à l’histoire des mouvements politiques de l’Indochine Française, quyển VII, LE CAODAÏSME, Hanoi 1934, tr.8) và được non một triệu tín đồ (R.B.SMITH An introduction to Caodaism: I. Origins and early history (335-349 tr), quyển 33, tập 2, 1970. Bulletin of the school of Oriental and African Studies University of London, tr.342).

Chánh phủ thuộc địa Pháp thấy nguy cơ nền cai trị đầu độc của họ bị đạo Cao Đài vạch chân tướng. Họ không khùng bố tức thì mà từng bước một: cho bọn an ninh nhập môn phá rối, nghiêm cấm giới nhẹ dạ, khùng

---

bố kẻ ngoan đạo. Thêm vào đó, ngày Khai đạo, Đức Chí Tôn giáng cho câu liên:

***“Cao thượng Chí Tôn Đại Đạo hoá bình dân chủ mục.  
Đài tiền sùng bái Tam Kỳ cộng hưởng tự do quyền.”***

Đôi câu đối này như một tuyên ngôn tự do, dân chủ. Chính phủ Pháp ra tay không để cho một Jérusalem Mới (Une Jérusalem Nouvelle) (J.CENDRIEUX, Une Jérusalem Nouvelle. Qu'est ce qu'au juste le Caodaisme quatrième religion Indochinoise. Extrême Asie (Revue Indochinoise) số 25 (7/1928), tr.33-37) xuất hiện. May thay duyên tiền định, các ông Lê Văn Trung, hội đồng quản hạt Sài gòn, các ông phủ Nguyễn Ngọc Tương, Lê Bá Trang là những công chức Pháp có thể lực, họ khó khắc phục. Do đó, chính phủ bảo hộ chĩa mũi dùi vào người đạo ở nông thôn.

Trước tình thế đó Đức Chí Tôn giáng cơ vào đêm 8.3.1927 tại Từ Lâm như sau:

*“Thấy các con,*

*Thấy tưởng các con đã hiểu vì có nào chánh phủ Lang Sa nghi ngờ như vậy; vì các con chẳng tỏ ra rõ ràng: Đạo là Đạo, còn chánh trị là chánh trị. Các con chỉ vì Đạo là phận sự của các con. Các con cũng chỉ biết Đạo mà thôi. Các con cũng nên bạo gan mà nói trước mặt Vạn Quốc cùng Chánh Phủ rằng: Các con là người Đạo biết giúp đỡ nhưn sanh, dạy dỗ nhưn sanh, chớ chẳng biết chánh trị là gì? Dầu ai buộc các con cam đoan thì Thấy tưởng các con cũng không ái ngại.*

*Trong Đạo duy có một điều làm cho Chánh Phủ không vừa lòng là mỗi nước muốn cho phân cách nhau, mà Đạo thì hiệp, thì các con cũng nên làm ơn nói với người Lang Sa*

rằng: Nhờ Đạo mà các sắc dân được yêu nhau, mến nhau, phải lấy sự yêu mến mà buộc tình người, thì quyền hành kia mới được bền vững... Cười.....

*Trung, con phải tức cấp đến thuyết Đạo với người Lang Sa De la Prosse nghe; nói một phen nữa, nhưng chẳng nghĩ tình thì phải đánh giầy thép cho Chánh Phủ bên Tây mà kêu nài sau Thầy sẽ dạy.”*

(ĐSHH Q2/NGÀY 08-03-1927 ÁL. 07-02-ĐINH MÃO)

Ngài Đầu Sư Thượng Trung Nhật đến gặp Thống đốc Nam Kỳ là B. de la Brosse để kêu nài. Sau đó Ngài bố cáo:

### **BỐ CÁO CÙNG CHƯ ĐẠO HỮU**

*Nay là buổi Thiên Địa tuần hườn, hoàng khai Đại Đạo, Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế, vì thương nhân loại, rộng mở Đạo Trời, để dui dắt sanh linh vào đường đạo đức, hầu hưởng phúc về sau.*

*Trót một năm trường, chúng ta đã chẳng nài khó nhọc, ra công phổ độ khắp nơi, mong sao cả dân chúng cải ác tùng lương mà chung hưởng ngày Nghiêu thánh Thuần.*

*Nay Đại Đạo lập thành, Tân Luật đã ban ra, chúng ta cứ do theo đó mà hành đạo.*

... ..

*Còn về phân Nhơn Đạo, ta phải tuân theo phép nước, giữ phận thần dân, làm lành lánh dữ, mỗi mỗi phải do luật pháp mà cư xử, sưu lo thuế đóng, ... ..*

*Chớ nghe đồn huyên rằng Chánh Phủ bắt Đạo mà sợ, rồi dẹp Thiên Bàn, cuốn THÁNH TƯỢNG, ấy là một điều đại tội cùng TRỜI PHẬT đó.... ..*

*Nếu Chánh Phủ muốn ngăn cấm điều chi thì chạy tở*



---

*Châu Tri, dân Yết Thị khắp nơi cho nhơn dân rõ biết, đâu đó phân minh, đường đường chánh chánh.*

*Còn nếu không có Châu Tri cùng Yết Thị thì xin chư Đạo Hữu chớ vội tin mà lầm mưu kẻ nghịch Đạo.*

*Trong chư Đạo Hữu thắng như có ai bị cường quyền áp chế về việc phụng thờ THƯỢNG ĐẾ, xin mau mau gọi thợ cho tôi. Tôi sẽ dụng hết công tâm kêu nài cùng Chánh Phủ để làm cho kẻ ấy biết trọng quyền tin tưởng tự do của chúng ta.*

*Nay kính,*

LÊ VĂN TRUNG

Thiên ân

THƯỢNG TRUNG NHỰT

(TIỂU SỬ ĐỨC Q. GIÁO TÔNG THƯỢNG  
TRUNG NHỰT (LÊ VĂN TRUNG))

Theo tờ bố cáo cho ta biết, dân đạo lo âu, còn Chính phủ lo ngại không dám xem thường vì sợ thành phong trào “Nguy hiểm đáng sợ” (Une Jérusalem Nouvelle, Bulletin de l’Ecole Française d’ Extrême Orient).

Thật ra, thời gian đã chứng minh đạo Cao Đài không có gì là nguy hiểm. Họ là những người muốn tu tâm sửa tánh thực sự.



---

## PHỤ CHÚ NỘI DUNG TỜ KHAI ĐẠO

Văn kiện chính thức được Ông Lê Văn Trung gửi cho Thống đốc Nam Kỳ Le Fol, ghi ngày 07-10-1926 nguyên văn bằng tiếng Pháp như sau (\*1)

*Saigon, le 7 Octobre 1926*

*Monsieur le Gouverneur,*

*Les soussignés,*

*Ont l'honneur de venir respectueusement vous faire connaître ce qui suit:*

*Il existait en Indochine trois Religions (Bouddhisme, Taoisme, Confucianisme). Nos ancêtres pratiquaient religieusement ces trois doctrines et vivaient heureux en suivant strictement les beaux préceptes dictés par les Créateurs de ces religions.*

*On était, pendant cet ancien temps, tellement insoucieux qu'on pouvait dormir sans fermer les portes et qu'on dédaignait même de ramasser les objets tombés dans la rue (Gia vô bẻ hộ, lộ bất thập di, tel est l'adage inscrit dans nos annales).*

*Hélas! ce beau temps n'existe plus pour les raisons suivantes:*

*1. Les pratiquants de ces religions ont cherché à se diviser tandis que le but de toutes les religions est le même: faire le bien et éviter le mal, adorer pieusement le Créateur.*

*2. Ils ont dénaturé complètement la signification de ces saintes et précieuses doctrines.*

3. *La course au confort, à l'honneur, l'ambition des gens, sont aussi des causes principales des divergences d'opinions actuelles. Les Annamites de nos jours ont complètement abandonné les bonnes moeurs et traditions de l'ancien temps.*

*Ecoeurés de cet état de choses, un groupe d'Annamites, fervents traditionalistes et religieux ont étudié la refonte de toutes ces religions, pour n'en former qu'une seule et unique appelée CAODAISME ou ĐẠI ĐẠO.*

*Le nom "ĐẠI ĐẠI TAM KỶ PHỔ ĐỘ", qui signifie la troisième Amnistie générale, est donné par l'Esprit Suprême qui est venu aider les soussignés à fonder cette nouvelle religion.*

*L'Esprit Suprême est venu sous le nom de NGỌC HOÀNG THUỶ ĐẾ dit CAO ĐÀI ou Le Très Haut, DIEU TOUT PUISSANT.*

*Par l'intermédiaire de médiums écrivant, NGỌC HOÀNG THUỶ ĐẾ transmet aux soussignés des enseignements divins ayant pour but de concentrer et d'enseigner les beaux préceptes de ces trois anciennes Religions.*

*La Nouvelle Doctrine enseignera aux peuples:*

- 1. la haute morale de Confucius;*
- 2. les vertus dictées dans les religions bouddhique et taoïque. Ces vertus consistant à faire le bien et éviter le mal, aimer l'humanité, pratiquer la concorde, éviter totalement la dissention et la guerre.*

*Les soussignés ont l'honneur de vous soumettre:*

- 1. quelques extraits du recueil des: "Saintes - paroles" de NGỌC HOÀNG THUỶ ĐẾ, paroles estimées plus*

---

*précieuses que tout ce qui existe ici-bas.*

*2. la traduction de quelques passages du livre de prières que NGOC HOÀNG THƯỢNG ĐẾ nous a enseignées.*

*Le but poursuivi par les soussignés est de ramener les peuples à l'ancien temps de paix et de concorde.*

*On sera ainsi dirigé vers une époque nouvelle tellement heureuse qu'il est difficile de la décrire.*

*Au nom de très nombreux Annamites qui ont entièrement approuvé ces études et don't la liste est ci-jointe, les soussignés ont l'honneur de venir respectueusement vous déclarer qu'ils vont propager à l'humanité entière cette Sainte Doctrine.*

*Persuadés d'avance que cette nouvelle religion apportera à nous tous la Paix et la concorde, les soussignés vous prient de recevoir officiellement leur déclaration.*

*Les soussignés vous prient d'agréer, Monsieur le Gouverneur, l'assurance de leurs sentiments respectueux et dévoués.*

---

<sup>1</sup> Pierre Bernardini, *Le Caodaisme au Cambodge*, Université de Paris VII, 1974, pp.282-284



## NIÊN ĐẠI ĐẠO SỬ (1921-1929)

ÂM LỊCH	DƯƠNG LỊCH	BIẾN CỐ ĐẠO SỬ	Ghi Chú
1-1-T.Đậu	8-12-1921	Đức Cao Đài thâu ngài Ngô Văn Chiêu làm môn đệ thứ nhất ở Phú Quốc	
5-6-Á.Sửu	25-7-1925	Quý Ông Cư Tác Sang xây Bàn lẫm đầu tiên	Nhà Ô. Sang
18-5-Á.Sửu	1-9-1925	Hội Yến Điều Trì Cung đầu tiên	Nhà Ô. Cư
1-11-Á.Sửu	16-12-1925	Lập Đoàn Cầu Đạo (Vọng Thiên Cầu Đạo)	-nt-
	25-12-1925	Đức Cao Đài nhận ba ông Cư Tác Sang làm môn đệ	-nt-
	28-1-1926	Ông Lê Văn Trung được quý Ông Cư Tác Sang độ theo Đạo	Nhà Ô. Trung
14-3-B.Dần	24-4-1926	Ông Ngô Văn Chiêu tách riêng tu đơn	-nt-
15-3-B.Dần	25-4-1926	Ông Phạm Công Tác đặc Thiên phong Hộ Pháp	-nt-
		Ông Cao Quỳnh Cư đặc Thiên phong Thượng Phẩm	-nt-
		Ông Lê Văn Trung đặc Thiên phong Thượng Đầu Sư	-nt-
		Ông Lê Văn Lịch đặc Thiên phong Ngọc Đầu Sư	-nt-
12-8-B.Dần	17-9-1926	Tạo Quả Càn Khôn thờ Đấng Chí Tôn	-nt-
	7-10-1926	Khai Đạo với Chánh phủ Pháp	Nhà Ô. Tường
	29-10-1926	Đức Chí Tôn giao quyền cho Đức Lý Thái Bạch	

**NIÊN ĐẠI ĐẠO SỬ (1921-1929)**

<b>ÂM LỊCH</b>	<b>DƯƠNG LỊCH</b>	<b>BIẾN CỐ ĐẠO SỰ</b>	<b>Ghi Chú</b>
15-10-B.Dần	19-11-1926	Khai Đạo với Thiên Đình-Khai Tịch Đạo Nữ phái	
16-10 B.Dần	20-11-1926	Lập Pháp Chánh Truyền - phân định phẩm vị Cửu trùng Đài	
02-11-B.Dần	06-12-1926	Thành lập Tân Luật	
21-1-Đ.Mão	13-02-1927	Phân định phẩm vị Hiệp Thiên Đài	
20-2-Đ.Mão	23-03-1927	Thỉnh Thánh Tượng về Tòa Thánh tạm tại làng Long Thành	
	c.th.6-1927	Ngưng cơ bút Phổ độ	
	th.7 -1927	Hiệp nhất Ngũ chi Đại Đạo	Minh Lý đàn
	17-09-1927	Đức CHÍ-TÔN phong Thánh lần chót	
01-03-K.Tỵ	10-04-1929	Đức Cao Thượng Phẩm dâng Tiên	



---

---

# ĐẠI ĐẠO SỬ CƯƠNG Q1

Soạn Giả: Hiền Tài TRẦN VĂN RẠNG